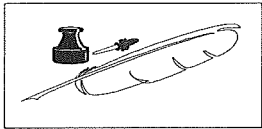


THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHI LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



ISSN 1145-9557 * Số 183 - Năm thứ 17, tháng 07+08-2004

Nhà luận

TIẾN TỚI MỘT NƯỚC IRAQ MỚI

Mỹ và đồng minh đã đạt được một thành công tại Iraq. Cần nhấn mạnh rằng đây chỉ mới là *một* thành công bởi vì tình hình vẫn còn rất khó khăn.

Tiếp theo nghị quyết của Liên Hiệp Quốc công nhận chính phủ lâm thời Iraq và chấp nhận để quân đội Mỹ và đồng minh được ở lại Iraq với thẩm quyền dùng mọi biện pháp cần thiết để bảo vệ an ninh, tổ chức NATO cũng đã thỏa thuận giúp đỡ chính quyền Iraq mới cả về kinh tế lẫn an ninh. Hoa Kỳ và Anh có lý do để thỏa mãn. Nhất là cùng một lúc với quyết định thuận lợi của NATO cuộc chuyển giao quyền hành cho chính quyền Iraq đã diễn ra êm thấm. Các cuộc thăm dò dư luận được thực hiện ngay sau đó cho thấy là đa số dân chúng Iraq ủng hộ chính quyền này và tin nhiệm tân thủ tướng Ayad Allawi.

Thử thách đặt ra cho chính phủ Ayad Allawi, và cho Hoa Kỳ, là các lực lượng khủng bố. Chính quyền mới tại Iraq có đem lại trật tự an ninh không, hay là Iraq sẽ lâm vào nội chiến ?

Giờ này vẫn còn quá sớm để trả lời một cách xác quyết, nhưng điều chắc chắn là sự chuyển giao quyền hành tại Iraq, cùng với các nghị quyết của Liên Hiệp Quốc và NATO đều là những yếu tố rất tích cực cho phép hy vọng rằng một nước Iraq dân chủ sẽ hình

thành và sẽ dẹp được bọn khủng bố. Các nghị quyết của Liên Hiệp Quốc và NATO cũng sẽ làm giảm đi sự chống đối của dư luận đối với Mỹ và Anh.

Chính quyền mới tại Iraq chắc chắn sẽ hiệu lực hơn Anh và Mỹ trong việc bình định, bằng cơ là bọn khủng bố đã sử dụng mọi biện pháp dữ dội và dã man nhất để ngăn chặn việc chuyển giao quyền hành. Các cuộc thăm dò dư luận cho thấy một tuần lễ trước ngày bàn giao chỉ có 2% dân chúng Iraq ủng hộ cuộc tấn công và chiếm đóng của Mỹ và đồng minh, 8% ủng hộ chính quyền lâm thời. Giờ này hầu như tất cả ủng hộ việc chuyển giao quyền hành và một đa số áp đảo ủng hộ chính quyền mới.

Chắc chắn sau này sẽ có nhiều sử gia cho rằng việc tấn công đánh đổ chế độ Saddam Hussein là cần thiết để bảo đảm sự ổn vững lâu dài cho thế giới ; thí dụ như nếu không có một chính quyền dân chủ mạnh tại Iraq thì trong trung hạn cũng khó lòng giữ được Saudi Arabia khỏi rơi vào tay khuynh hướng Hồi giáo khủng bố, vương quốc này đã quá thối nát và đến rất gần một tình trạng tương tự như Iran trước 1979, nghĩa là chín muồi cho một cuộc cướp chính quyền của những phần tử quá khích.

Và nếu Iraq ổn định được dưới một thể chế dân chủ, như người ta có thể hy vọng, thì cuối cùng hai ông Bush và Blair đã làm được một điều tốt.

Thông Luận

CHÍNH QUYỀN CỘNG SẢN SẮP XÉT XỬ LẤP LIẾM

Trần Khuê và Phạm Quế Dương



Trần Khuê

Chính quyền cộng sản Việt Nam đã ấn định ngày xét xử hai chiến sĩ dân chủ Trần Khuê và Phạm Quế Dương.

Nhà nghiên cứu Hán Nôm Trần Khuê sẽ bị xét xử tại Sài Gòn ngày 9-7-2004. Đại tá Phạm Quế Dương, nhà báo và nhà sử học, sẽ bị xét xử tại Hà Nội ngày 14-7-2004. Hai ông là đồng phát ngôn viên của Hội Nhân Dân Chống Tham Nhũng, thành lập ngày 2-9-

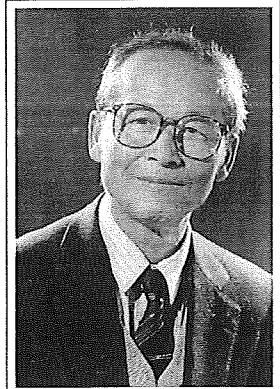
2001, và Nhóm Dân Chủ, thành lập ngày 2-8-2002. Ông Phạm Quế Dương bị bắt tại nhà ga Sài Gòn ngày 28-12-2002, ông Trần Khuê bị bắt tại tư gia, Sài Gòn ngày hôm sau. Cả hai mới đầu đều bị buộc tội gián điệp.

Hai vụ án này dù chưa diễn ra đã chứng tỏ sự bối rối rõ rệt của nhà cầm quyền cộng sản trước áp lực của dư luận trong và ngoài nước. Cáo trạng của họ đã thay đổi nhiều lần, sau cùng họ chỉ còn bị buộc tội "*lợi dụng các quyền tự do dân chủ*" chiếu theo điều 258 bộ luật hình sự. Với tội danh này họ có thể bị xử từ 3 tháng đến 3 năm tù giam. Vì cả hai đã bị giam giữ hơn 18 tháng nên có nhiều triển vọng họ sẽ được trả tự do không lâu sau ngày xét xử.

Sự lấp liếm thấy rõ trong trường hợp Trần Khuê. Giữa tháng 6 vừa qua, sau khi được thông báo đã có cáo trạng, hai luật sư Đàm Văn Hiếu, Hà Nội, và Trần Lâm, Hải Phòng, cả hai đã ngoài 80 tuổi, vào Sài Gòn để yêu cầu được tham khảo hồ sơ và gặp thân chủ của họ nhưng đã bị từ chối với lý do là hồ sơ cần được sửa đổi. Hai vị phản đối vì họ tuổi đã già mà phải di chuyển một cách vô ích. Họ được trả lời là cứ yên tâm vì có lẽ không cần phải biện hộ, Trần Khuê sẽ không bị xử án nặng. Sau khi chính thức ấn định ngày xét xử, họ được gia đình Trần Khuê thông báo là họ không cần phải vào Sài Gòn bào chữa nữa vì chính quyền đã cho biết trường hợp Trần Khuê sẽ được giải quyết thỏa đáng.

Phạm Quế Dương được trao bản cáo trạng lần đầu tiên ngày 3 tháng 2-2004, theo đó ông bị kết tội gián điệp, một tội danh có thể khiến ông bị án tử hình hoặc tù chung thân. Phiên tòa được dự trù vào cuối tháng 3-2004. Ba luật sư Đàm Văn Hiếu, Trần Lâm và Nguyễn Thắng Cảnh yêu cầu được tham khảo hồ sơ và gặp ông Dương nhưng bị khất lần rồi được thông báo là phiên tòa phải dời lại vì hồ sơ cần được xét lại. Sau đó tội danh gián điệp được sửa đổi thành "*hoạt động gián điệp trong trường*

hợp không nghiêm trọng" với án phạt tối đa 12 năm tù. Nhưng bản cáo trạng này cũng bị thu hồi. Sau hơn hai tháng dùng dằng, bây giờ chính quyền cộng sản quyết định đem xử Phạm Quế Dương ngày 14-7 về tội "*lợi dụng các quyền tự do dân chủ*", các luật sư cũng được thông báo một cách không chính thức là sự bào chữa của họ không cần thiết nữa. Cũng như đối với Trần



Phạm Quế Dương

Khuê, chính quyền Hà Nội muốn các luật sư và gia đình hiểu rằng Phạm Quế Dương sẽ chỉ bị xử một bản án nhẹ và có thể được trả tự do sau phiên tòa. Tuy nhiên các luật sư vẫn yêu cầu được bào chữa.

Cáo trạng đối với Phạm Quế Dương cũng giảm bớt rất nhiều, chỉ còn lại những cáo buộc nhẹ và vu vơ như :

- tự ý đòi ra ứng cử vào quốc hội,
- thành lập Hội Chống Tham Nhũng để bôi nhọ chế độ,
- loan tin không đúng sự thực về hiệp định biên giới Việt-Trung để vu cáo nhà nước,
- có liên lạc với Nguyễn Gia Kiểng và một số "thành phần phản động nước ngoài" (bản cáo trạng nói là do sự giới thiệu của cố trung tướng Trần Độ),
- viết một số bài chế nhạo chính quyền, như "Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao cần bổ túc văn hóa", "Họ làm Chúa Giê Su với Phật Thích Ca" v.v.

Tất cả những sự kiện này ngay cả nếu đúng sự thật cũng không phải là phạm pháp cho nên các luật sư tin là họ có thể phản bác dễ dàng và Phạm Quế Dương, cũng như Trần Khuê, sẽ chỉ bị xử một án tù xấp xỉ tương đương với thời gian đã bị giam giữ để sau đó được trả tự do như trường hợp Trần Dũng Tiến trước đây.

Như vậy là các áp lực của dư luận đã buộc Hà Nội phải chùn tay. Những người dân chủ có thể phần nào yên tâm, nhưng không thể hài lòng với sự nhượng bộ này. Phạm Quế Dương, Trần Khuê, Nguyễn Đan Quế không có lý do gì để có thể bị bắt giam cả. Trả tự do cho họ là một hành động trong chiều hướng đúng, nhưng hoàn toàn không đủ.

Chính quyền cộng sản phải hủy bỏ các bản án thô bạo, trả tự do cho mọi người dân chủ còn bị giam giữ và chấm dứt mọi biện pháp đàn áp. Cuộc vận động dân chủ vừa đạt một thắng lợi, nó cần và phải được tăng cường.

Thông Luận

NGƯỜI TRÍ THỨC TRẺ LÊ CHÍ QUANG ĐƯỢC TRẢ TỰ DO vẫn giữ nguyên vẹn quyết tâm tranh đấu cho tự do và dân chủ của đất nước

Người trí thức trẻ Lê Chí Quang, bị bắt giam vào ngày 21-1-2002, được gia đình đến đón tại Ba Sao và đã về đến nhà chiều thứ Hai 14-6-2004.

Từ gần hai tuần lễ nay đã có những dấu hiệu không bình thường. Gia đình Lê Chí Quang bị công an theo dõi và tiếp xúc thường xuyên, trong khi tình trạng sức khỏe của Quang không có gì đặc biệt. Thứ Bảy 12-6 Lê Chí Quang được thông báo tại nhà tù Ba Sao là anh được trả tự do, với điều kiện là không vi phạm luật pháp nữa. Điều này chẳng khó khăn gì bởi vì từ trước đến nay Quang cho rằng những việc làm của mình chưa hề vi phạm luật pháp, vì thế Quang đã ký.

Lê Chí Quang vẫn giữ nguyên vẹn quyết tâm tranh đấu cho tự do và dân chủ của đất nước. Dư luận có thể tự hỏi là lý do nào đã đưa đến việc nhà cầm quyền quyết định thả Lê Chí Quang.

Trước hết, lý do «nhân đạo» do bộ ngoại giao cộng sản đưa ra chắc chắn là giả dối. Thời gian đầu lúc Quang mới bị bắt được vài tháng, sức khỏe của Quang ở trong tình trạng nguy kịch nhưng gia đình vẫn không được phép tiếp tế thường xuyên mà chỉ được phép gửi thuốc một tháng một lần.

Tháng 9-2003 sức khỏe của Quang bị sa sút một cách trầm trọng, gia đình xin đưa Quang về nhà điều trị, hoặc ít nhất là đưa Quang về một trại giam tại Hà Nội để có thể chăm sóc thường xuyên hơn, nhưng cũng bị từ chối. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã ra một tuyên bố trong dịp này, vào ngày 20-9-2003 đòi nhà cầm quyền cộng sản phải trả tự do cho Quang, nếu không sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những gì xảy ra cho người trí thức trẻ yêu nước này.

Nhưng chỉ vì lý do nhân đạo thì cần gì một phát ngôn viên của bộ ngoại giao phải lên tiếng ?

Nhà cầm quyền cộng sản đã phải thả Lê Chí Quang rõ ràng là vì áp lực của dư luận thế giới. Các tổ chức nhân quyền và bảo vệ tự do ngôn luận như Amnesty International, Human Rights Watch, Ký Giả Không Biên Giới đã không ngừng lên tiếng đòi thả Quang. Đầu năm

nay, một biến cố mới đã tạo thêm áp lực với nhà cầm quyền cộng sản: Lê Chí Quang được giải thưởng tự do báo chí do Văn Bút Quốc Tế và đài truyền hình NBC phối hợp trao tặng.

Một điều nhức nhối khác cho chính quyền cộng sản Hà Nội chính là bản cáo trạng dành cho Lê Chí Quang. Theo bản cáo trạng này thì Quang đã bị buộc tội «lợi dụng cơ hội nhà nước kêu gọi đóng góp sửa đổi hiến pháp để yêu cầu thực hiện dân chủ đa nguyên». Tội danh này là lối bịch vì một mặt chính quyền

kêu gọi dân chúng đóng góp ý kiến, mặt khác lại trừng phạt những ý kiến không vừa ý với chính quyền. Một tội danh khác trong bản cáo trạng của Quang là đã «vu cáo chính quyền dùng nhà tù để đàn áp những người không cùng chính kiến», nhưng chính việc chính quyền bắt bỏ tù Quang chứng tỏ Quang không hề vu cáo. Cả hai tội danh này được các tổ chức nhân quyền quốc tế thường xuyên nhắc lại và đã có tác dụng lối bịch hóa chính quyền cộng sản.

Hơn nữa ban lãnh đạo cộng sản ngày càng chia rẽ về đợt đàn áp những người dân chủ. Trong bộ chính trị chỉ còn có ba người chủ trương cứng rắn đối với đối lập dân chủ là Trần Đức Lương, Nguyễn Khoa Điềm và Lê Minh Hương, nhưng Trần Đức Lương thì đã bị tai tiếng nhiều vì tham nhũng, Lê Minh Hương thì đã chết với những nghi vấn. Trong lúc đó ngày càng có những tiếng nói trong bộ chính trị coi đợt đàn áp những người dân chủ là một sai lầm làm đảng cộng sản bế tắc.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đón nhận quyết định thả Lê Chí Quang như là biện pháp trong chiều hướng tốt, nhưng chưa đủ. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tiếp tục tranh đấu cùng các tổ chức dân chủ khác để đòi nhà cầm quyền cộng sản nhìn nhận quyền đối lập, hủy bỏ những bản án thô bạo, thả tức khắc và không điều kiện cho những người đối lập bị giam giữ, trước hết là Phạm Quế Dương, Trần Khuê, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Khắc Toàn, Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Hồng Quang.

Hoa Kỳ, ngày 15 tháng 6 năm 2004

Trân trọng thay mặt,

Nguyễn Văn Hiệp

Thành viên Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

"Bình thường hóa quan hệ giữa người Việt Nam với nhau. Long trọng xác nhận đất nước này là của chung mọi người chứ không phải là của riêng một đảng hay một chủ nghĩa. Nhìn nhận chỗ đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người. Tất cả những điều này chúng ta đều có thể làm và đều có thể làm ngay. Rồi chúng ta sẽ cùng nhau khám phá ra sự mâu thuẫn của những giá trị rất đơn giản như tự do, dân chủ, hòa hợp dân tộc". (Thành Công Thế Kỷ 21, tr. 142)

Ngày 19-8-1945 đã là một ngày lịch sử lớn. Đó là ngày mà Việt Nam khẳng định trước thế giới như một dân tộc có chủ quyền, nhưng đồng thời đó cũng là ngày nước ta đi vào một phương hướng đặc biệt và đầy hậu quả : chủ nghĩa cộng sản. Không ai có thể chối cãi rằng nếu Cách Mạng Tháng 8 do một lực lượng không cộng sản chủ động thì nước ta sẽ khác hẳn hiện nay. Với Cách Mạng Tháng 8, chủ nghĩa cộng sản đã đột ngột xuất hiện một cách áp đảo. Việt Nam cũng có một đàn anh hoàn toàn mới : nước Nga, một nước rất xa, chưa hề tiếp xúc với Việt Nam, bỗng nhiên được người cộng sản Việt Nam coi như tổ quốc của mình một cách rất thành thực. Nhân dịp kỷ niệm Cách Mạng Tháng 8 cũng nên nhìn lại những tình huống đã đem chủ nghĩa cộng sản tới Việt Nam.

Trước hết là một minh định quan trọng : cái mà chúng ta gọi là chủ nghĩa cộng sản, hay "chủ nghĩa Mác-Lênin", tại Việt Nam không phải là chủ nghĩa cộng sản của Marx mà chỉ là chủ nghĩa của Lenin, trong đó tư tưởng Marx đã bị lợi dụng và lạm dụng. Khi Lenin và đảng cộng sản Nga nắm được chính quyền tại Nga, trong biến cố gọi là "Cách Mạng Tháng 10 Nga" vào tháng 11-1917, thì phong trào cộng sản thế giới đã thất bại và tan rã từ lâu rồi.

Một cách tóm tắt, tuy tư tưởng cộng sản không mới, nó nằm trong khuôn khổ những trần trở của nền văn hóa Thiên Chúa Giáo trước mâu thuẫn giữa một tôn giáo coi mọi người là anh em và một thực tại xã hội đầy rẫy bất công, nhất là vào lúc khởi đầu cuộc cách mạng kỹ nghệ, nhưng phong trào này đã chỉ thành tổ chức năm 1847 với "Liên Đoàn Cộng Sản" và với bản "Tuyên Cáo Cộng Sản" nổi tiếng do Marx soạn thảo với sự đóng góp của Engels. Nó phát triển mạnh và trở thành "Đệ Nhất Quốc Tế" năm 1864, cơ quan đầu não đặt ở London do Marx kiểm soát. Đệ Nhất Quốc Tế phát triển rất nhanh chóng, vào năm 1869 nó có tới gần bảy triệu thành viên với gần một triệu thành viên đóng liễm đều đặn. Nhưng nó đã là nạn nhân của chính sự phát triển nhanh chóng này và đã tan rã trên thực tế năm 1872 sau một đại hội xung đột giữa nhiều phe phái cách mạng, cải tổ và vô chính phủ. Chính Marx đã vận động để chuyển trụ sở sang Mỹ và sau đó coi sự tan rã này như một lối thoát vinh quang cho một phong trào đã bế tắc. Rồi năm 1876 Đệ Nhất Quốc Tế chính thức được giải tán. Cuộc cách mạng vô sản mà Marx hô hào đã thất bại.

Đệ Nhị Quốc Tế được thành lập năm 1889, sáu năm sau khi Marx đã qua đời. Dầu vậy người ta có thể chắc chắn là Marx không ủng hộ Đệ Nhị Quốc Tế. Trong một thư gửi một người bạn năm 1881, ông viết : "Những điều kiện cho phép thành lập một quốc tế lao động chưa hội đủ, những cố gắng thành lập các quốc tế như vậy không những vô ích mà còn có hại và sẽ chỉ tàn lụi trong sự nhàm chán". Đệ Nhị Quốc Tế tuy lập lại những lập trường căn bản của

Marx nhưng chấp nhận cả những thành phần không tán thành Marx và đa số chủ trương thay đổi xã hội qua những cải tổ liên tục.

Năm 1919, Lenin, sau khi đã nắm được chính quyền tại Nga, cho ra đời *Đệ Tam Quốc Tế*, một tổ chức thuần túy đặt dưới quyền điều động tùy tiện của Lenin, và nhất là Stalin sau đó, cuối cùng bị giải thể do một sắc lệnh của Stalin tháng 6-1943. Chủ nghĩa cộng sản nhập cảng vào Việt Nam trong Cách Mạng Tháng 8 như vậy chỉ là cái đuôi của một chủ nghĩa đã phá sản. Vấn đề là người Việt Nam, cộng sản cũng như chống cộng, không hiểu được điều này và đã nhìn nó, dù để theo hay để chống, như một khuynh hướng cấp tiến đang lên.

Nhưng trước hết hãy quay trở lại để nhận định về sự thất bại của phong trào cộng sản do Marx và Engels hướng dẫn. Có thể nói sự thất bại này gần giống như sự phá sản của một công ty vay nợ mà không có khả năng hoàn trả. Phong trào cộng sản giống như một tôn giáo mà tín điều được chứa đựng trong *Tuyên Ngôn Cộng Sản* và thánh kinh là cuốn *Tư Bản Luận*. Điều nghịch lý là, khác với các tôn giáo, tín điều lại có trước thánh kinh. Marx viết *Tuyên Ngôn Cộng Sản* năm 1847, khẳng định những niềm tin nền tảng của phong trào cộng sản mà ông quả quyết rằng có thể, và sẽ, chứng minh được một cách khoa học. Người ta chờ đợi Marx thực hiện lời cam kết đó, nhưng Marx đã không giữ được lời hứa. Mãi tới hai mươi năm sau, năm 1867, Marx mới viết xong tập I của *Tư Bản Luận*. Và cuốn sách đã là một thất vọng lớn. Điều mà người ta chờ đợi Marx chứng minh là sự sụp đổ không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa cộng sản đã không có, thay vào đó là một lý thuyết kinh tế về trị giá và những lời tiên tri không có cơ sở. Darwin được Marx đề nghị để tặng cuốn sách này đã từ chối. Bề bàng càng lớn vì Marx coi *Tư Bản Luận* là tác phẩm mà để thực hiện ông đã phải "hy sinh cuộc sống, hạnh phúc và gia đình". Marx đã không trả lời được những chất vấn trên những xác quyết mà ông đưa ra. *Tư Bản Luận* gần như đã đánh một dấu chấm hết trên chủ thuyết chính trị của Marx. Năm 1877, ông cộng tác với Engel để đưa ra tác phẩm "*Chống Dühring*", bao gồm toàn bộ những tư tưởng căn bản của ông. Cuốn sách này không tìm được nhà xuất bản, được đem đăng từng kỳ một trên tờ báo của Đảng Dân Chủ Xã Hội Đức, tổ chức mạnh nhất trong phong trào vô sản thế giới, nhưng bị bỏ ngang vì bị đại hội đảng Dân Chủ Xã Hội Đức đánh giá là "hoàn toàn không ích lợi gì cho các đảng viên mà còn gây cho họ một sự nhàm chán đến cực độ". Khó có thể hình dung được sự bề bàng cuối đời của Marx. Cuốn *Tư Bản Luận* tập I chỉ được dịch ra tiếng Anh và tiếng Pháp hơn 10 năm sau đó. Các tập II và III cũng chỉ được ấn hành rất lâu sau khi Marx đã qua đời và hầu như không ai đọc, trừ những nhà nghiên cứu về Marx.

Chính Marx cũng đã nhìn nhận sự phá sản của chủ thuyết cách mạng vô sản của mình. Năm 1872, ngay sau khi Đệ Nhất Quốc Tế tan vỡ, ông gửi thông điệp cho phân bộ Hòa Lan nói rằng "tại những nước như Mỹ và Anh, người lao động có thể đạt tới mục tiêu của mình bằng những phương tiện ôn hòa". Trước đó, năm 1870, ông còn coi Anh và Đức là những vùng đất hứa để tiến hành cách mạng, đập tan nhà nước tư bản và xây dựng chuyên chính vô sản. Trong những năm chót của đời ông, Marx đã để lại một câu nói bất hủ : "Điều chắc chắn là tôi không theo chủ nghĩa Marx".

Sự thất bại của chủ thuyết cộng sản vào cuối thế kỷ 19 mặc khác cũng do thực tế đem đến. Thất bại của cuộc cách mạng 1848, rồi các công xã Paris năm 1871 đã làm mất lòng tin của giai cấp công nhân vào thắng lợi tất yếu của cuộc cách mạng vô sản. Hơn thế nữa, những tiên đoán của Marx về sự tích lũy tư bản, về tập trung tư bản và về sự gia tăng bản cùng của giai cấp công nhân ngày càng bị thực tế lộ bịch hóa. Đời sống của công nhân thay vì bị bản cùng hóa đã tăng lên một cách ngoạn mục trong những thập niên cuối của thế kỷ 19. Phong trào công nhân tại Đức, Anh và Pháp chuyển qua đấu tranh ôn hòa bằng nghị trường và nghiệp đoàn.

Năm 1917, Lenin giành được thắng lợi tại Nga. Trong cuộc cách mạng lật đổ Nga hoàng tháng 2-1917, đảng cộng sản Nga (lúc đó còn mang tên là Đảng Dân Chủ Xã Hội Nga) rất yếu, không có một đóng góp nào cả. Cái mà người ta gọi là "Cách Mạng Tháng 10 Nga", thực ra chỉ là một cuộc đảo chính của một đảng khủng bố đã "sáng suốt" nhìn thấy sức mạnh của bạo lực và quyết tâm trong một xã hội hoang mang và phân rã.

Nước Nga, kể từ ngày lập quốc cho đến khi chế độ cộng sản được thành lập, có một đặc điểm là đã chỉ có những chế độ cực kỳ tàn bạo. *Bạo lực là văn hóa nền tảng của nước Nga và Lenin là người hiểu rõ nhất tâm lý này.* Một điều khác mà Lenin cũng hiểu rõ là tâm lý tự mãn "éch ngòi đáy giếng" của một nước Nga vì ít tiếp xúc với thế giới bên ngoài nên cứ tưởng chế độ thôn xã của mình, về bản chất chỉ là một chế độ nô lệ còn bán khai hơn cả nếp sống làng xã Việt Nam, có thể lấy làm mẫu mực cho xã hội tương lai của nhân loại. Bản thân Lenin xuất thân từ một môi trường khủng bố, anh ruột Lenin đã bị xử tử sau một hành động khủng bố, còn ông bị đày đi Siberia. Kinh nghiệm bản thân này giúp Lenin hiểu rằng một nhóm nhỏ quyết tâm có thể khống chế và sai bảo được một số người rất đông đảo nếu có được một lý luận chặt chẽ và hùng hồn, dù không cần đúng. Trở lại Nga sau cách mạng tháng 2-1917 lật đổ Nga hoàng và sau một thời gian lưu vong dài, Lenin bắt tay ngay vào việc xây dựng một đảng khủng bố. Chín tháng sau Đảng Dân Chủ Xã Hội của ông ta (đổi tên là Đảng Công Sản từ năm 1918) nắm được chính quyền và dần dần tiêu diệt mọi lực lượng khác để nắm độc quyền chính trị. Thành công của Lenin và các đệ tử của Lenin tại các nước khác thật là mỉa mai cho Marx. Chủ nghĩa cộng sản đã không thành công tại những nước kỹ nghệ như ông tiên đoán, trái lại đã giúp những phần tử khủng bố cướp

chính quyền tại những nước lạc hậu. Nhưng nếu không có Lenin chắc chắn chủ nghĩa Marx đã bị chôn vùi.

Hồ Chí Minh, được huấn luyện tại Nga, đem chủ nghĩa cộng sản, bài bản Lenin, mà chính ông cũng như các cộng sự viên của ông chỉ biết một cách rất sơ sài về Việt Nam và đã thành công vì, một mặt, xã hội Việt Nam đã chín muồi cho một chủ nghĩa như thế và, mặt khác, nhờ chính sách khủng bố có kỹ thuật mà Hồ Chí Minh du nhập từ Nga. Hơn thế nữa Đảng Cộng Sản Việt Nam là lực lượng duy nhất có hỗ trợ quốc tế.

Chủ nghĩa cộng sản là ý thức hệ cuối cùng của loài người mang tham vọng giải thích tất cả. Nó bao gồm một học thuyết siêu hình, một triết lý về lịch sử và một hứa hẹn hạnh phúc. Nó đòi hỏi lòng tin thay vì lý luận. Về bản chất nó cũng giống như một tôn giáo. Vì thế nó đã thành công ở những nơi mà một tôn giáo được lấy làm nền tảng cho chính trị sụp đổ, đòi hỏi sự ra đời của một tôn giáo khác. Nó đã được hưởng ứng trong giai đoạn đầu tại Tây Âu khi ý thức hệ Thiên Chúa giáo tỏ ra bất lực trong việc giải quyết mâu thuẫn xã hội. Nó mất dần ảnh hưởng khi xã hội Tây Âu cải tiến và tìm ra những lý luận chính xác để bác bỏ nó. Dưới bài bản Lenin, nó đã thành công tại Nga, một xã hội khép kín trong nhiều thế kỷ và đã không đổi mới kịp với đòi hỏi. Nó còn thành công hơn nữa tại các xã hội Khổng giáo như Trung Quốc và Việt Nam, nơi một ý thức hệ toàn trị đã sụp đổ nhưng vẫn chưa bị từ bỏ. Chủ nghĩa cộng sản của Lenin về nội dung rất giống Khổng giáo và đã xuất hiện như một giải pháp để cải tiến Khổng giáo.

Điều cần lưu ý là mặc dù không biết gì về chủ nghĩa cộng sản, đặc biệt là không biết rằng đây chỉ là một chủ nghĩa xuất phát từ hoàn cảnh xã hội Tây Âu, đã chứng tỏ sự sai lầm ngay trên quê hương của nó và đã bị Lenin bóp méo để lạm dụng, hầu hết các tổ chức chính trị Việt Nam ra đời trước Cách Mạng Tháng 8 đều đã chấp nhận nó, hoặc ít nhất chủ nghĩa dân túy. Có thể nói trước tháng 8-1945 không có người Việt Nam nào thực sự chống chủ nghĩa cộng sản vì thâm tín cá nhân cả. Lập trường chống cộng chỉ xuất hiện sau đó, khi Đảng Cộng Sản Việt Nam thi hành chính sách khủng bố, thủ tiêu theo bài bản Lenin. Ở một mức độ nào đó có thể nói chính Hồ Chí Minh, và chủ nghĩa Lenin mà ông du nhập đã khiến người Việt Nam tàn sát nhau và khai sinh ra lập trường chống cộng tại Việt Nam. Một lần nữa chúng ta thấy rõ sự chậm tiến về trí tuệ của châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng : say mê một học thuyết mà chính người sáng tạo ra nó đã từ bỏ.

Cách Mạng Tháng 8, bên cạnh sự vinh quang không thể chối bỏ của nó, đã dẫn chúng ta đến nhiều thảm kịch đẫm máu và đã khiến chúng ta thua kém như ngày nay.

Bài học mà chúng ta cần rút ra là một dân tộc không có tư tưởng không khác một người mù, không vấp ngã cách này thì cũng vấp ngã cách khác.

Nguyễn Gia Kiểng

(*) Những trích dẫn lời của Marx lấy từ cuốn "*Marx-Engels, selected correspondance*", của Dona Torr, trích lại từ cuốn *Theory and Practice of Communism* của Carew Hunt, Pelican Books, 1977.

Hiệp ước Việt - Trung về Vịnh Bắc Bộ đã được thông qua
Không người Việt Nam nào còn có thể im lặng !

* Cách thông qua khuất tất, mờ ám * Kế đàm phán kém hiểu biết, vô trách nhiệm hay bị mua chuộc ? *
Hãy nghe ý kiến của chuyên gia hàng đầu về luật biển * Hoan hô : một phiếu chống và 8 phiếu trắng *
Im lặng là vô cảm với hồn thiêng sông núi tổ quốc Việt Nam *

Thế là Hiệp ước Việt-Trung về Vịnh Bắc Bộ và Nghị định thư về hợp tác đánh cá trong Vịnh Bắc Bộ đã được Quốc hội Việt Nam thông qua chớp nhoáng trong phiên họp bế mạc.

Tin tức chính thức thật là *bôi bác* : không biết có ai thay mặt chính phủ trình bày về nội dung và quá trình đàm phán về hai văn kiện này hay không ? Các đại biểu quốc hội có thảo luận, có ai chất vấn gì không ? Chỉ biết chủ nhiệm Ban đối ngoại của Quốc hội trình bày sơ lược rồi quốc hội biểu quyết : 424 thuận, 1 chống và 8 người không có ý kiến. Tin tức không cho biết biểu quyết bằng dơ tay hay phiếu kín. Trong thời đổi mới, mọi việc vẫn cứ mờ mờ ảo ảo, tranh tối tranh sáng, như đánh đố thiên hạ ! Nội dung các văn kiện vẫn chưa được công bố !

Trong khi ông thứ trưởng ngoại giao Lê Công Phụng thú nhận rằng so với Hiệp ước Pháp-Hoa năm 1897, phía Việt Nam mất hơn 10.000 cây số vuông trong Vịnh Bắc Bộ, thì báo *Nhân Dân* ca ngợi : đây là một hiệp ước công bằng, *rất công bằng* !

Nhân đây, tôi xin chuyển đến đồng bào trong và ngoài nước một vài ý kiến của mấy chuyên gia hàng đầu về luật biển, có nhiều kinh nghiệm về các vụ tranh chấp liên quan đến các vịnh, mà tôi có dịp tiếp nhận tại Học viện Hải quân Hoa Kỳ tháng 4 năm 2002. Các chuyên gia Mỹ và Nhật này rất quan tâm đến các tranh chấp ở Thái Bình Dương, đặc biệt là cuộc đàm phán Việt-Trung về Vịnh Bắc Bộ. Họ nêu lên những tiêu chuẩn cơ bản cần nắm vững khi đàm phán về phân chia một vịnh :

1. *Số nhân dân* mỗi bên sinh sống hàng ngày nhờ tài nguyên của Vịnh là bao nhiêu ? Họ cho rằng Việt Nam có tỷ lệ áp đảo. Có đến chừng 36 triệu dân Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam sống nhờ cá, tôm, mực, bào ngư, dong biển, dùng nước mắm, muối do Vịnh cung cấp, cũng như nhờ các tài nguyên ngầm của vịnh như dầu khí, hơi đốt, các khoáng sản khác, chưa nói đến tài nguyên du lịch, nghỉ ngơi, thắng cảnh ven Vịnh... Trong khi đó phía Trung Quốc chỉ có chưa đến 16 triệu dân sống ở phía Tây của đảo Hải Nam và phía Nam của bán đảo Lô châu là sinh sống nhờ tài nguyên của Vịnh này.

2. *Số đảo* của mỗi bên là bao nhiêu, do đó đường mép biển bao quanh bờ biển của đất liền và của các đảo, mỗi bên dài là bao nhiêu ? Về tiêu chuẩn này, phía Việt Nam cũng có ưu thế áp đảo, vì Việt Nam có hơn 3.000 hòn đảo: lớn như Bạch Long Vỹ, Cát Bà, trung bình như Côn Cỏ, Cô Tô, nhỏ như hòn Mé, đảo Khỉ..., trong khi đó Trung Quốc chỉ có vven ven 6 hòn đảo nhỏ, ngoài đảo Hải Nam!

3. *Số đô thị từ 10.000 đến 100.000 dân và lớn hơn*, mỗi bên là bao nhiêu, ở ven Vịnh và cách Vịnh 60 km ? Về tiêu

chuẩn này, phía Việt Nam càng có ưu thế cực lớn : ta có các đô thị Móng cái, Cẩm Phả, Hòn Gay, Uông Bí, Bãi Cháy, Quảng Yên, Hải Phòng, Hải Dương, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, Vinh, Hà Tĩnh, Ròn, Đồng Hới... Phía Trung Quốc chẳng có một đô thị lớn nào ở ven Vịnh Bắc Bộ ; thủ phủ của đảo Hải Nam là Hải Khẩu lại trông ra phía Bắc, hướng ra Thái Bình Dương hơn là hướng vào Vịnh Bắc Bộ !

4. *Số sông ngòi, với chiều dài, lưu lượng nước hằng năm, khối lượng phù sa tải đi và đổ vào* Vịnh của mỗi bên là bao nhiêu ? Nghĩa là thiên nhiên thuộc về mỗi nước đã đóng góp vào việc hình thành nên Vịnh từ bao đời nay là bao nhiêu ? Về tiêu chuẩn lý thú này, phía Việt Nam cũng có ưu thế áp đảo, *manh gấp nhiều lần Trung Quốc*, với những con sông dài, rộng, lưu lượng cực lớn, phù sa đồ rợc... Đó là những dòng sông Hồng, sông Đà, sông Lô, sông Đáy, sông Mã, sông Chu, sông Lam, sông Gianh, sông Nhật lệ, sông Kiến Giang, sông Bến Hải... Phía Trung Quốc chỉ có một con sông trên đảo Hải Nam chảy vào Vịnh Bắc Bộ, chỉ gần bằng sông Gianh trên nước ta !

Các chuyên gia quốc tế nói trên rất lấy làm băn khoăn và tiếc là các nhà đàm phán Việt Nam đã tỏ ra quá nhu nhược, nhân nhượng quá đáng ; hoặc là họ thiếu hiểu biết, kiến thức, và chắc chắn là họ vô trách nhiệm đối với một vấn đề hệ trọng vô cùng đối với quyền lợi và tương lai lâu dài của đất nước. Họ cho rằng dựa vào các tiêu chuẩn trên, Việt Nam có 54% là vô lý, bất công ; Việt Nam phải đạt ít nhất là khoảng 70%, mới là hợp lý, công bằng. Chính vì vậy vịnh mang tên Vịnh Bắc Bộ, không ai gọi nó là vịnh Hải Nam !

Dù sao vẫn có một lá phiếu chống lại một việc làm tệ hại, chà đạp ngang nhiên lên lãnh thổ và lãnh hải thiêng liêng của tổ quốc, chứng tỏ rằng cường quyền hung bạo đến đâu cũng không hủy diệt được lòng yêu nước và tinh thần trung dũng của người dân Việt chân chính ! Quốc hội Việt Nam chưa có nết làm công khai, trong sáng nên ta *chưa biết tên vị đại biểu kiên cường đơn lẻ này là ai*. Chắc chắn ông sẽ bị trừng phạt theo kiểu trả thù rất mực hèn hạ của chính quyền thống trị bởi bộ máy an ninh và bộ máy tư tưởng và văn hóa (hai bộ máy mất dạy nhất, phản văn hóa nhất và cũng thất đức nhất !). Tôi xin ngả mũ kính chào vị anh hùng còn vô danh này và xin sẽ tận lực cùng anh chị em dân chủ trong và ngoài nước bảo vệ danh dự và tính mạng của ông ; chẳng bao lâu nữa công luận sẽ được biết tên tuổi của nhân vật kiên cường này cũng như 8 vị đã khảng khái tẩy chay cuộc biểu quyết bản thủ ô nhục tại hội trường Ba Đình vừa qua.

Bùi Tín (Paris tháng 7-2004)

HÀNH TRÌNH VỀ DÂN CHỦ

Một trong những đặc điểm của các chế độ độc tài bạo ngược là chúng tỏ ra rất vững chắc cho đến khi bất ngờ bị sụp đổ. Vì vậy không có gì đáng ngạc nhiên nếu có những người yếu bóng vía cho rằng chìa khóa dân chủ nằm trong tay đảng cộng sản. Cũng như trước đây hơn một thập niên, ít ai nghĩ rằng các quốc gia Đông Âu và ngay cả Liên Xô có thể sụp đổ. Họ biện luận rằng chế độ này đang cải tiến và sẽ thích nghi với tình thế mới, nhưng quên một câu nói để đời của Alexis de Tocqueville : "*Mỗi nguy của các chế độ bạo ngược thường đến vào đúng lúc chúng cố gắng cải tiến*".

Cuộc đấu tranh cho tự do và dân chủ tại Việt Nam, tuy âm thầm nhưng rất quyết liệt. Thắng lợi của dân chủ trên độc tài ngày càng rõ rệt. Chính quyền cộng sản đang ở thế bị động, họ đang một mặt cố gắng ngăn chặn một cách tuyệt vọng những đòi hỏi ngày càng dồn dập về tự do và dân chủ của xã hội công dân, và mặt khác nhượng bộ liên tục trước áp lực của dư luận quốc tế ngày càng gay gắt về nhân quyền. Việc trả tự do trước hạn kỳ cho Lê Chí Quang và giảm án cho linh mục Nguyễn Văn Lý trong tháng 6 vừa qua là những thí dụ điển hình.

Đây là thời điểm thuận lợi để những người tranh đấu cho tự do và dân chủ trong và ngoài nước gia tăng cường độ của cuộc đấu tranh. Khác với những thập niên 1980-1990, những người dân chủ trong nước chiến đấu trong cô đơn, có khi phải bỏ mạng trong ngục tù, và gia đình bị dày dạn. Ngày nay cuộc chiến đấu của họ không đơn độc, không một nhà dân chủ có tiếng nào trong nước không được dư luận quốc tế biết đến. Tên tuổi của họ đã đi vào ký ức tập thể của nhân loại như Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Quế Dương, Nguyễn Đan Quế. Những người này đang được trào lưu quốc tế hỗ trợ.

Tại sao có sự chuyển hướng này ? Tại vì tự do, dân chủ và nhân quyền hiện nay là những giá trị và phúc lợi mà các quốc gia dân chủ giàu có nhất trên thế giới muốn chia sẻ với những quốc gia nghèo khó, kém may mắn hơn, trong đó có Việt Nam. Họ quan niệm rằng thế giới chỉ hòa bình và sống trong phần vinh khi tự do, dân chủ và nhân quyền được tôn vinh trên khắp toàn cầu, do đó không một viện trợ quốc tế nào không kèm theo những điều khoản buộc phải tôn trọng nhân quyền.

Sự chuyển hướng này làm những chế độ độc tài như Việt Nam lo sợ. Chính quyền cộng sản, một mặt đã bằng mọi cách ngăn cản bước tiến của tự do và dân chủ vào trong nước, mặt khác thực hiện một số biện pháp cải tổ về kinh tế để kéo dài chế độ. Nhiều lập luận miệt thị dân tộc, câu giờ và phản dân chủ đã được đưa ra như : tự do và dân chủ là những xa xỉ mà dân tộc Việt Nam chưa được phép hưởng, cứ làm tốt kinh tế đi đã dân chủ sẽ đến thôi... Để răn đe, từ sau 2001, chính quyền cộng sản tung một chiến dịch qui mô, dùng nhà tù và tòa án đàn áp những tiếng nói dân chủ trong nước, đồng thời gia tăng biện pháp kiểm soát

trao đổi thông tin giữa trong và ngoài nước. Những biện pháp thô bạo này đã có tác dụng nhất thời của chúng : một số thanh niên có ý định nhập cuộc đấu tranh cho dân chủ đã phải dừng lại để quan sát. Một số "trí thức dân chủ" tại hải ngoại đổi sang ngôn ngữ thỏa hiệp và phục tùng, một số còn ca ngợi kinh tế Việt Nam đang phát triển, chính quyền cộng sản đang tự biến đổi từ một chế độ chuyên chính sang một xã hội tự do, từ một nền kinh tế chỉ huy sang một nền kinh tế thị trường...

Không nên choáng ngợp bởi những hào nhoáng bên ngoài. Những chế độ độc tài toàn trị không có chỗ đứng trong thế giới hôm nay và ngày mai. Những cải tổ vá vúi này chỉ kéo dài sự tồn tại của chế độ trong chừng mực mà nó đào hố tự chôn mình, chúng xoa dịu đòi hỏi dân chủ hóa trong nhất thời, nhưng tăng cường sức mạnh của xã hội dân sự, nghĩa là làn sóng ngầm dân chủ hóa.

Tự do và dân chủ không phải là xa xỉ phẩm đối với quốc gia nào. Chúng là động cơ thúc đẩy sáng kiến và trách nhiệm, hai yếu tố sau cùng này là nền tảng của phát triển. Chỉ có những người tự do mới có sáng kiến và dám nhận lãnh trách nhiệm. Sáng kiến giúp con người vượt lên thực tại để tìm một hướng đi khác tốt đẹp hơn cái đang có. Tinh thần trách nhiệm chỉ có trong những dân tộc tự do, nó giúp con người ý thức hơn trong hành động và dám chịu trách nhiệm về những việc làm của mình. Chính vì thế tự do và dân chủ là những giá trị phổ cập của loài người chứ không riêng gì những quốc gia phát triển.

Cho rằng nhu cầu cấp bách của người Việt Nam hiện nay là cơm no áo mặc, giải quyết xong nhu cầu thứ nhất này mới bàn sang nhu cầu tiếp theo là dân chủ, là một sỉ nhục đối với dân tộc Việt Nam. Đây đã là quan điểm của những chế độ độc tài bạo ngược sử dụng trong quá khứ nhưng đã bị vứt bỏ, ngay cả các chế độ cộng sản cũng chỉ còn viện dẫn một cách khó khăn để trì hoãn dân chủ hóa mà thôi chứ không còn dám coi dân chủ là một xa xỉ phẩm nữa. Loài người khác với súc vật, phủ nhận tự do là phủ nhận loài người.

Những đề dãi về kinh tế mà chính quyền cộng sản dành cho xã hội công dân là những nhượng bộ bắt buộc để tồn tại. Dù ôn hòa tới đâu chăng nữa cũng phải nói lên một sự thật rằng đảng cộng sản ngày nay đã thành một đảng quân phiệt mafia và chỉ tồn tại được khi nào đất nước chưa có dân chủ. Lẽ sống của nó vì vậy là chống dân chủ, do đó nếu chìa khóa của dân chủ hóa nằm trong tay đảng cộng sản thì Việt Nam sẽ không có dân chủ.

Nhưng chìa khóa của dân chủ hiện nay là xã hội dân sự, đặc biệt là trong tay giới trẻ, và là những tiến bộ về truyền thông. Ngày càng đông thanh niên Việt Nam trốn tránh thực tại đáng buồn và tìm quên trong mơ ước trước màn ảnh PC. Họ sống qua mạng Internet trong một thế giới ảo rất gần gũi với thực tại của các nước dân chủ, chia sẻ cùng những mơ ước với mọi người trẻ trên thế giới. Và chính họ nắm chìa khóa của thay đổi. Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình là những con chim đầu đàn báo hiệu mùa xuân dân chủ.

Nguyễn Văn Huy

Phong trào dân chủ Hành động và tâm vóc

Phạm Việt Vinh

Trong buổi họp mặt góp ý cho Hội đồng lý luận trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam ngày 18-7-2003, ông Đặng Quốc Bảo - trung tướng, nguyên ủy viên trung ương đảng cộng sản, nguyên bí thư thứ nhất Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh - kể lại rằng khi được hỏi : "*Bảo ơi, mà thấy triều đại cộng sản còn tồn tại đến bao giờ ?*", đã nói như sau với "một vị lãnh đạo ở cấp rất cao" của Đảng Cộng Sản Việt Nam trước khi ông này nhắm mắt qua đời : "*Những vai trò đối chọi sớm muộn sẽ xuất hiện, điều đó không tránh được*", và nhận định : "*Trước 15, 20 năm chưa có khả năng xuất hiện lực lượng đối trọng, nhưng sau 15, 20 năm thì chúng ta [Đảng Cộng Sản] phải cẩn trọng chuyện này...*".

Đối với ban lãnh đạo đảng cộng sản, lực lượng đối trọng, đối lập, dân chủ đã, đang và sẽ là những vấn đề hết sức đau đầu cả về lý luận và thực tiễn. Nếu thấy rằng : tất cả những nhân tố không cộng sản, không đồng nhịp với ý thức hệ và chủ trương, đường lối của nhà cầm quyền cộng sản là một sự đối trọng, thì ngay từ khi ra đời, chế độ cộng sản Việt Nam đã phải đối mặt với một số đông đối trọng áp đảo - bao gồm toàn bộ dân số Việt Nam (không kể trẻ em) ngoài Đảng và Đoàn cộng sản. Mặc dù là một nhà lý luận cứng cựa và đầu óc cũng không đến nỗi quá "bê tông", nhưng ông Bảo, cũng như nhiều nhà lãnh đạo đảng cộng sản, vẫn cố tình nghĩ rằng ở Việt Nam họ chưa có đối trọng. Kết luận này có thể hoặc là do suy nghĩ chưa tới nơi tới chốn, hoặc là do cái số lượng đối trọng kia tuy đông đảo nhưng lại quá yếu về chất lượng, đã hoàn toàn không sản sinh ra một thế lực, một sức mạnh đối trọng đáng kể và cuối cùng, để cho hơn hai triệu người (mang danh) cộng sản kia tha hồ làm mưa, làm gió. Cũng có thể, ông Bảo cùng với các "đồng chí" lãnh đạo cao cấp khác của ông thực sự kinh lo, gớm sợ nếu phải gọi ra cái bản chất, cái nhân lõi bắt buộc phải có của một sự đối trọng thực thụ và văn minh - đó là sự ra đời của các tổ chức đối lập.

Thực tế, trong mọi vật thể và mọi đời sống, bao giờ cũng tồn tại sự đối trọng - nó đảm bảo cho sự tồn tại, cân bằng lâu dài hay tạm thời của đời sống và vật thể. Trong khi đó, đối lập lại là một khái niệm hoàn toàn mang tính chính trị, mô tả cấu trúc xã hội. Đối lập ổn định xã hội một cách lành mạnh ; nhưng tính trội của nó là phá thế cân bằng ù lỳ, là kiểm soát, cạnh tranh, là thay thế, cải tổ để thúc đẩy sự phát triển cộng đồng. Đảng cộng sản - với những tàn dư lạc hậu quá nặng nề, đã và đang cố ý gian lận lẩn tránh cả sự đối trọng trong tâm thức, đồng hóa đảng cộng sản với toàn bộ dân tộc, và trên hết cả là đã và đang lo sợ, căm thù và tìm mọi cách để ngăn chặn, đánh phá trào lưu đối lập. Mặc cho những lý luận gian manh, nhiều khi được che đậy bởi những lý lẽ có dáng vẻ uyên bác (như thuyết "dân chủ một đảng" đã sủi bóng một thời), tất cả những ai lành mạnh đều phải nhận thấy rằng : đối lập

chính là xương sống của một nền dân chủ thực sự. Đó là vấn nạn của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nhưng, nhìn kỹ hơn nữa, từ bất đồng trong tâm thức, chống đối trong hành động để tiến tới một lực lượng đối trọng, một tổ chức, cơ cấu đối lập lại là một quãng đường gian khổ và khá dài. Đây lại là vấn nạn cho những người đang tranh đấu cho dân chủ của Việt Nam.

Mọi suy nghĩ nghiêm túc đều cho rằng : vấn đề lớn nhất, bước tiến bắt buộc nhất cần phải giải quyết hiện nay là chúng ta cần phải có một lực lượng dân chủ có tầm vóc. Cột trụ và sức mạnh chiến thắng ở đây có hai vế : Dân chủ và Tầm vóc. Một tổ chức chống đối mạnh mẽ về nhân lực nhưng không dân chủ cả về nội dung và ý tưởng, chắc chắn sẽ không có tương lai - nó chỉ hứa hẹn một sự tiếp nối phá phách và không thể nhận được hậu thuẫn của dân chúng. Một tổ chức sinh hoạt lành mạnh với những ý tưởng dân chủ, lý luận khoa học và sắc bén, nhưng không đủ sức để tạo ra một lực lượng đối kháng mạnh thúc đẩy tiến trình thay đổi đất nước, sẽ chỉ có những hoạt động "tháp ngà", "sa-lông", và nói chung, chỉ là những "*think tank*" góp ý cho các nhà hoạt động chính trị - kể cả cho ban lãnh đạo đảng cộng sản. Nếu không được đi đôi với thực tiễn của một số ít tổ chức dân chủ hành động, thì hàng loạt những ý kiến, tạp chí chính trị xã hội uyên bác được đăng tải tại hải ngoại từ trước tới nay, nói một cách phóng đại, cũng chỉ có công lao như vậy. Thực tế đã cho thấy, những đóng góp này đã không có tác dụng nhiều cho việc hình thành một thế lực dân chủ đối kháng mạnh với chính thể độc tài hiện nay.

Nhưng, thế nào là một tổ chức dân chủ có tầm vóc ? Khi cho rằng một hoặc vài tổ chức này là điều kiện tiên quyết để có thể dân chủ hóa Việt Nam, thì có lẽ, điều bắt buộc phải có là một định nghĩa khoa học và nghiêm túc về khái niệm này. Điều lý thú ở đây là một lần nữa, những người dân chủ Việt Nam lại phải sáng tạo. Định nghĩa về một tổ chức dân chủ đối kháng có tầm vóc không tồn tại sẵn trên thế giới ; một hình mẫu tương tự để tham khảo cũng không hề có. Đối chọi với Trung Quốc cộng sản là hai vùng đất Đài Loan, Hồng Kông giàu có và hàng chục triệu Hoa kiều trên thế giới cũng đã không tạo ra một tổ chức dân chủ đối kháng có tầm cỡ của người Hoa tại nước ngoài. Các hoạt động của Dalai Lama cũng chỉ mang đậm sắc màu tôn giáo và mơ ước tự trị của riêng người Tây Tạng. Đài Loan đã phải hủy bỏ chương trình ngân quỹ hàng chục triệu đô-la mỗi năm tài trợ cho các tổ chức chống cộng của Hoa kiều, và chuyển sang trợ giúp có giới hạn cho những hoạt động cụ thể nhưng nhỏ bé hơn về quy mô. Phong trào dân chủ tại Hồng Kông, vốn đã có gốc từ thời còn thuộc Anh, cũng có vẻ như chỉ đủ sức để vật lộn với ma lực Trung Cộng tại Hồng Kông. Rõ ràng phong trào dân chủ của Trung Quốc chưa mang lại một thí dụ đối kháng có hiệu quả từ hải ngoại. Sự bất lực của Đài Loan, của Hoa kiều trước vụ

Thiên An Môn 1989 đã minh chứng cho điều đó. Trục diện với thể chế độc đoán của Fidel Castro là những tổ chức quân sự chống cộng nhiều tiền nhiều của (như Alpha 66) của người Cuba tại Miami. Nhưng khi sự trợ sức từ Hoa Kỳ bị rút, những tập hợp này chỉ còn vai trò nuôi dưỡng hận thù và chờ đón thời cơ, bầu nhiệt huyết quá "sục sôi Nam Mỹ" của các tổ chức Cuba lưu vong sẽ rất ít tương lai.

Tóm lại, không kể đến Bắc Triều Tiên trong một vương triều cộng sản nguyên thủy kín mít, thực tế đối kháng tại các nước cộng sản cuối cùng như Trung Quốc, Cuba không thể đưa lại cho người Việt Nam tại hải ngoại những bài học thiết thực và trực tiếp. Lại một lần khó khăn, chúng ta phải tìm kiếm cho mình một con đường riêng, mang tải hết những đặc thù cơ bản của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và trong tương lai gần. Những ý kiến sơ bộ dưới đây sẽ không đề cập tới các vấn đề nhân sự, tài chính, cơ cấu... của một tổ chức dân chủ có tầm vóc. Chúng chỉ là những gợi ý ban đầu về những hoạt động cần phải có của một tổ chức như vậy. Cũng có thể, những yêu cầu hoạt động cơ bản này sẽ quyết định cơ cấu và quy mô của một tổ chức muốn đạt tới tầm vóc của một tổ chức dân chủ đối kháng mạnh, tiến tới vai trò một lực lượng đối lập lớn.

Khi có dịp tiếp xúc, các câu hỏi đầu tiên của chính giới nước ngoài thường đặt ra cho những nhà hoạt động dân chủ Việt Nam là : Các ông là ai ? Các ông muốn cái gì ? Điều phải minh chứng ở đây là độ sâu về tư duy, độ cao về uy thế chính trị và khả năng hành động của một tổ chức. Chúng sẽ quyết định sự quan tâm hay phớt lờ của thế giới đối với tổ chức đó. Một câu trả lời chỉ lờ mờ chung chung, nặng tính tố cáo và kêu xin trợ giúp sẽ bộc lộ một tổ chức không có tương lai, chỉ đóng vai một nguồn cung cấp thông tin- nhiều khi là phiến nhiễu. Không ít quan chức cộng sản Việt Nam khi bị bí thế cũng lý sự : Ủ thì chúng tôi ngu dốt, lãnh đạo tôi dở ; nhưng nếu chúng tôi xuống, thì ai có khả năng thay, và liệu họ lèo lái đất nước có khá hơn chúng tôi không ? Một sự trả lời cũng lờ mờ chung chung, nặng tính tố cáo và hô hào dân chúng sẽ chỉ là biểu hiện của sự phàn nàn, uất ức, chứ hoàn toàn không có khả năng thuyết phục được quyết tâm đòi đổi thay chế độ.

Rõ ràng, đã đến lúc phong trào dân chủ phải chứng minh được khả năng lý thuyết và năng lực thực tiễn của mình. Và, hơn lúc nào hết, phải khẳng định rằng : Điều này chỉ có thể đạt được thông qua một tổ chức có tầm vóc lớn.

Về mặt lý luận, phải có trình độ khoa học :

- Chỉ ra nhu cầu tất yếu của việc xóa bỏ một cách hòa bình chế độ độc đảng hiện nay ở Việt Nam.

- Xác định được những đường hướng cụ thể và khả thi để tiến hành dân chủ hóa Việt Nam.

- Đưa ra được những chính sách cơ bản để xây dựng và phát triển đất nước.

Về mặt thực tiễn, tổ chức này phải :

- Tổ rõ cho quốc tế, đặc biệt là những quốc gia và tổ chức có nhiều quan hệ và ảnh hưởng đến Việt Nam những quan điểm và hoạt động cơ bản của mình. Thực chất, đây là sự giới thiệu cho quốc tế một đối tác mới.

- Bằng mọi cách, phổ biến rộng rãi cho mọi người Việt

Nam những điểm cốt lõi về quan điểm và sách lược chính trị của mình để thực thi dân chủ và phát triển đất nước. Điều này phải mang lại cho tất cả người Việt một bức tranh tương phản, một dự án thay thế khả thi và tốt đẹp hơn chế độ hiện hành.

- Có những hoạt động thiết thực và hữu hiệu trong việc liên hệ, bảo vệ và ủng hộ trực tiếp những nhân sĩ cũng như phong trào dân chủ trong nước.

Thực tế, sự liên hệ trực tiếp với phong trào dân chủ quốc nội chính là mạch máu của một tổ chức dân chủ đối kháng từ hải ngoại. Nếu thiếu mối liên hệ này, tổ chức hải ngoại sẽ không thể đưa ra đường lối chính trị và sách lược đấu tranh đúng đắn ; và trên hết, rất khó có khả năng trở thành một thực thể chính trị nghiêm túc và có hiệu quả khi tình hình thay đổi. Liên hệ và bắt rễ trong nước đòi hỏi những cố gắng phi thường và không ít hy sinh ; vì vậy, những bước đi cụ thể đương nhiên phải là vốn báu nhưng bí mật của một tổ chức. Đồng thời, một tổ chức không gây được cảm tình sâu sắc, không tạo ra được sự quý trọng thực sự của nhiều trí thức dân chủ trong nước, không làm cho chính quyền cộng sản e sợ, chắc chắn không phải là một tổ chức dân chủ có tầm vóc.

Trong lịch sử cải cách, thay đổi xã hội từ trước tới nay, việc tuyên truyền sâu rộng tới quần chúng một đường lối chính trị mới bao giờ cũng là một nan đề. Hiện tại, nhiều người có vẻ bị choáng ngợp bởi những từ ngữ sang trọng như "vận động nhân dân", "phong trào quần chúng" mà quên đi rằng : Trong vật lộn với cuộc sống thường nhật, nhân dân số đông không bao giờ phải đảm lãnh trách nhiệm tư duy trừu tượng cho tương lai hay làm động cơ cho bất kỳ một cuộc đổi thay nào. Họ sẽ là lực tải cách mạng, là một sức mạnh vô địch chỉ khi nào thời cơ đã chín. Thực tế hàng chục năm qua cũng cho thấy, những cố gắng đến với quảng đại cộng đồng về mặt chính trị đã không thể mang lại kết quả xứng đáng. Những bức tranh xã hội Trung Quốc của Lỗ Tấn vốn bị Đảng Cộng Sản Trung Quốc thù ghét chính là do sự lột tả sâu sắc bản chất ỳ nặng của bất cứ một quốc gia nông nghiệp châu Á nào, tại Trung Quốc cũng như ở Việt Nam. Những thủ thuật thô bạo, nhiều khi chọc cười của Pierre Đại đế tại Nga không thể là bài học vô giá trị về vai trò bất buộc của một lực lượng tiên phong trong một xã hội còn lạc hậu. Những phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ 20, và ngay cả cuộc Cách Mạng Tháng 8-1945 của Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng đã chỉ được khơi ngòi từ một số ít những người trí thức - chứ không phải từ một phong trào quần chúng. Tập trung sức lực còn hạn chế lúc ban đầu để có ảnh hưởng đến những sinh viên, trí thức ưu tú, đó mới chính là sức mạnh nội lực của một tập hợp dân chủ có tầm vóc.

Trong quan hệ toàn cầu hóa hiện nay, ý thức "tự lập, tự cường"- đặc biệt là với những cố gắng thay đổi bản chất xã hội, là một điều nguy hiểm. Nhiều người quá e ngại ảnh hưởng "thao túng" của ngoại bang mà không thấy một điều là : Từ trước tới nay, mọi thay đổi chính trị cơ bản tại Việt Nam bao giờ cũng do những tác động hết sức trực tiếp từ bên ngoài. Tạo lập quan hệ một cách thông minh, tranh thủ

được sự trợ giúp mọi mặt của chính giới và các tổ chức quốc tế chính là một ưu thế và là sức mạnh ngoại lực của một tổ chức dân chủ có tầm vóc. Không làm được hoặc lẩn tránh điều này là minh chứng của một tổ chức, một phong trào hoặc chưa đủ sức, hoặc chưa đủ tầm nhìn. Hoạt động trong khuôn khổ những công ước quốc tế, nhưng một tổ chức dân chủ có tầm vóc vẫn hoàn toàn có khả năng trở thành một đối tác quốc tế khi nó bày tỏ được năng lực và tương lai chính trị của mình.

Một tổ chức dân chủ mạnh nên làm, và có lẽ là phải làm, những công việc sau tại một số quốc gia quan trọng:

- Hiện diện một cách công khai và chính thức. Sự hiện diện này ít nhất phải được thông qua một địa chỉ công khai cùng với lịch trình làm việc thường kỳ.

- Phổ biến đến chính giới và truyền thông ở những quan điểm chính trị và sách lược đấu tranh cơ bản để dân chủ hóa và phát triển Việt Nam.

- Kịp thời đưa ra nhận định, tuyên bố đối với những biến động, sự cố quan trọng tại Việt Nam và trên thế giới. Việc này không chỉ giới hạn trong vấn đề dân chủ, nhân quyền, mà phải trải rộng ra mọi lĩnh vực quan trọng (ví dụ như không phải chỉ tuyên ngôn về vụ Thái Bình, Tây Nguyên, đàn áp các nhân sĩ dân chủ... mà phải có cả nhận định về vụ 11-9 tại New York, về chiến tranh Iraq, về Hiệp ước biên giới Việt Trung, về dự án nhà máy điện nguyên tử tại Việt Nam...).

- Thường xuyên tổ chức những buổi tiếp xúc với truyền thông và chính giới quốc tế trong nhiều hình thức gặp gỡ, hội thảo để trao đổi các vấn đề các bên cùng quan tâm.

Nhìn chung, hoạt động quan hệ quốc tế của một tổ chức dân chủ mạnh phải làm bật câu trả lời cho vấn đề "Who is Who". Tuy đang ở tình thế đối kháng, nhưng tổ chức này không được phép chỉ dừng lại ở chất lượng phản kháng, chống đối, mà phải tiến xa hơn đến tầm vóc của một tổ chức đối lập thực sự - tức là đã phải có những phương sách cụ thể xây dựng dân chủ và phát triển quốc gia. Thông qua sự hiện diện quang minh chính đại, với những ý tưởng và đường lối chính trị khoa học khả thi và có sức thuyết phục cao, với những nỗ lực đối thoại, một tổ chức dân chủ chắc chắn sẽ nhận được ủng hộ của quốc tế và những nhân tố cải tổ Việt Nam. Và, cũng chỉ thông qua những bước đi như vậy, phong trào dân chủ Việt Nam mới tiến được đến đích cuối cùng.

Tất cả điều kiện trên đây đòi hỏi những cố gắng suy nghĩ nghiêm túc, kỹ lưỡng hơn của mọi người yêu dân chủ thực sự. Nó bắt buộc phải cần một sự kết hợp thông minh nhưng kiên quyết của nhiều tổ chức và nhân sĩ, chuyên gia còn tản mát hiện nay. Nhưng hình như, điều này lại chính là một nan đề. Nếu nan đề này không được giải quyết nhanh, phong trào dân chủ Việt Nam sẽ vẫn chỉ là những ý tưởng tốt đẹp trong một khối đông "đối trọng" nhưng hoàn toàn không có khả năng đối kháng với độc tài và tranh đấu cho dân chủ với tư cách một thế lực đối lập thực thụ. Như thế, e rằng, ông Đặng Quốc Bảo có thể có lý: dân chủ Việt Nam còn phải chờ thêm 15, 20 năm nữa!

Phạm Việt Vinh (Berlin)

THƠ

Tôi đi tìm



Tôi đi tìm một đất nước
Của dân chủ đa nguyên
Của hòa giải và hòa hợp
Là nơi hận thù không còn chỗ đứng
Là nơi mọi người biết chấp nhận nhau
Và cùng nắm tay nhau xây dựng đất nước.
Tôi đi tìm một ngôi nhà.
Của an lạc.
Của tình yêu
Để thành nơi cư ngụ
Mà mọi người đều yêu thương nhau
Và cùng nhau bồi đắp ngôi nhà.
Tôi đi tìm một thành phố
Một thành phố có an toàn
Là nơi không còn cô đơn
Là nơi mọi người biết lo cho nhau
Và cùng lo xây dựng thành phố.

Tôi đi tìm những con người

Là hòa bình

Là con đường dẫn đến sự sống

Để cùng hợp tác

Phục vụ con người.

Tôi đi tìm một tổ chức

Một tổ chức của sự liên đới

Của yêu thương và tha thứ

Một tổ chức biết nắm tay nhau

Cùng tranh đấu cho những lí tưởng :

Dân chủ đa nguyên,

Hòa giải hòa hợp,

Và bất bạo động

Để đạt được những tìm kiếm.

Bá Thế (Drachten)

Nghĩa tình



Đường dài ngày nắng ngày mưa

Gánh gồng trĩu nặng nắng mưa nghĩa tình

Viễn hành qua thoáng nhân sinh

Dấu xưa quẩn quýt xây hình dấu sau

Vinh An (Charlotte)

Tự trào



Ngày xưa

Bên kia biển cả nơi ráng đỏ

Có nàng tiên nhỏ kết chùm hoa

Nàng đếm thán ngày dài theo tóc

Đại dương nào ngăn được nhớ thương

Ngày nay

Bên đây biển cả nơi ráng đỏ

Có bà tiên Lãng kết chùm cây

Bà đếm thán ngày dài theo lá

Đại dương nào quên được đắng cay ?

Mikage (Tokyo)

II. Tại sao đảng cộng sản vẫn còn trụ được ?

Nguyễn Văn Thế

(tiếp theo và hết)

Dân chúng quá mệt mỏi vì chiến tranh

Vài thế kỉ trở lại đây, đất nước ta luôn sống trong cảnh chiến tranh. Sự kiện này đã làm cho dân chúng Việt Nam mệt mỏi và sợ hãi chiến tranh, từ đó nảy sinh tâm lý :

- *Chỉ muốn được yên ổn để kiếm ăn*

Đặc biệt là trong thế kỉ 20, chiến tranh càng khốc liệt hơn. Người dân càng mệt mỏi và chán ghét chiến tranh hơn. Thêm vào đó là sự nghèo đói lạc hậu của dân chúng, đặc biệt là khối nông dân lao động miền Bắc đã phải khổ cực hi sinh cho chiến tranh, khiến họ chỉ còn một mộng ước là được yên ổn để kiếm ăn. Làm sao để có tiền có của ? Mọi luồn lách, mách mung, móc ngoặc đều được dùng để kiếm ăn. Không cần dân chủ, không cần tranh đấu. Chỉ cần trước là đủ ăn sau là làm giàu.

- *Không quan tâm tới chính trị, cầu an ích kỉ*

Bên cạnh sự mệt mỏi vì chiến tranh lại còn ảnh hưởng của văn hóa quy lụy cầu an ích kỉ. Với quan niệm : "dưới bất cứ chế độ nào mình cũng chỉ là người dân phải phục tùng và đóng thuế. Chính quyền lại có tài chánh, quyền lực với họng súng và nhà tù. Tội gì phải dính líu vào chính trị để nguy hiểm đến bản thân. Chỉ cần làm sao được an ổn để thoả mãn nhu cầu tứ khoái là đủ. Cái số mình như vậy thì phải chịu vậy", đã khiến người dân thờ ơ với việc tham gia chính trị đòi hỏi quyền sống tự do.

Đảng cộng sản thay đổi chính sách

Sự sụp đổ của khối cộng sản Đông Âu và Liên Xô đã làm Đảng Cộng Sản Việt Nam lo sợ. Muốn trụ được bắt buộc ban lãnh đạo đảng cộng sản phải thay đổi :

- *Nới lỏng kinh tế, ngưng ngưng từ bỏ chủ nghĩa cộng sản*

Sau 1990, sinh hoạt kinh tế Việt Nam đã được nới lỏng để người dân được quyền làm ăn, được quyền làm giàu. Tuy đảng cộng sản không tuyên bố từ bỏ chủ nghĩa cộng sản nhưng trong thực tế đã âm thầm vất bỏ chủ nghĩa này ngoại trừ chính sách chuyên chính khủng bố. Dân chúng mệt mỏi vì chiến tranh chỉ mong có cơ hội làm ăn và sẵn sàng làm đủ mọi chuyện để việc làm ăn được bảo đảm.

Sự thay đổi chính sách kinh tế này đã tạo cho nhiều người có cơ hội tìm những giải pháp cá nhân cho cuộc sống. Kể từ khi có chính sách nới lỏng kinh tế cho phép dân chúng tự do làm ăn theo kiểu kinh tế thị trường, nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng hơn trước. Tăng trưởng kinh tế ở mức khả quan. Đời sống vật chất của dân chúng khá hơn. Đường sá nhà cửa khang trang hơn. Thành phố sầm uất và to lớn hơn. Không còn cảnh thiếu ăn như trước đây. Nhiều người cảm thấy hài lòng hơn về cuộc sống hiện tại.

- *Bảo vệ văn hóa Việt Nam (văn hóa Khổng Mạnh)*

Bên cạnh đó đảng cộng sản tung ra chiến dịch bảo tồn văn hóa Việt Nam như tìm về bản sắc văn hóa dân tộc, bảo

vệ và phát huy văn hóa truyền thống... Thực chất của chiến dịch này chỉ nhằm làm sống lại nền văn hóa Khổng Mạnh cổ truyền. Tại nông thôn, chính quyền cộng sản làm sống lại những hươu ước cũ để những người có công với cách mạng bị loại ra khỏi guồng máy có chỗ đứng tại địa phương để xoa dịu sự bất mãn của những người này.

- *Đề cao tư tưởng Hồ Chí Minh : một biến thể của tư tưởng Khổng Mạnh*

Cũng từ sau 1990, đảng cộng sản tung ra chiến dịch học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh là gì ? Đó chỉ là những biến thể của tư tưởng Khổng Mạnh. Đọc lại những tác phẩm của Hồ Chí Minh như *Đường Kách mệnh* (mục "Tư cách một người kách mệnh") và *Sửa đổi lối làm việc* (với bí danh XYZ), người ta thấy tư tưởng của Khổng Mạnh đã được viết lại cho phù hợp với hoàn cảnh.

Thực chất của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh và tìm về bản sắc văn hóa dân tộc là để củng cố sự thống trị của đảng cộng sản, một loại thiên tử kiểu mới có nhiệm vụ thay trời cai trị đất nước. Quần chúng biến thành những bầy tôi ngoan ngoãn chỉ biết phục tùng và cố gắng làm ăn để phục vụ đảng và phục vụ bản thân.

Mặc dầu Đảng Cộng Sản Việt Nam đã tạo ra những tiến triển ngoạn mục về kinh tế, đời sống dân chúng khá hơn xưa, nhưng Việt Nam vẫn là một nước lạc hậu, thua sút nhiều nước trước đây yếu kém hơn Việt Nam. Bức tranh toàn xã hội Việt Nam cũng không lấy gì làm sáng sủa : hố ngăn cách giàu nghèo càng ngày càng sâu rộng ; an sinh xã hội không đảm bảo ; bất công còn đầy rẫy ; nhân quyền bị chà đạp ; không có tự do tôn giáo, tự do lập hội, tự do ngôn luận ; tham nhũng độc tài hoành hành ; xì ke ma túy, đi điếm hoạt động công khai. Phải bắt cho kịp đà tiến hóa chung của thế giới, nếu không tương lai của dân tộc Việt Nam sẽ đi vào bế tắc. Thời gian thật cấp bách. Không thể để trễ hơn được nữa. Nguồn gốc của những thua kém này là Đảng Cộng Sản Việt Nam. Loại bỏ được sự ách tắc này, tương lai của dân tộc Việt Nam sẽ sáng sủa hơn.

Tại sao Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn còn trụ được ?

Tại vì những người dân chủ Việt Nam chưa có văn hóa dân chủ và không có văn hóa tổ chức nên chưa xây dựng được một tập hợp vững mạnh để đối trọng với chế độ.

Chưa có văn hóa dân chủ

- *Không biết chấp nhận những người khác mình*

Đặc tính của dân chủ là chấp nhận những người khác chính kiến với mình - về tư tưởng, lối sống, cách hành xử. Trong thực tế, tinh thần bộ lạc, mạnh được yếu thua, thập nhị sứ quân, được làm vua thua làm giặc vẫn âm ỉ tồn tại trong tư tưởng của một số người tự nhận là tranh đấu cho tự do dân chủ. Tâm lý chỉ có ta là đúng, chỉ có tôi mới là người được quyền lãnh đạo rất là phổ biến.

- Không có suy nghĩ độc lập và phê phán

Việc không có suy nghĩ độc lập và óc phê phán khách quan thể hiện rất rõ trên các diễn đàn internet và thông tin báo chí của khối người Việt tranh đấu cho dân chủ tự do. Nhiều sự kiện, tin tức không đúng và không có bằng chứng đã được nhiều người tin theo và được lặp đi lặp lại rồi trở thành chân lí để suy luận hoặc để tấn công buộc tội nhau.

Chính việc không có suy nghĩ độc lập và phê phán này đã làm cho khối người Việt tranh đấu cho dân chủ không tìm được những suy nghĩ phù hợp với thực tế. Những người lớn tuổi bám vào quá khứ để quên thực tại và đề ra những phương thức tranh đấu không phù hợp với đà tiến hóa chung của xã hội văn minh. Thành phần trẻ, nếu không ăn mặc đua đòi thời trang, thì thích tham gia vào những công tác mang tính từ thiện nhiều hơn là chính trị.

Cuộc tranh đấu của Việt Nam ngày nay là cuộc tranh đấu giữa dân chủ và độc tài. Bám víu vào làn ranh quốc cộng là một chọn lựa tuyệt vọng vì làn ranh quốc cộng đã biến thể thành làn ranh giữa dân chủ và độc tài. Bám vào quá khứ một cách mù quáng chỉ cản trở sự hình thành một tập hợp dân chủ có sức mạnh.

- Không biết cạnh tranh mà chỉ tìm cách cào bằng

Đặc tính của dân chủ là cạnh tranh thi đua để có tiến bộ. Thế một số đông những người Việt tranh đấu cho dân chủ đã không cố gắng tự trau dồi để khá hơn mà chỉ tìm cách cào bằng, triệt hạ những người nổi hơn mình như nói xấu, chụp mũ hoặc thóa mạ. Họ tưởng làm như thế thì mình sẽ nổi bật hơn, thực tế đã chứng minh ngược lại. Vấn đề là những người này không thấy khuyết điểm của mình. Các trang điện tử hay diễn đàn thảo luận trên mạng chứng minh điều này : thóa mạ, chửi bới, chụp mũ, bôi bẩn làm ô ứ không khí thảo luận và trao đổi.

- Không biết đối thoại mà thích dùng bạo lực

Dân chủ là đối thoại với những lí lẽ và bằng chứng để đi đến đồng thuận. Thế nhưng khối đông người Việt đã không làm như vậy. Khi đối lý thì dùng bạo lực : chân tay hoặc ngôn ngữ. Hiện tượng bạo lực ngôn ngữ tràn lan trên các mạng điện tử và báo chí thông tin.

- Không biết thiết lập các quy định chung

Ai cũng muốn thực thi tự do dân chủ nhưng lại không biết thiết lập, tôn trọng, tin tưởng và bảo vệ các quy định chung. Yếu điểm của một số đông những người tự nhận đấu tranh cho dân chủ là không biết đề ra những quy định chung và chấp nhận những quy định chung. Mọi hành xử đều xoay quanh cảm tính yêu-ghét. Nếu không có những quy định chung thì rất khó làm việc chung vì thiếu cơ sở để phê phán đúng sai, tốt xấu, lỗi phải. Và những quy định này phải được sửa đổi liên tục để phù hợp với hoàn cảnh.

- Không có văn hóa hòa giải và xin lỗi

Một đặc tính quan trọng của dân chủ là biết xin lỗi và tha thứ. Trong thực tế người Việt Nam chưa có thói quen hòa giải nên không biết xin lỗi và tha thứ, mặc dù đã trải qua những cuộc chiến tranh và nội chiến đẫm máu. Khi có tranh chấp, không ai chịu hòa giải và từ chối hòa giải, tất cả đều nói đầu có gì để hòa giải.

Không có văn hóa tổ chức

- Thích tìm giải pháp cá nhân

Do sống lâu đời trong sự kềm kẹp, người Việt Nam có thói quen tìm cho mình những giải pháp riêng để vượt thoát thực tại khó khăn. Tâm lí này thể hiện qua việc không thích một tổ chức nào và tìm đủ mọi lí do để không tham gia. Có nhiều lí do để không tham gia một tổ chức, chẳng hạn như không muốn bị ràng buộc hay bị ép mình trong khuôn khổ của một tổ chức ; không muốn hy sinh thời giờ và tiền của cho việc chung ; sợ bị đặt dưới quyền điều khiển của người khác, nhất là những người trẻ tuổi hơn mình ; sợ không được trọng vọng như khi không ở trong một tổ chức nào, v.v.

Thêm vào đó, cũng do bị kềm kẹp quá lâu, người Việt Nam thường không có tính tự lập, không biết mình muốn gì, không thấy nhu cầu kết hợp là quan trọng nên không thấy nhu cầu có tổ chức để đạt mục đích.

- Không dựa vào dự án và những quy định chung

Các tổ chức của người Việt được thành lập một cách vội vã, vài ba người họp lại rồi sau đó tuyên bố đã thành lập xong một tổ chức. Những tổ chức này thường không có những quy định chung cụ thể và một dự án đúng nghĩa của một tổ chức, do đó không vững chắc. Nghĩa là không phát triển được và nếu có thì cũng không tồn tại lâu.

Nhiều người tham gia tổ chức chỉ vì cảm tính : thích người này thích người nọ trong tổ chức chứ không vì chủ trương, tôn chỉ hay các quy định chung của tổ chức. Vì vậy nhiều tổ chức muốn lớn mạnh nhanh chỉ dùng những chiêu bài mị dân để mua chuộc tình cảm. Mà tình cảm thì bất nhất nên tổ chức dễ bị vỡ và không lớn mạnh.

Khi một tổ chức không có dự án và các quy định chung, khuynh hướng chung là phải có lãnh tụ, thường được hiểu là minh chúa. Vị minh chúa này thay thế chủ trương, đường lối, chính sách, dự án và các quy định chung của tổ chức. Rất tiếc ngày nay loại lãnh tụ này ngày càng hiếm đi, chỉ có những tổ chức có dự án và các quy định chung đứng đắn mới có thể tồn tại và phát triển.

- Không biết chấp nhận thua

Vì không có văn hóa tổ chức, người Việt ít khi chấp nhận bị thua khi không đủ lí lẽ để thắng và trở thành thiếu số. Từ việc không chịu thua này người Việt thường tỏ ra bất hợp tác với phe thắng, đôi khi còn muốn làm tan vỡ luôn tổ chức. Thật ra chúng ta không chấp nhận lí lẽ của người khác đúng hơn và phương cách của họ hay hơn. Chính yếu tố này đã làm cho tổ chức không thể lớn mạnh và phát triển được vì ai cũng muốn thắng, khi bị thua thì rút khỏi tổ chức.

- Không biết chờ đợi đến phiên mình

Như đã nói, do bị kềm kẹp quá lâu, người Việt thường không tin người Việt mà chỉ tin người ngoài cuộc, do đó thường mất kiên nhẫn khi chưa đến lượt mình. Tâm lí sốt ruột này thể hiện sự thiếu văn hóa tổ chức một cách trầm trọng. Ít ai chịu chờ đến phiên mình nắm giữ vai trò trong một thời gian lâu dài. Vì không biết chờ đợi đến phiên mình nên nhiều tổ chức tan rã sớm.

Không biết chấp nhận phê bình và không dám phê bình

Phê bình và chấp nhận bị phê bình là thuộc tính của dân chủ với mục đích làm cho xã hội thăng tiến. Trong việc phê bình và chấp nhận bị phê bình có phần tự xét lại mình. Chúng ta có thói quen trốn chạy sự thật nên rất sợ bị mang ra xét lại. Vì thế càng sợ bị phê bình. Hơn nữa khi phê bình thì càng làm mất lòng hơn nên ít ai dám phê bình người khác vì sợ mất lòng. Chửi rủa, chửi mắng không phải là phê bình. Phê bình là dựa vào những quy định chung với những chứng cứ cụ thể để phê phán và biện pháp sửa chữa.

Tất cả những lí do vừa kể xuất phát từ nguyên nhân chung là người Việt không có văn hóa tổ chức nên không hiểu giá trị đích thực của tổ chức. Tổ chức là nơi nhân sức mạnh để đạt được mục đích của mình. Là nơi mình sẽ đạt được nhiều thắng lợi nhất. Tổ chức là môi trường cho mình phát triển con người cá nhân tới cao độ nhất. Tổ chức là nơi mình có được sự bảo đảm về tự do nhất.

Người phương Tây cũng có nhiều thói hư tật xấu như mọi người trên thế giới, đôi khi còn tồi tệ hơn cả người Việt Nam. Nhưng tại sao nước của họ lại tiến bộ, phồn vinh và hòa bình? Thưa là vì họ có văn hóa tổ chức. Văn hóa tổ chức của họ dựa vào ba cột trụ :

Một là có những quy định chung cụ thể và rõ ràng (luật chơi, kế ước và luật pháp) để bảo vệ được quyền sống khác biệt của mọi người.

Hai là tin tưởng vào những quy định đó và luôn luôn tôn trọng và chấp hành nghiêm túc nội dung những quy định chung đó.

Ba là tinh thần hòa giải đã trở thành cốt lõi vững bền của mọi tổ chức khi có tranh chấp : họ biết xin lỗi và biết tha thứ. Cứ thử vào xem những nghĩa trang chôn cất những binh sĩ sau những trận chiến lớn : mộ những người có công và mộ những binh sĩ thù nghịch đều được chôn cất đàng hoàng với sự kính trọng vong hồn những người quá cố, cho dù đã đứng bên này hay bên kia trong cuộc sống. Cũng nhờ tinh thần hòa giải này mà người phương Tây biết tự xét, chấp nhận phê bình và tự phê bình.

Tại Việt Nam, ngoài việc các lực lượng dân chủ chưa có văn hóa dân chủ và văn hóa tổ chức, đảng cộng sản còn trụ được là vì từ chối hòa giải. Hòa giải là một đặc tính của dân chủ đa nguyên. Nó thể hiện tinh thần bao dung mà đảng cộng sản không có. Muốn thắng đảng cộng sản trước hết phải thực hiện hòa giải dân tộc cho bằng được.

Nói thêm về cụm từ "hòa giải hòa hợp dân tộc"

Vì có nhiều ngộ nhận về cụm từ "hòa giải hòa hợp dân tộc", tưởng cũng nên bàn sâu thêm về cụm từ này.

Trước hết nên chú ý tới thứ tự của cụm từ "hòa giải hòa hợp dân tộc". *Phải hòa giải trước mới tiến đến hòa hợp sau*. Thứ tự này khác với thứ tự của cụm từ "hòa hợp hòa giải dân tộc" mà người ta thường tưởng tượng ra để gán ghép thêm, đó là chưa nói tới cụm từ "hòa hợp hòa giải với cộng sản", v.v.

Thứ tự "hòa hợp hòa giải dân tộc" cho thấy tính độc tài của cụm từ. Hòa hợp trước hòa giải, nghĩa là phải chấp

nhận tôi trước rồi mới bàn đến chuyện hòa giải sau. Trong chế độ độc tài cộng sản, không có vấn đề hòa giải chỉ có hòa hợp dân tộc. Không có vấn đề xin lỗi. Chấp nhận thứ tự của cụm từ này là đầu hàng chế độ cộng sản. Đây chỉ là một chiêu bài để chiêu hồi, buộc đối thủ phải đầu hàng.

Trái lại thứ tự "hòa giải hòa hợp dân tộc" cho thấy tính dân chủ của cụm từ. Trong sinh hoạt dân chủ thường có những va chạm và sứt mẻ, do đó rất cần hòa giải để tiếp tục đi tới. Hòa giải trước hết là chấp nhận những khác biệt và biết nhận ra lẽ phải. Ai vi phạm đến quyền lợi của người khác, sau khi nhận thấy khuyết điểm của mình, thì phải biết xin lỗi. Người bị xúc phạm cũng thế, phải biết tha thứ nếu được xin lỗi và được đền bù. Chỉ khi nào sự hòa giải đã được giải quyết xong thì mới bàn đến chuyện hòa hợp. Hòa hợp là chấp nhận nhau để làm việc chung.

Quốc gia nào, dân tộc nào cũng luôn luôn phải hòa giải với nhau trước khi cùng bắt tay làm việc chung vì các mối xung đột quyền lợi và căng thẳng luôn luôn xảy ra. Hòa giải đã trở thành triết lý điều hành quốc gia. Hòa giải không phải là một hình thức chiêu hồi hay là một hình thức xí xóa. Hòa giải là bắt buộc của mọi dân tộc dù ở trình độ nào và có lịch sử nào. Nhưng dân tộc Việt Nam là một trong những dân tộc cần hòa giải hơn cả.

Do hoàn cảnh lịch sử, chất liệu nhân xã của chúng ta đã bị tổn thương nặng nề. Những đổ vỡ đòi hỏi một thời gian hàn gắn rất lâu dài. Hòa giải dân tộc để xóa bỏ những hận thù và hiểm khích của quá khứ để đi đến hòa hợp dân tộc trong cố gắng xây dựng một tương lai chung. Hòa giải và hòa hợp dân tộc chính vì thế là điều kiện cần cho thắng lợi của cuộc vận động dân chủ và cũng là điều kiện cần cho thành công của cố gắng phục hưng đất nước ngày mai.

Thực thi hòa giải dân tộc không phải chỉ đơn thuần là một tình cảm mà còn đòi hỏi những biện pháp cụ thể để áp dụng triệt để luật pháp. Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ đặt con người tự do làm đối tượng phục vụ cao nhất. Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ coi đa nguyên như một giá trị tuyệt đối. Đa nguyên về mọi mặt tâm linh, văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội. Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ chế tài nghiêm khắc mọi ngôn ngữ và thái độ xúc phạm với mọi sắc tộc, mọi cộng đồng, mọi tín ngưỡng, mọi quan điểm. Ngược lại nhà nước sẽ khuyến khích và giúp đỡ tận tình mọi sáng kiến và cố gắng đem mọi người Việt Nam thuộc mọi vùng, mọi sắc tộc, mọi tôn giáo, mọi nhân sinh quan, mọi chính kiến đến gần nhau hơn trong tinh thần tôn trọng mọi khác biệt. Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ phải phục hồi danh dự cho những người đã bị hạ nhục, phải bồi thường thiệt hại, dù chỉ là một cách không đầy đủ, cho những nạn nhân. Xóa bỏ hận thù có nghĩa là sẽ không có những vụ án chính trị, ngược lại sẽ có một đạo luật cấm nhà nước truy tố bất cứ ai vì chức vụ mà họ đã giữ, trừ khi họ đã vi phạm một cách rất nghiêm trọng ngay chính những luật lệ đương hành lúc họ tại chức. Mọi công dân có quyền tố cáo những hà hiếp mà mình đã là nạn nhân, và nhà nước sẽ xử lí những tranh tụng đó như những tranh tụng giữa những công dân bình đẳng trước pháp luật.

Nguyễn Văn Thế (Drachten - Hòa Lan)

PHÁT HUY LÒNG YÊU NƯỚC TỰ NGUYỆN

Võ Xuân Minh

Nguyễn Vũ Bình đã tuyệt thực để phản đối bản án thô bạo của chính quyền cộng sản trong phiên xử phúc thẩm ngày 5-5-2004 vừa qua. Đây là một hy sinh cao cả nhất dành cho đất nước. Ngoài tính mạng, sự hy sinh của anh còn liên lụy đến người vợ và hai đứa con thơ, chỉ mới được 5 và 2 tuổi.

Chúng ta đều biết các chính quyền độc tài không có một quan tâm nào đến tính mạng của những người yêu nước. Điều có thể làm cho tập đoàn cầm quyền hiện nay nhượng bộ là áp lực của thế giới và của người Việt Nam. Nhất là của người Việt Nam. Với nhiều vấn đề phức tạp đang xảy ra, thế giới chỉ đặc biệt chú ý đến những đàn áp độc ác của chính quyền Việt Nam nếu người Việt Nam, đặc biệt ở hải ngoại, tích cực lên tiếng tố cáo và có những phản ứng mạnh. Nhưng những phản ứng này đã không xảy ra. Ít ra là không đáng kể so với một vài hành động của một Trần Trường không bình thường nào đó trước đây. Bảo vệ vùng đất đang cư ngụ thoát khỏi ảnh hưởng của cộng sản có khả năng vận động rất nhiều lần hơn so với công cuộc đánh đổ chế độ này tại đất nước Việt Nam.

Một nhận xét của Phan Chu Trinh, cách đây hơn ba phần tư thế kỷ : "trong hai mươi triệu người ai cũng biết có nhà mà không biết có nước [...] nói đến việc "mất nước" thì chẳng có ai mơ màng vào đâu" (1), vẫn chưa lỗi thời.

Nhận định trên không có mục đích phê bình nào cả. Hành động của mỗi người đều bị ảnh hưởng bởi di sản lịch sử văn hóa. Có cùng một văn hóa, một lịch sử và nếu cùng ở trong một môi trường thì thường có những phản ứng và hành động tương tự như nhau. Ai cũng vậy thôi.

Đây là dịp để chúng ta nhìn lại mình, để tìm hiểu những lý do tại sao trong gần một phần ba thế kỷ, Việt Nam - một quốc gia có trên 80 triệu người - vẫn chưa có được một kết hợp dân chủ lớn mạnh và vẫn phải tiếp tục chấp nhận sự thống trị tàn bạo của một thiểu số rất nhỏ.

Lòng yêu nước bao giờ cũng là động cơ và sức mạnh để cứu nước. Trong gần ba mươi năm qua chúng ta vẫn chưa thoát khỏi được nạn độc tài cộng sản, một chế độ chính trị đã bị đánh đổ tại nhiều quốc gia trên thế giới, thì có thể nói lòng yêu nước của chúng ta rất yếu. Để cứu nước chúng ta cần phải phục hồi và phát minh lại lòng yêu nước. Và trước hết, cần tìm hiểu những nguyên nhân đã làm cho lòng yêu nước của chúng ta không đủ mạnh.

Có nhiều nguyên nhân.

Nguyên nhân đầu tiên : *Đất nước Việt Nam không phải của mọi người Việt Nam. Người Việt Nam không có quyền yêu nước.*

Quân chủ thống trị đất nước ta trong gần suốt dòng lịch sử. Dưới các chế độ này đất nước là sở hữu riêng của một dòng vua, người dân chỉ có bốn phận phục vụ triều đình chứ

[...] Chúng ta là người Việt Nam, và tương lai của chúng ta gắn liền với tương lai của đất nước Việt Nam. Chúng ta không có chọn lựa nào khác hơn là xây dựng một tương lai chung. Và để xây dựng tương lai chung đó, lòng yêu nước vẫn là mẫu số chung bắt buộc. Chúng ta cần một sức bật mới của lòng yêu nước. Chúng ta cần phải phục hồi và phát minh lại lòng yêu nước.

(Thành Công Thế Kỷ 21, trang 55)

không có quyền bàn việc nước, lo việc nước hay yêu nước. Phan Chu Trinh đã bùi ngùi : "Tiếng thương nước đã có luật Gia Long cấm. Những kẻ học trò và dân gian không được nói đến việc nước, lo đến việc nước. Thương nước thì phải tù tội (!) cho nên những nhà thế phiệt giữ mình cho đến nỗi uốn nắn con từ trong nhà, lấy sự lo việc đời, sự thương nước làm sợ" (2). Và ông nhận định : "Cái độc quân chủ nó giết hẳn lòng ái quốc của dân Việt Nam ta" (1).

Lòng yêu nước chỉ mới được nảy nở vào cuối thời quân chủ và chỉ phát triển trong một khoảng thời gian ngắn rồi lại bị dập tắt bởi chế độ cộng sản. Chế độ độc tài này không khác chế độ quân chủ bao nhiêu. Những người nắm quyền vẫn coi đất nước là sở hữu riêng và người dân không có một thẩm quyền nào trên đất nước của mình cả. Yêu nước, quan tâm đến tương lai đất nước là một tội, và là một tội nặng. Những bản án thô bạo đối với những người yêu nước như Nguyễn Đình Huy, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Khắc Toàn, Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình là những bằng chứng cụ thể. Chế độ độc tài cộng sản cũng đã, đang và tiếp tục giết chết lòng yêu nước của người Việt Nam.

Nguyên nhân thứ hai : *Văn hóa Việt Nam đã bị ảnh hưởng Khổng Giáo rất nhiều.*

Khổng Giáo là một văn hóa bảo thủ, đặt nặng giá trị tôn quân và không có một quan tâm nào đến đất nước. Nếu thờ vua không được thì lo giữ mình, thế thôi. Khổng Tử khuyên : "Nước có đạo thì ra làm quan, vô đạo thì ở ẩn" (Thiên hạ hữu đạo tắc hiện, vô đạo tắc ẩn) hay "Nước có đạo thì ngôn ngữ chính trực, hành vi chính trực, nước vô đạo thì hành vi chính trực, ngôn ngữ khiêm tốn" (Bang hữu đạo nguy ngôn nguy hành. Bang vô đạo, nguy hành ngôn tổn). Chờ thời, ở ẩn và ngôn ngữ khiêm tốn (không lên tiếng phản đối những người cầm quyền tàn bạo) đã và đang là một triết lý sống của nhiều người Việt Nam. Hiện nay không thiếu người Việt "khiêm tốn" cho rằng không thể góp phần vào công cuộc đánh đổ chế độ độc tài cộng sản và chờ đợi khi nào Việt Nam có dân chủ sẽ ra giúp nước (!).

Nguyên nhân thứ ba : *Những cuộc nội chiến tàn khốc luôn xảy ra trên đất nước Việt Nam.*

Việt Nam là một trong những quốc gia có nhiều nội

chiến nhất thế giới, và những cuộc chiến này đã gây ra rất nhiều tang thương cho dân tộc và đổ vỡ cho đất nước. Người dân Việt Nam vừa phải hy sinh cho đất nước vừa phải chấp nhận sự tủ nhục của một dân tộc lạc hậu, vừa phải phục vụ cho những người cầm quyền vừa bị chà đạp ngay trên đất nước mình. Yêu nước đã được dùng làm chiêu bài cho những cuộc chém giết hay để buộc tội nhau. Tổ quốc cũng đã được nhân danh để hãm hại những người yêu nước. Lòng yêu nước đã mất hết nội dung.

Nguyên nhân thứ tư : *Việt Nam thiếu vắng tư tưởng chính trị.*

Tư tưởng chính trị là kiến thức của quốc gia. Không có tư tưởng chính trị thì khó có thể có những nhận định đúng về bối cảnh đất nước, mục tiêu quốc gia và đường lối đấu tranh. Những chọn lựa chính trị, đặc biệt là chọn lựa đường lối đấu tranh, hầu hết là do phản xạ của tập quán hay dựa vào những kinh nghiệm trong quá khứ, nghĩa là lỗi thời và không có tương lai. Vì không thấy có một giải pháp nào có thể đưa quốc gia thoát khỏi bế tắc nhiều người đã buông tay, không muốn nhắc đến đất nước Việt Nam và tự dồn nén lòng yêu nước của mình. Lòng yêu nước đã không có môi trường, cơ hội để thể hiện và phát triển.

Và nguyên nhân thứ năm : *Đất nước Việt Nam chỉ là nguồn đau khổ và tủ nhục chứ không phải là nguồn phúc lợi và hạnh diện của người Việt Nam.*

Đây là một nguyên nhân mới mà chúng ta cần chú ý. Thế giới đã thay đổi rất nhiều. Với sự phát triển của các phương tiện giao thông và truyền thông, với tinh thần hợp tác và cùng tiến trong hòa bình, quả đất đã là quê hương chung của cả loài người. Ý niệm quốc gia dân tộc bị tương đối hóa trong lúc hạnh phúc cá nhân ngày càng được đề cao. Quốc gia không còn là một cứu cánh thiêng liêng mà phải là một phương tiện xây dựng hạnh phúc cho dân tộc. Trong bối cảnh đó, một quốc gia không bảo đảm an ninh và nhân phẩm, không đem lại phúc lợi và niềm tự hào cho người dân sẽ không vận động được lòng yêu nước. Nhiều người trẻ Việt Nam ở hải ngoại đã thẳng thắn đặt câu hỏi : "Yêu nước Việt Nam thì có lợi gì cho tôi ?".

Có thể có thêm những nguyên nhân khác, nhưng chỉ năm nguyên nhân trên đây cũng cho thấy người Việt Nam khó có thể yêu nước hay thể hiện lòng yêu nước của mình. Nói một cách khác, với một di sản văn hóa lịch sử và một đất nước như vậy, lòng yêu nước của người Việt Nam không mạnh là một lẽ tự nhiên.

Nhận định như vậy trước hết là để chúng ta không thất vọng về con người Việt Nam. Những dân tộc khác nếu có một lịch sử, một văn hóa và một đất nước tương tự thì cũng sẽ có những phản ứng tương tự. Dân tộc Việt không tệ hơn những dân tộc khác. Hơn nữa, dù ở trong hoàn cảnh đó, dân tộc ta luôn có những con người "đặc biệt" hay "ngoại hạng" nhiệt thành yêu nước, sẵn sàng hy sinh quyền lợi, đời sống cá nhân vì tương lai của đất nước. Những tự hào, hay thất vọng, quá đáng và không cơ sở về dân tộc mình là những trở ngại lớn cho công cuộc cứu nước và xây dựng đất nước. Những quan trọng hơn, những nhận định trên cho

thấy là chúng ta có thể phục hồi và phát minh lại lòng yêu nước.

Đầu tiên, để phục hồi và phát minh lại lòng yêu nước chúng ta phải khẳng định rằng *đất nước Việt Nam là của tất cả mọi người Việt Nam.*

Yêu nước, trước hết, vì đất nước là của mình. Và đất nước Việt Nam chỉ có thể là của mỗi người Việt Nam nếu Việt Nam là một quốc gia dân chủ. Một quốc gia nhìn nhận và tôn trọng chỗ đứng và tiếng nói ngang nhau cho mọi người ; không chấp nhận một đối xử phân biệt nào đối với các thành phần dân tộc, tôn giáo, khuynh hướng chính trị ; và bác bỏ một cách dứt khoát mọi hình thức độc tài chuyên chính. Phục hồi và phát huy lòng yêu nước hiện nay đồng nghĩa với đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền, cho tự do và bình đẳng.

Chúng ta cần có một khái niệm quốc gia mới. Khái niệm quốc gia là một tổ quốc thiêng liêng mà mọi người phải phục tùng, tôn kính và phục vụ vô điều kiện là một khái niệm vừa lỗi thời vừa nguy hiểm. Nó cho phép các chế độ độc tài nhân danh tổ quốc để khống chế người dân. Quốc gia cần được định nghĩa như là một thực thể bao gồm *một lãnh thổ, một chính quyền, một di sản văn hóa lịch sử và những con người bình đẳng gắn bó với nhau để xây dựng và chia sẻ với nhau một tương lai chung.* Trong những yếu tố cấu tạo quốc gia đó, hai yếu tố quan trọng hơn cả là *những con người và dự án tương lai chung.*

Đất nước như vậy trước hết phải là một không gian liên đới và là một dự án tương lai chung. Đất nước này rất cần thiết cho mọi người vì là nguồn yểm trợ để mỗi người xây dựng tương lai đời mình đồng thời cùng nhau xây dựng một tương lai chung và một niềm tự hào chung. Đất nước này cũng là một chỗ dựa tình cảm cho mỗi người để hạnh phúc được toàn vẹn. Một đất nước như vậy có khả năng ràng buộc người Việt Nam với nhau và với đất nước mình. Lòng yêu nước khi đó sẽ là một tình cảm tự nhiên. Mọi người sẽ yêu nước vì đất nước là của mình, vì đất nước che chở và tạo môi trường thuận lợi để mỗi người xây dựng tương lai và hạnh phúc đời mình.

Thứ hai, chúng ta cần phải thay những giá trị tiêu cực của Khổng Giáo bằng *những giá trị tiến bộ và cần thiết cho đất nước Việt Nam.*

Văn hóa luôn ảnh hưởng đến tâm lý và cách ứng xử của mỗi người. Trong những nguyên nhân đã tìm hãm lòng yêu nước của người Việt Nam, nguyên nhân tác hại hơn cả là Khổng Giáo. Ngoài quan niệm chờ thời, ở ẩn và không quan tâm đến đất nước, Khổng Giáo còn củng cố cho những nguyên nhân còn lại. Với giá trị tôn quân, Khổng Giáo bảo vệ các chế độ quân chủ và thuận lợi cho các chế độ độc tài. Không phải là một tình cờ mà ba trong bốn quốc gia còn chịu ách độc tài cộng sản là những quốc gia có văn hóa Khổng Giáo. Đê cao giá trị tôn quân cũng là nguyên nhân gây ra những cuộc nội chiến tàn khốc : ai cũng muốn làm vua vì vua (hay lãnh đạo quốc gia) ở trên tất cả và có tất cả. Với giá trị bảo thủ, Khổng Giáo đã ngăn chặn mọi tiến bộ, đặc biệt là tiến bộ về tư tưởng chính trị. Sự thiếu vắng tư tưởng chính trị đã làm cho nhiều người lơ là với đất

nước vì không thấy có một giải pháp nào để cứu nước.

Nói một cách khác, lòng yêu nước của người Việt Nam không đủ mạnh là vì một số giá trị tiêu cực đã được Khổng Giáo đề cao. Để phát huy lòng yêu nước chúng ta cần phải thay những giá trị tiêu cực của Khổng Giáo bằng những giá trị tiến bộ và cần thiết cho đất nước Việt Nam.

Đây là một công việc khó khăn và đòi hỏi nhiều thời gian. Cần nhiều thập niên mới có thể xóa bỏ một số giá trị và xây dựng một số giá trị khác. Để tháo gỡ những giá trị tiêu cực của Khổng Giáo cần phải có những nhận định và phân tích về Khổng Giáo một cách đứng đắn và không nhân nhượng. Cần phải nói rõ, với những dẫn chứng cụ thể, về những hậu quả tai hại do văn hóa Khổng Giáo mang lại cho đất nước. Chúng ta cũng nên lưu ý là văn hóa Khổng Giáo đã thấm nhập vào dân tộc Việt Nam trong hàng ngàn năm, đã ăn sâu vào ký ức tập thể và do đó vẫn tiềm tàng trong mỗi chúng ta kể cả những người không biết gì về Khổng Giáo (3).

Để công việc này được thành công một cách tốt đẹp và cũng để tránh sự khủng hoảng của sự trống vắng giá trị, song song với việc đánh đổ các giá trị lỗi thời của Khổng Giáo chúng ta phải tranh đấu, vận động, cổ xúy cho những giá trị tiến bộ như tự do, dân chủ, nhân quyền, bình đẳng, nhà nước pháp trị ; như hòa bình, hòa giải, đối thoại, liên đới, hợp tác.

Thứ ba, chúng ta phải tranh đấu, vận động cho lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Những cuộc nội chiến tàn khốc liên tục xảy ra đã làm cho người dân chán ngán, không còn tin tưởng vào đất nước và không yêu nước. *Đất nước trước hết phải là một không gian liên đới và một dự án tương lai chung.* Chúng ta không thể vừa yêu nước vừa thù hận nhau, chém giết lẫn nhau. Chỉ có hòa giải và hòa hợp dân tộc mới có thể gây lại niềm tin của người dân và làm cho người dân yêu nước. Chỉ có hòa giải và hòa hợp dân tộc mới có thể cho phép mọi người sống trong an bình, trong sự tin cậy lẫn nhau và cùng nhau xây dựng tương lai đời mình cũng như tương lai của đất nước. Để phục hồi và phát huy lòng yêu nước chúng ta phải tranh đấu, vận động, cổ xúy cho lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc. Hòa giải và hòa hợp dân tộc vừa là những giá trị hàng đầu để xây dựng đất nước, vừa là chiến lược để đánh đổ chế độ độc tài hiện nay và vừa là điều kiện tất yếu để mọi người yêu nước.

Thứ tư, chúng ta cần phải góp phần xây dựng hay phổ biến một dự án chính trị đứng đắn cũng như *góp phần xây dựng một tổ chức chính trị có khả năng thực hiện dự án chính trị đó.*

Lòng yêu nước chỉ có thể phát triển khi người dân còn tin tưởng vào tương lai của đất nước. Khó có thể thể hiện lòng yêu nước của mình khi không thấy có một giải pháp nào để đưa đất nước thoát khỏi bế tắc. Đầu tư suy nghĩ để tìm kiếm những giải pháp tốt nhất cho Việt Nam và tìm cách góp phần xây dựng một tổ chức chính trị có khả năng thực hiện những giải pháp đó là điều kiện bắt buộc để phục hồi và phát huy lòng yêu nước.

Và cuối cùng, để phục hồi và phát huy lòng yêu nước,

chúng ta phải *góp phần xây dựng một nước Việt Nam đáng yêu.*

Đó là một đất nước hiền hòa, quý trọng từng người chứ không phải là một đất nước dữ dằn đầy đọa con người. Một quốc gia phục vụ và tạo điều kiện để mỗi người có phương tiện và khả năng xây dựng tương lai đời mình chứ không phải là một quốc gia tham nhũng và bóc lột mọi người. Đó là một quốc gia của dân chủ và nhân quyền, của tự do và bình đẳng, của nhà nước pháp trị và liên đới, của hòa giải và hòa hợp.

Nhân loại ngày càng thấy chỉ có thể có an sinh, tiện nghi và hạnh phúc trong một thế giới hòa bình và liên đới. Con người ngày càng thấy gần gũi nhau và cần nhau. Những phân biệt chủng tộc hay quốc gia ngày càng lỗi thời và bị kết án. Tuy nhiên lòng yêu nước vẫn luôn là một giá trị vì đó là một tình cảm tự nhiên và cần thiết cho đời sống của mỗi người. Tình quê hương thân thiết đối với mỗi người như tình gia đình, tình bạn bè, tình chí hữu. Những tình cảm này là nguồn hạnh phúc vì chúng làm cho đời sống phong phú, đầy đủ và sâu đậm. Tình yêu gia đình không ngăn cản chúng ta yêu thương người khác, lòng yêu nước không ngăn cản chúng ta yêu nhân loại. Yêu nước là một tình cảm cao quý và không nên nhầm lẫn với tình thân bài ngoại, tình thân dân tộc hẹp hòi.

Lòng yêu nước càng cao quý và càng cần thiết khi đất nước lâm nguy, như đất nước Việt Nam hiện nay đang bị một tập đoàn độc tài thống trị. Số phận của cả một dân tộc, trên 80 triệu người, trong nhiều thế hệ, tùy thuộc vào lòng yêu nước của chúng ta. Để đánh đổ chế độ này, để đem lại tự do dân chủ cho Việt Nam, để mọi người có thể xây dựng một tương lai tươi sáng trong một quốc gia tiến bộ và phồn vinh, chúng ta phải phục hồi và phát huy lòng yêu nước.

Những nhận định trên cho thấy công cuộc phục hồi và phát huy lòng yêu nước đi đôi với công cuộc cứu nước thoát khỏi nạn độc tài để xây dựng một quốc gia dân chủ, văn minh. Cả hai công cuộc này hỗ trợ cho nhau. Điều này đòi hỏi một mặt chúng ta phải cố gắng vận động để mọi người ý thức rằng tương lai của chúng ta, của con em chúng ta gắn liền với tương lai của đất nước, và mặt khác, cố gắng góp phần xây dựng một đối lập dân chủ lớn mạnh. Công cuộc đấu tranh nào cũng đòi hỏi ít nhiều hy sinh. Nhưng nếu chúng ta mỗi người góp sức một ít thì gánh nặng sẽ nhẹ đi và có lẽ trong lịch sử Việt Nam đây là lần đầu tiên với những hy sinh vừa phải chúng ta có thể thay đổi cả số phận của một dân tộc một cách bền vững, và trong đó có cả số phận của mỗi chúng ta và của con em chúng ta.

Võ Xuân Minh (Paris)

Ghi chú :

(1) Phan Chu Trinh, *Quân trị chủ nghĩa và Dân trị chủ nghĩa.*

(2) Phan Chu Trinh, *Đạo đức và luân lý đông tây.*

(3) Võ Xuân Minh, "Khổng Giáo", *Thông Luận*, tháng 2-1999.

Gần 30 năm đã trôi qua kể từ 30-4-1975, ngày thống nhất dải đất hình chữ S mang tên Việt Nam. Chế độ mang màu sắc quốc gia tại Nam Việt bị bức tử, và lần lượt sau đó Mặt trận giải phóng cùng các đảng phái chính trị hình thức do họ Hồ ngụy tạo tuyên bố tự giải tán. Độc tài lên ngôi, làm điêu đứng cả một dân tộc.

Như một hệ quả tất yếu, hàng loạt phong trào phản kháng thành hình. Thời gian gạn lọc, tưởng nên có cái nhìn khái quát như một bài học, như sự suy xét ngõ hầu tìm ra những giá trị bất biến, và đề nghị vài công thức cho thành công tương lai. Bất cứ cái nhìn nào cũng ít nhiều phiến diện, chủ quan và thậm chí võ đoán. Xin mọi người tạm tìm nơi đây một cái tâm khả dĩ để tham khảo, âu cũng là thành công mà người viết mong chờ.

Lược chia bằng mặt cắt hiện tại, ta thấy các phong trào phản kháng được phân làm ba loại chính :

1. *Những người quốc gia* : họ đang, đã và sẽ vẫn đứng dưới ngọn cờ vàng ba sọc đỏ. Phần đông họ sống ở hải ngoại. Không thiện chí lắm nếu xem việc họ đang làm như hình thức giải tỏa những khó khăn tinh thần không thể vượt qua khi rời bỏ quê cha đất tổ. Đôi khi họ chống cộng quyết liệt nhưng chưa đủ tỉnh táo. Ai có tư tưởng khác họ đều được liệt vào lũ cộng sản xấu xa cả.

2. *Nhóm phản ngộ, xét lại* : họ đã từng đứng dưới ngọn cờ đỏ sao vàng, dấu từng thấy "mưa sa trên màu cờ đỏ" họ vẫn chưa tìm được một lá cờ khả dĩ thay thế nó, hay ít ra họ nghĩ nên dùng nó ở thời điểm hiện tại. Về hình thức, họ chẳng khác nào những người nông dân Việt Nam từng "có công với cách mạng", bị chính quyền "nhân dân" cưỡng hào cướp bóc ruộng vườn, trù dập o ép nên kéo lên tinh thành phản kháng ; để "cơm" khỏi xé biếu ngừ, họ đội trên đầu yêu sách của mình những khẩu hiệu đại loại "Đảng Cộng Sản Việt Nam quang vinh muôn năm", "chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi"... trông vừa giận, vừa thương.

3. *Tầng lớp trí giả* : họ chưa có cờ, hoặc giả với họ ngọn cờ lương tri và trí tuệ là vĩnh cửu. Họ bao gồm những người ở cả trong và ngoài nước. Họ tiếp thu tri thức thời đại khá tốt, không muốn bị hòa lẫn với môi trường sống. Họ chán ghét chế độ độc tài bao nhiêu thì cũng thất vọng với những người quốc gia cũ bấy nhiêu. Họ sẽ đại diện cho hơn nửa dân số Việt Nam sinh sau ngày 30-4-1975. Với họ chỉ cần chung một cái nhìn về tương lai dân chủ tự do cho đất nước là đủ xem nhau như anh em.

Đi sâu vào bản chất, cũng có thể thấy ba nhóm tương đối rõ ràng.

1. *Chính trị sở thích* : Tính chất này cực kỳ mơ hồ. Nó gây cho con người những ngộ nhận nghiêm trọng. Sở thích cá nhân, xét theo quan điểm cách mạng dân chủ tự do là vô bổ cho cộng đồng. Thay vì chơi tem, sưu tập cái này cái kia, có người lập trang web nói chuyện chính trị. Loại trang

web này chiếm số lượng rất lớn trên mạng internet. Có trang còn lượm nơi đây một bài, nơi nọ một thông tin, tái tập hợp, phân loại rồi tuyên truyền. Đôi nơi cũng không quên ghi chú một dòng khiêm tốn phủ nhận mọi kiện cáo, đòi hỏi về bản quyền bên dưới. Do sở thích nên hứng thì làm, không hứng thì buông. Nhiều trang ra được hai ba kỳ rồi bỏ mặc lửng lơ chẳng thêm cập nhật... Nó sẽ gây ra phản cảm ở người vô tình vào đọc, gây nhiễu và hổ lốn hóa các xu thế đấu tranh cho dân chủ và tự do ở một nhóm cộng đồng nhất định nào đó. Tác dụng khơi gợi và tuyên truyền của nó cũng hết sức hãn hữu, tâm tính dễ dãi chuốc nhiều thất bại cay đắng hơn là thành công một cách may mắn.

2. *Chính trị bức xúc* : Bức xúc đồng nghĩa với bùng bột và tự phát hoặc bộc phát theo tình huống cố định và phổ biến. Tính chất bức xúc phù hợp với các cuộc vận động quần chúng hơn là khơi mào một phong trào chính trị sâu rộng và lâu dài.

3. *Chính trị lương tri* : Lương tri là con đẻ của tri thức. Chính trị thức mới chỉ ra rõ ràng và thuyết phục nhất con đường đi tới tương lai của Việt Nam phải là quá trình dân chủ hóa, tự do hóa. Trước mắt bài toán hòa hợp và hòa giải dân tộc là cần thiết. Theo thiện ý của tôi, tổ chức "Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên" đang là tiên phong trong các khuynh hướng chính trị lương tri. Bằng phương pháp nghị luận chính trị có hàm lượng tri thức khá cao, Nguyễn Gia Kiểng, một thành viên của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã tạo nên một "Tổ Quốc Ăn Năn" có hấp lực thật lớn. Lương người đọc *Tổ Quốc Ăn Năn* luôn trong nhóm dẫn đầu ở những trang thư viện trên mạng. Đặt vấn đề xây dựng một xã hội tri thức trên nền tảng cải tạo văn hóa gốc vừa mang tính truyền thống vừa thức thời.

Mọi phân loại đều bất toàn bởi đa hình thức và đa bản chất là khuôn đúc của một thực thể. Cho nên chỉ với hai nhóm lớn đã nêu ở trên, bằng một bài toán phổ thông có thể vẽ ra thêm hàng loạt phân nhóm phụ nữa ví như : Tầng lớp trí giả làm chính trị lương tri, tầng lớp trí giả làm chính trị sở thích và tầng lớp trí giả làm chính trị bức xúc... Thật ra tiền đề nhiều khi không quan trọng bằng hệ quả. Chẳng có gì đáng chê cười nếu một người ban đầu đến với chính trị như sở thích sau đó sự hiểu biết được nâng cao, họ lại được chỉ đường bởi lương tri. Cũng không phải không có trường hợp trái ngược. Tuy nhiên không khó để nêu đặc điểm rất chung của bức tranh tổng thể :

- Đặc điểm chung nhất và phổ biến nhất của mọi hình thức là *bất bạo động*. Đây là xu hướng khôn ngoan, hợp thời và tương xứng với mặt bằng phát triển các phong trào cách mạng dân chủ và tự do trên thế giới. Tuy nhiên bất bạo động không có nghĩa là "bất vũ trang". Và vũ trang cũng không hẳn là trang bị súng ống cho tổ chức. Hãy tưởng tượng một kịch bản Thiên An Môn sẽ diễn ra ở Sài Gòn hay Hà Nội, trong lúc khốn cùng phản ứng của bọn

độc tài sẽ như thế nào. Đừng biến những người đấu tranh cho tự do dân chủ thành một đàn cừu không có khả năng tự vệ trước bạo quyền.

- Chưa có hệ thống lý luận chặt chẽ hay ít ra là có bản sắc riêng độc đáo và được quần chúng công nhận rộng rãi. Rõ ràng điều kiện cần của dân chủ là dân trí. Ai cũng biết dân trí Việt Nam chưa cao. Hình mẫu dân chủ lý tưởng của phương Tây chưa chắc phù hợp với người Việt. Sự nghiên cứu nghiêm túc là bức bách. Với hệ thống thông tin liên lạc kỹ thuật cao như hiện nay, không chế độ độc tài nào có thể ngăn cản được những tuyên truyền, trao đổi, tranh luận rộng rãi nhằm tìm ra chân lý tương đối cho thời cuộc.

- Không hề đề ra những chương trình tuyển chọn huấn luyện nhân sự qui mô, có bài bản : đây chắc chắn là thiếu sót đáng lưu tâm và tôi xin dành nhiều lời nhất.

Thật vậy, yếu tố con người trong mọi tổ chức có tầm quan trọng rất cao. Rất nhiều hội đoàn kêu gọi dẫn thân đấu tranh. Nhưng thế nào là dẫn thân, ai vận động họ dẫn thân. Nói chung hiện nay các phong trào đối lập khá phong phú, trải rộng khắp thế giới, một thế giới "mở" theo đúng nghĩa toàn cầu hóa ; vậy mà sự thụ động trong việc qui tập những con người cùng lý tưởng rất phổ biến.

Với môi trường xã hội tự do, tuổi trẻ hải ngoại là đối tượng dễ vận động nhất vì họ hấp thụ nền văn minh tiên tiến, tư tưởng khoáng đạt. Nhưng ngoài những hội hè đình đám, gặp mặt văn nghệ, giao lưu năm thì mười họa ; có ai đã thấu hiểu rõ tâm tư tình cảm của họ và hướng họ vào những hoạt động thiết thực cho đất nước chưa ? Một nhận xét gần đây trong chuyên mục văn hóa nghệ thuật của BBC thật đáng buồn : các sinh hoạt thanh niên Việt Nam hải ngoại nói chung rời rạc, nhàm chán, lập đi lập lại, ít cái mới, thiếu sinh động và có vẻ giống như sinh hoạt... đoàn thanh niên cộng sản ở trong nước! Tôi xin đề nghị cụ thể một "hoạt động thiết thực" đã nêu, để giảm thiểu tính khẩu hiệu của diễn đạt: Xã hội tri thức không thể không có sách. Thanh niên lại càng không thể không biết sách là gì. Tùy ngành nghề mưu sinh, mỗi người hãy gắng phấn đấu làm một việc đơn giản liên quan đến sách vở, như là cách phổ biến tri thức đến nhân dân Việt Nam : ai có khả năng viết sách về lãnh vực mình am tường thì viết, ai khó viết thì hãy dịch sách nước ngoài, ai không thể dịch thì xin đánh máy bất cứ quyển sách nào mình thích. Xong rồi xin gửi sách đến các trang web thư viện miễn phí và giới thiệu bè bạn, thân hữu, gia đình trong và ngoài nước vào tải về để đọc. Sách vở ở Việt Nam hiện nay đắt như vàng, vượt xa khả năng tài chính của đa số những người muốn đọc và cần đọc. Một bản sách 200 trang có 100 người đọc thì bạn đã góp cho xã hội một số tiền tương đương từ 100 đến 200 Mỹ kim. Ở qui mô phong trào số tiền qui đổi sẽ lớn biết bao, nhưng cái lớn hơn rất nhiều lần là tri thức mà sách đem đến cho người đọc.

Mỗi năm hàng chục ngàn sinh viên Việt Nam ra nước ngoài du học. Loại bỏ hết phùng giá áo túi cơm, con ông cháu cha xài tiền "cách mạng", chắc chắn vẫn còn nhiều thanh niên ưu tú. Cộng sản đã có hẳn một Nguyễn Thái Bình đáng thương bị dụ dỗ và biến thành tượng thờ. Chúng

ta không dụ dỗ ai cả. Chúng ta nên tạo cho họ một môi trường đáng tin cậy và an toàn để học hành, hòa hợp với xã hội văn minh. Từ đó họ sẽ nhận thức được điều hay lẽ phải và nhiệm vụ của chính mình. Tôi từng quen biết những du học sinh luôn cảm thấy hụt hẫng ở xứ người. Vài năm đèn sách của họ chỉ trôi qua chủ yếu trên lớp, trong ký túc xá và con đường nối hai nơi này. Nền văn hóa sở tại đến với họ bằng sách vở, truyền hình và những lần đi mua nhu yếu phẩm ở siêu thị cuối tuần. Thật là đơn điệu và ảm đạm.

Với người trong nước, tình trạng còn bi đát hơn nhiều. Có hội đoàn nào từng giúp đỡ người phản kháng xuất ngoại dẫn thân chưa? Mọi cuộc ra đi từ trước đến nay đều tự phát và mang tính cá nhân là chính. Sẽ có người hồ nghi "Ai biết họ dẫn thân hay đi tìm những điều kiện sống dễ thở hơn? Giúp họ có đáng không?". Theo tôi không nên đặt câu hỏi như vậy. Ở trường hợp này gieo mười hạt chỉ cần có ba cây cho quả là mỹ mãn lắm rồi. Một trăm người đi chỉ cần một người có đủ dũng khí trở về sau khi được huấn luyện kỹ lưỡng sẽ thắp lên một ngọn nến đấu tranh. Khi lửa đã bùng lên thì không có gì không thể xảy ra. Hãy nhớ lại Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đã làm điều đó như thế nào. Những hạt giống quý như Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, v.v. sẽ khôn ngoan, mạnh mẽ và sâu sắc hơn biết bao nhiêu nếu được tu nghiệp chính trị vài ba năm trong môi trường dân chủ văn minh ngoài nước. Đến đây tra vấn tiếp theo sẽ là "Tiền ở đâu ra để làm việc này?". Có lẽ thời nay chúng ta chẳng phải khổ sở như Phan Bội Châu nữa đâu, chẳng phải lê la ở Đông Kinh hành khất mà làm cách mạng như ông đâu. Giải pháp tài chính nằm ở chính giá trị công cuộc phản kháng của chúng ta. Vài triệu đồng bào Việt kiều chẳng ngại chi vài đồng lẻ lót túi nếu hành động của chúng ta từ từ gây được lòng tin. Bất quá ta liên hệ với những người G. Soros trực tiếp hoặc qua trung gian nhiều tổ chức tự do, nhân quyền. Các bằng chứng sống về việc đàn áp tự do, dân chủ trong nước là điều kiện cần nhưng điều kiện đủ nằm ở phương hướng của chúng ta. Kinh nghiệm các cuộc "Cách mạng nhung" ở Tiệp Khắc năm 1989 và tại Gruzia năm 2003 vừa qua rất giá trị và cần tham khảo triệt để.

Kết luận : Tôi không phủ nhận sự nông cạn của mình và một bài viết "cưỡi ngựa xem hoa", nhưng tôi cũng không ngại khi cho rằng các phong trào chính trị đối lập Việt Nam vừa thừa vừa thiếu. Không ai có thể phủ nhận nhà cầm quyền hiện tại ở Việt Nam đang suy yếu và mục ruỗng hơn bao giờ hết. Lối chính trị bá đạo sống bám vào những tư tưởng giả hiệu rỗng tuếch và vô luân, quốc nạn tràn lan, dân tình điêu đứng ai oán là tiền đề cho sự sụp đổ. Nhưng hình như người Việt Nam vẫn thụ động trước thời cuộc. Chừng nào người Việt chưa tự trang bị cho mình những lực lượng đối lập đủ mạnh làm nòng cốt cho một cuộc cách mạng dân chủ tự do, chừng ấy sự suy đồi vẫn còn đất sống, hay tệ hại hơn, chúng sẽ dẫn đến một kỷ nguyên nô thuộc ngoại bang khác mà thôi.

Trương Lương Trung (Montréal)

Cuộc vận động dân chủ trong và ngoài nước

Minh Hòa

Một số sự kiện xảy ra từ đầu tháng 6-2004, trong nước cũng như trên các diễn đàn quốc tế khiến chúng ta đặc biệt chú ý và đây là dịp để chúng ta thẩm định hiệu quả của cuộc vận động dân chủ cho Việt Nam.

Nhìn chung thì cuộc biểu tình của hàng ngàn đồng bào thiếu số vùng Tây Nguyên vào tháng 4-2004 là biến cố nổi bật hẳn trong những tháng đầu năm nay. Tuy nhiên, vài diễn biến thoạt đầu có vẻ rời rạc từ ngày 3 đến ngày 16-6 lại có tầm quan trọng hơn về việc định hướng và thẩm định hiệu quả của cuộc vận động dân chủ trong và ngoài nước.

Ngày 3-6, Nhật Bản tuyên bố sẽ gắn liền viện trợ cho Việt Nam với một số yếu tố, trong đó có sự tôn trọng nhân quyền, tôn trọng môi sinh, cũng như tiến triển trên mặt dân chủ hóa và kinh tế thị trường (*Associated Press*, 3-6-2004). Nhật Bản là một trong những quốc gia đầu tư quan trọng nhất tại Việt Nam, và từ thập niên 1990 cho đến nay, Nhật chỉ quan tâm đến khía cạnh lợi nhuận tài chính của quan hệ giữa Nhật và Việt Nam. Đây là lần đầu tiên, Nhật Bản đã nêu một cách trực tiếp và chính thức vấn đề nhân quyền trong mối bang giao với Việt Nam.

Ngày 11-6, tổ chức Human Rights Watch phổ biến bản lên tiếng đòi nhà cầm quyền Việt Nam trả tự do cho mục sư Nguyễn Hồng Quang của nhóm Tin Lành Mennonite. Ông Nguyễn Hồng Quang bị công an bắt giữ vào ngày 8 tháng 6 và nhà ông cũng như văn phòng ông bị lục soát thẳng tay. Mục sư Nguyễn Hồng Quang bị giam giữ vì đã tổ chức cuộc phản đối dẫn đến xô xát với công an hồi tháng 3-2004, và vì ông đã từng lên tiếng bênh vực thành phần Tin Lành trong đó có những nhóm Tin Lành thiểu số. Ông cũng đã lên tiếng bênh vực một số nhà đối kháng trong nước, trong đó có linh mục Nguyễn Văn Lý.

Ngày 14-6, chính quyền Campuchia tuyên bố chấp nhận cho Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc mở văn phòng ven biên giới Việt-Miên để đón nhận người tị nạn từ vùng Tây Nguyên Việt Nam chạy sang. Đây là một thay đổi trong lập trường và chính sách của Campuchia so với trước, khi những người tị nạn thiểu số từ Việt Nam sang bị xem như di dân bất hợp pháp và bị bắt để trả về Việt Nam. Theo bản tin của *Radio Australia* (14-6-2004), Campuchia quyết định hợp tác với Cao Ủy Tị Nạn để nhận người tị nạn từ Tây Nguyên. Quyết định này đã được ký sau một cuộc họp giữa bộ nội vụ Campuchia và các nhà Ngoại giao của Canada, Hoa Kỳ, Anh và Đức.

Cùng ngày 14-6, hãng thông tấn *Associated Press* loan báo : luật sư đối kháng Lê Chí Quang, bị giam giữ từ đầu năm 2002 vì đã dùng mạng internet để chỉ trích chính quyền, đã được phóng thích, 2 năm trước khi mãn án. Tuy nhiên, Lê Chí Quang vẫn bị quản thúc tại gia trong vòng 3 năm kể từ ngày ra khỏi tù. Tổ chức Ký Giả Không Biên

giới hoan nghênh việc trả tự do cho Lê Chí Quang, nhưng lưu ý rằng Việt Nam gần đây mới ban hành những biện pháp mới nhằm siết chặt kiểm soát mạng internet để ngăn cản việc phổ biến những quan điểm chống đối. Tổ chức Ân Xá Quốc Tế cũng lên tiếng cùng ngày rằng việc trả tự do cho Lê Chí Quang là một diễn tiến tích cực, tuy nhiên tiếp tục bày tỏ quan ngại về Quyết Định 71 của bộ công an, tháng Giêng 2004, ép buộc chủ nhân các quán internet công cộng phải theo dõi và chịu trách nhiệm về nội dung những trao đổi trên mạng của khách hàng.

Ngày 16-6, tin *Associated Press* cho hay linh mục Nguyễn Văn Lý được giảm án xuống 5 năm tù và 5 năm quản chế. Năm 2001, linh mục Lý đã bị kết án 15 năm tù. Trước việc giảm án này, một phát ngôn viên của tòa đại sứ Hoa Kỳ lên tiếng kêu gọi Hà Nội trả tự do cho linh mục Nguyễn Văn Lý ngay lập tức, thay vì chỉ giảm án.

Sau khi liệt kê những sự kiện trên, chúng ta có thể tự hỏi, mẫu số chung của những sự kiện đó là gì ? Có lẽ, một mẫu số chung đáng kể là sự chú ý của nhiều quốc gia và những tổ chức nhân quyền quốc tế nhằm hậu thuẫn cho thành phần dân chủ hay đối kháng tại Việt Nam. Riêng trong trường hợp Nhật Bản tuyên bố về chính sách mới đối với Việt Nam, mặc dù không đặt trọng tâm vào một trường hợp cụ thể nào, nhưng yếu tố “nhân quyền” và “dân chủ” cũng đã nêu lên rõ ràng, và tất nhiên chúng ta có thể hiểu rằng tiêu biểu cho tình hình nhân quyền và dân chủ nói chung tại Việt Nam là những nhóm ly khai hay đối kháng.

Ngoài ra, một điểm khác có thể nhận xét trong các sự kiện trên là trường hợp Lê Chí Quang và linh mục Nguyễn Văn Lý, dường như có sự nương bộ của nhà cầm quyền Việt Nam.

Câu hỏi đặt ra là : nguyên nhân gì khiến cho những diễn biến này xảy ra ? Nguyên nhân gì khiến cho có mức hậu thuẫn thuận lợi cao từ quốc tế, và nguyên nhân gì khiến nhà cầm quyền Việt Nam nhượng bộ ?

Câu trả lời nằm trong hai yếu tố : một là liên hệ giữa Việt Nam và cộng đồng quốc tế đang bước sang giai đoạn mới, và hai là công cuộc vận động nhân quyền dân chủ trong những năm vừa qua đã gây được phần nào ảnh hưởng.

1. Trong mối bang giao giữa cộng đồng quốc tế, cũng như giữa các thành viên của cộng đồng quốc tế với nhau, vấn đề nhân quyền và dân chủ, hay gọi cách khác là vấn đề thay đổi chính trị, không còn nằm bên lề nữa, mà vấn đề này đã trở thành một yếu tố quan trọng trong tiến trình phát triển. Đây không có nghĩa là lợi nhuận kinh tế trở thành phụ thuộc, nhưng kinh tế không còn là yếu tố duy nhất mang trọng tâm. Những mối tương quan về nhân quyền vẫn thường được đề cập đến. Tổ chức phi chính quyền tiêu biểu là Human Rights Watch thường nhắc đến

sự tôn trọng nhân quyền để củng cố xã hội dân sự nhằm tác động tích cực lên tiến trình phát triển cho một quốc gia như Việt Nam (ví dụ như lời kêu gọi của HRW vào ngày 3-12-2003 và ngày 3-12-2001, nhân dịp các thành phần viện trợ Việt Nam nhóm họp thường niên tại Hà Nội, và tháng 12 -1997, HRW cũng đã lên tiếng nhân dịp một kỳ họp tương tự về Việt Nam tại Tokyo). Riêng Hội Ân Xá Quốc Tế thì luôn luôn đòi hỏi các quyền căn bản phải được tôn trọng một cách vô điều kiện, không thể viện cớ là “ưu tiên phát triển kinh tế”, “an ninh quốc gia”, hay thậm chí “chống khủng bố “ để đàn áp nhân quyền (*Báo Cáo Thường Niên 2004*, vùng Á Châu Thái Bình Dương). Ngoài ra, Liên Hiệp Âu Châu cũng đã nhiều lần nêu vấn đề, như vào tháng 12-2002 (*BBC 10-12-2002*), khi Liên Hiệp Âu Châu nhắc nhở Việt Nam rằng “nhân quyền, dân chủ và truyền thống độc lập là những yếu tố then chốt cho tiến trình phát triển xã hội và kinh tế”.

Nhà đầu tư nào cũng muốn đạt kết quả tốt cho vốn của mình, dù nhà đầu tư đó là một tổ chức tài trợ như Ngân Hàng Thế giới hay một nhà tư bản Nhật hay Singapore thuần túy. Tại Việt Nam, dù không còn ở giai đoạn đầu nữa, nhưng điều kiện làm việc vẫn khó khăn, hay ít nhất, điều kiện đầu tư cả thập niên vẫn tiếp tục thiếu thuận lợi cho việc viện trợ và đầu tư có kết quả. Điển hình, Chương Trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) đã nhận định rằng nhiều tỉnh, nhiều vùng tại Việt Nam còn nằm trong tình trạng nghèo trầm trọng sau một thập niên cải tổ kinh tế, với nhiều vấn đề cần cải thiện như tình trạng tử vong trẻ em và khả năng quản lý địa phương (*Radio Australia*, 14-8-2003). Đối với những nhà đầu tư, một số chương ngại vẫn còn tồn tại như lãnh vực quốc doanh thiếu hiệu năng, nạn tham nhũng và hệ thống luật pháp công kênh (*The Straits Times*, 7-3-2003, và *International Herald Tribune*, 5-2,-2002). Có lẽ đã đến lúc giới viện trợ và giới đầu tư quyết định gia tăng áp lực đòi hỏi kết quả thật sự nơi Việt Nam, qua lá bài đặt trọng tâm lên nhân quyền và chính trị đã sẵn có trong tay. Và thay đổi này không phải là một bất ngờ cho ai, vì như đã nêu, việc này có nhiều tín hiệu báo trước trong dư luận chứ không phải đột ngột xảy ra một sớm một chiều.

2. Nguyên do thứ hai của những thay đổi từ đầu tháng 6 là ảnh hưởng của cuộc vận động nhân quyền và dân chủ. Công cuộc vận động quốc tế này được chủ xướng bởi một số tổ chức và cá nhân của cộng đồng người Việt hải ngoại, nhằm gây ý thức nơi các chính quyền và tổ chức quốc tế để hỗ trợ những thành phần ly khai hay đối kháng trong nước. Điển hình cho những nhóm vận động quốc tế là Ủy Ban Tự Do Tôn Giáo cho Việt Nam tại Mỹ và Phòng Thông Tin Phật Giáo tại Pháp. Ngoài ra còn có nhiều nhóm và cá nhân khác tiếp xúc chính thức và không chính thức với các chính quyền hay Liên Hiệp Quốc nhằm trao đổi thông tin, quan điểm, gây ý thức và ảnh hưởng nơi những đối tượng này. Nhờ sự tiếp xúc thường xuyên và ngày một có tổ chức hơn, về nội dung, hình thức, cũng như nhân sự, các nhóm vận động quốc tế cho dân chủ và nhân quyền Việt Nam đã trở thành những thành phần có uy tín

đối với quốc hội các nước chi viện, giới truyền thông và các tổ chức quốc tế bảo vệ nhân quyền như Human Rights Watch, Ân Xá Quốc Tế, hay Ký Giả Không Biên Giới. Những đối tượng vận động này lại tác động lên nhau và liên kết với nhau một cách tự phát, tạo ra một cộng đồng và diễn đàn quốc tế quan tâm đến Việt Nam.

Một ví dụ cụ thể là trong phiên tòa phúc thẩm xử nhân vật ly khai Phạm Hồng Sơn (Human Rights Watch 31 tháng 8, 2003) và nhà báo Nguyễn Vũ Bình (*Radio Australia*, 5-5-2004), nhiều sứ quán của các quốc gia chi viện cho Việt Nam tại Hà Nội đã gửi đại diện đến quan sát diễn biến và tổ quan tâm. Cộng thêm với giới truyền thông và thân nhân cùng những người Việt Nam đến ủng hộ, sự hiện diện một đám đông quốc tế và Việt Nam bên ngoài những phiên tòa này đã trở thành thông lệ, và thể hiện rõ rệt hậu thuẫn quốc tế đối với những trường hợp đối kháng bị đàn áp.

Một ví dụ khác là trong kỳ bất ổn Tây Nguyên gần đây vào tháng 4-2004, đại sứ của Canada, Tân Tây Lan, Thụy Sĩ và Na Uy đã chủ động đi thăm và quan sát vùng Tây Nguyên và tổ chức họp báo sau đó để nói lên những nhận xét về tình hình kinh tế và xã hội trong các tỉnh Tây Nguyên, trong đó nhu cầu phát triển cho các sắc tộc thiểu số của vùng này rất lớn (*BBC Việt Ngữ*, 14-5-2004).

Những diễn biến có vẻ thuận lợi cho thành phần dân chủ tại Việt Nam cần phải được đối chiếu với những diễn biến bất lợi, trong đó một yếu tố quan trọng là thái độ trả giá của nhà cầm quyền Việt Nam. Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ vẫn cố bám víu vào độc quyền và sẽ không tự nhiên nhượng bộ, và chỉ sẽ nhượng bộ một cách tính toán, vừa tiếp tục giữ độc quyền (tức là cưỡng lại thay đổi), vừa tuyên truyền là có thay đổi đáng kể.

Nhưng vì nhu cầu sống còn, nhà cầm quyền Việt Nam lại phải xúc tiến hội nhập vào cộng đồng quốc tế để được tài trợ và đầu tư (thí dụ : gia nhập WTO). Cộng đồng quốc tế sẽ xem xét việc hội nhập của Việt Nam là thật tâm và hiệu quả căn cứ trên những tiêu chuẩn gì ? Trong giai đoạn hiện nay, những tiêu chuẩn đó sẽ không còn giới hạn trong lãnh vực thương mại và kinh tế, mà những khái niệm nhân quyền và dân chủ đang xuất hiện ngày một rõ rệt trên những lộ trình viện trợ và đầu tư của quốc tế. Trong viễn ảnh đó, cộng đồng hải ngoại cần tiếp tục kiên nhẫn vận động quốc tế, theo chiều hướng thúc đẩy chấp nhận thay đổi tại Việt Nam. Thay đổi ở đây cần hiểu là dẫn đến phát triển toàn diện, trong đó mọi thành phần xã hội có quyền quyết định và tham gia, tức là dân chủ hóa chính quyền và tôn trọng các tự do cá nhân trong một xã hội đặt dưới một chế độ pháp trị. Đó là thực thi các thay đổi mà những thành phần ly khai và đối kháng trong nước hiện đang đòi hỏi.

Nhân Hòa (Ottawa, tháng 6-2004)

LTS : Nhân Hòa là một thân hữu trẻ, hiện cư ngụ tại Canada.

[HTTP://WWW.THONGLUAN.ORG](http://www.thongluan.org)

B. Sự quan tâm của người Mỹ đối với văn hóa Việt Nam

Lê Văn Hào

Theo *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 2 (E-M), xuất bản tại Hà Nội, 2002, ở mục từ "Hoa Kỳ": đó là "một nước có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh vào hàng đầu thế giới. Sau 1945, Hoa Kỳ tiến hành "chiến tranh lạnh" với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Đối với Việt Nam, Hoa Kỳ tiến hành "chiến tranh nóng" kết thúc năm 1973 sau Hội nghị Paris. Với xu thế hòa bình chung từ 1989-1990, Hoa Kỳ và nhà nước Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao từ tháng 7-1995". Một sơ kết khá đúng đắn.

Chúng ta có quyền hy vọng rằng những vấn đề do quá khứ đặt ra, những biến cố quan trọng đã xảy ra trong quan hệ Việt-Mỹ sẽ được lịch sử phán xét một cách khách quan và công bằng. Đã đến lúc cần lấy quan điểm *hòa bình, hòa giải, hòa hợp, tình nhân đạo và tình hữu nghị* giữa các dân tộc để xem xét quan hệ giao lưu văn hóa Việt-Mỹ và tìm ra những điều tốt đẹp đáng ghi nhận và phát huy.

Quan hệ Việt-Mỹ ở thế kỷ 19: những dịp may bị bỏ lỡ

Lần gỡ những trang sử cũ, người ta thấy khoảng một thế kỷ rưỡi sau khi Tuyên Ngôn Độc Lập của nước Mỹ ra đời (4-7-1776), năm 1819 (cuối đời Gia Long), hai thương thuyền Hoa Kỳ cập bến cảng Sài Gòn để mua đường. Tổng trấn Gia Định Lê Văn Duyệt đã tiếp đãi tử tế thuyền trưởng John White và dành mọi sự dễ dãi trong việc mua bán. Năm 1831 (đời Minh Mạng), tổng thống Mỹ Andrew Jackson dự định đặt đại diện ngoại giao tại vương quốc Đại Nam và cử ông Shilluber làm lãnh sự, nhưng vua Minh Mạng đã từ chối.

Năm 1832, tàu Peacock chở phái đoàn sứ giả Mỹ, do hai ông Edmund Robert và Georges Thompson cầm đầu, cập bến Đà Nẵng xin trình quốc thư và thỉnh cầu được ký kết một hiệp ước thương mại, nhưng vì quốc thư không ghi rõ danh hiệu của vua và quốc hiệu Đại Nam nên Minh Mạng không tiếp nhận. Vua chỉ truyền lệnh đón tiếp tử tế phái đoàn Mỹ ở Công quán và chỉ định chỗ đậu tàu là vụng Sơn Trà ở Đà Nẵng. Sau đó tàu Peacock cũng với đặc sứ E. Robert trở lại Đà Nẵng với hy vọng ký một hiệp ước thương mại, nhưng ông E. Robert bị bệnh, tàu Peacock phải rời Đà Nẵng đi Macao để cấp cứu. Sau lần gặp gỡ bất thành này, quan hệ giữa Hoa Kỳ và Đại Nam bị gián đoạn trong gần bốn thập niên (1836-1873).

Bùi Viện (1839-1878), nhà ngoại giao xuất sắc và một sự nghiệp lớn dở dang

Từ giữa thế kỷ 19 đất nước ta lâm vào một tình thế

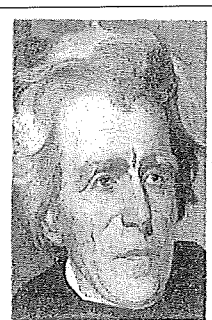
ngghiêm trọng: 1858 liên quân Pháp-Tây Ban Nha đánh chiếm bán đảo Sơn Trà ở Đà Nẵng; 1859 thành Gia Định bị chiếm, 1861 lần lượt mất Định Tường, Côn Lôn, Biên Hòa. Với Hòa ước 1862, triều đình Huế phải nhượng đất cho Pháp ba tỉnh miền Đông. Đến tháng 6-1867 chúng ta mất toàn bộ sáu tỉnh Nam Kỳ. Trước tình hình đen tối ấy, nhiều danh sĩ cấp tiến, giàu lòng yêu nước, có óc thực tế, muốn sử dụng tri thức của mình vào công cuộc cách tân để cứu đất nước ra khỏi nguy cơ bị xâm lược. Đó là những Hoàng Phan Thái, Nguyễn Tư Giản, Đặng Đức Thuận, Đinh Văn Điền, Nguyễn Lộ Trạch và xuất sắc nhất là Nguyễn Trường Tộ (1828-1871) và Bùi Viện (1839-1878).

Bùi Viện đã có công lớn trong việc xây dựng cảng Hải Phòng, lập ra "Tuần dương quân" (lực lượng hải quân thường trực) gồm 200 chiến thuyền và 2.000 quân thủy thiện chiến và lập ra hệ thống thương điểm ở khắp các tỉnh ven biển.

Là nhà ngoại giao năng nổ, Bùi Viện được vua Tự Đức cử sang Hoa Kỳ để thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức và xin viện trợ chống thực dân Pháp. Rời Đại Nam tháng 7-1873, ông đến Hồng Kông rồi Hoàn Tân (Nhật Bản), vượt trùng dương đến New York rồi Washington (1874). Sau gần một năm kiên nhẫn vận động, ông được tổng thống Ulysse Grant tiếp kiến và chấp thuận lời yêu cầu thiết lập quan hệ ngoại giao và giúp Đại Nam chống Pháp. Nhưng vì không có quốc thư chính thức mang theo bên mình, ông chưa thể bàn thêm những vấn đề cụ thể hơn.

Năm sau (1875), Tự Đức ban cho Bùi Viện chức khâm sai đại thần, cầm đầu phái đoàn sứ giả mang quốc thư trở lại Hoa Kỳ. Nhưng thật không may, tình hình thế giới đã biến chuyển bất lợi cho Đại Nam, tình trạng cấm và giết đạo (Công Giáo) tại Đại Nam gây xúc động lớn trong thế giới phương Tây, Hoa Kỳ do đó phải thay đổi chính sách. Mặc dù vẫn niềm nở tiếp đón sứ bộ của ta, tổng thống Grant nêu đủ lý do để từ chối viện trợ cho Đại Nam chống Pháp. Buồn

rười, Bùi Viện tay không trở về tổ quốc. Đến Đà Nẵng mới hay tin mẹ mất, Bùi Viện ra Huế tâu vua về chuyến công du bất thành và xin về thọ tang mẹ. Tự Đức đã có lời phê đầy cảm khái: "*Trăm đối với người chưa có ân nghĩa gì mà người đã coi việc nước như việc nhà, không quản xa xôi lo lắng, quí thân ắt cũng chứng cho*". Ba tháng sau Bùi Viện lại được triệu về kinh đô giữ chức thương chánh tham biện rồi chuyển sang chức chánh quản đốc nha Tuần hải. Việc bang giao giữa Đại Nam và Hoa Kỳ một lần nữa lại tạm gián đoạn. Chẳng bao lâu Bùi Viện mất đột ngột ở tuổi



Tổng thống Mỹ
Andrew Jackson
(1829-1837)



Tổng thống Mỹ
Ulysses Grant
(1869-1877)

chưa đầy 40, để lại một sự nghiệp bộn bề mà dang dở, ghi dấu một cột mốc trong lịch sử bang giao Việt-Mỹ thời cận đại (1).

Từ sau tháng 8-1945 đến tháng 12-1946, Hoa Kỳ là đồng minh của Việt Minh

Nhà sử học Mỹ Cecil B. Currey, tác giả cuốn "*Võ Nguyên Giáp - Chiến thắng bằng bất cứ giá nào*", đã cung cấp cho chúng ta nhiều tài liệu và thông tin về một giai đoạn độc đáo của bang giao Mỹ-Việt từ sau tháng 8-1945 đến trước khi nổ ra chiến tranh Việt-Pháp (từ tháng 12-1946 đến tháng 7-1954) : Mỹ và cơ quan tình báo quân sự OSS của họ là đồng minh của phong trào Việt Minh. Những sĩ quan Mỹ trong phái đoàn OSS đã chụp nhiều ảnh của Hà Nội sau tháng 8-1945, ảnh lễ chào quốc kỳ các nước Đồng Minh tại nơi ở của phái đoàn OSS ở Hàng Trống (nay là trụ sở báo *Nhân Dân*), ảnh Hồ Chí Minh chiêu đãi các vị khách Đồng Minh của mình : Hà Ứng Khâm (Tàu), Gallagher (Mỹ). Chính tướng Gallagher đã điện về Washington ngày 20-9-1945 : ông Hồ là "một sản phẩm của Moskova, một người cộng sản" làm chấm dứt tuần trăng mật Hoa Kỳ-Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa vào buổi bình minh của chiến tranh lạnh tư bản - cộng sản. Rồi một nhà sử học Mỹ khác, John Prados, mới đây đã cho ra đời cuốn *Cuộc hành trình chim kền kền, dự án bí mật Mỹ ném bom nguyên tử xuống Việt Nam trong thập niên 1950*. Ôi những oái oăm của lịch sử không ai lường trước được ! (2)

Có một cộng đồng người Việt và người Mỹ gốc Việt đông đảo tại Hoa Kỳ

Sau 1975 hàng chục vạn người "được" đi "học tập cải tạo", hàng triệu người khác đành vượt biển, vượt biên đi tìm tự do, kết quả là ngày nay trong hơn 80 triệu dân có khoảng ba triệu người sống trên hàng chục nước trên các châu lục, đông đảo nhất là cộng đồng người Việt và người Mỹ gốc Việt sinh sống tại Hoa Kỳ (khoảng trên dưới hai triệu người). Nhìn chung cộng đồng ấy đang an cư lạc nghiệp và đã thành công hội nhập xã hội Mỹ.

Nhiều người Mỹ gốc Việt là giáo sư đại học, viện sĩ hàn lâm của Hoa Kỳ. Viện Hàn lâm Khoa học New York đã từng mời tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang, một nhà bác học và là một nhà dân chủ nổi tiếng ở Hà Nội, làm viện sĩ. Giáo sư *Nguyễn Xuân Vinh*, Đại học Michigan và Berkeley, đã làm việc tại Phòng thí nghiệm Lực đẩy Phản lực (JPL-Jet Propulsion Laboratory) và tham gia vẽ quỹ đạo cho phi thuyền Apollo của NASA (Cơ quan Hàng không và Không gian Quốc gia). Ông đã viết ba cuốn sách giáo khoa được dùng tại nhiều nơi trên thế giới và đã được trao tặng Huy chương vàng danh dự của Nhóm Tư vấn Chương trình Phát triển Nghiên cứu Hàng không và Không gian (AGFARAD) thuộc khối NATO (3).

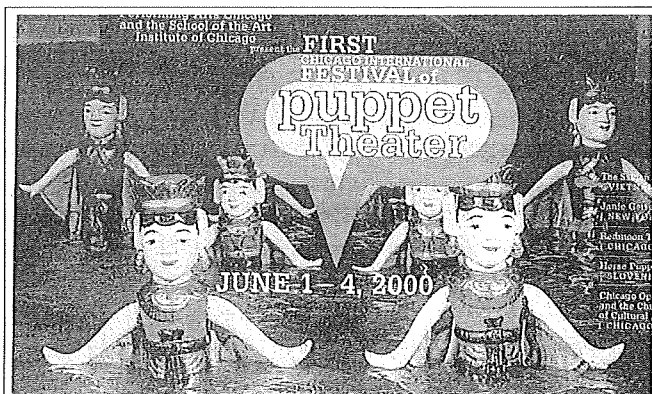
Giáo sư *Trịnh Xuân Thuận*, Đại học Virginia, giải thưởng Henri Chrétien của Hội Thiên văn Mỹ, tác giả của "Giai điệu bí ẩn", "Số phận của vũ trụ", "Big Bang và sau đó", "Hỗn độn và hài hòa"... , đã được mời tham gia một số chương trình nghiên cứu của NASA.

Qua các phương tiện truyền thông phong phú, qua các websites đông đảo, qua những tổ chức khoa học và công nghệ quan trọng như *Vietnamese Association For Computing Engineering Technology and Science* (VACETS), chúng ta sẽ thấy một vài trường hợp nổi bật vừa nêu trên chỉ là một phần nhỏ của những đóng góp mà cộng đồng người Việt và người Mỹ gốc Việt đã và đang thực hiện trên quê hương mới của mình (4).

Múa rối nước "ngang dọc trong lòng nước Mỹ"

Từ những năm 1960, nhiều đoàn nghệ thuật của miền Nam Việt Nam (Việt Nam Cộng Hòa) đã sang biểu diễn trên đất nước Hoa Kỳ, đồng minh của mình. Sau 1975 là hai mươi năm cấm vận làm cho quan hệ giao lưu văn hóa Việt-Mỹ đã chững lại. Sau khi Hoa Kỳ và Việt Nam thiết lập quan hệ bình thường (1995), người Mỹ lại có dịp thưởng thức những khía cạnh tốt đẹp nhất của di sản văn hóa Việt Nam truyền thống. Khách du lịch Mỹ đến Việt Nam ngày càng đông vui, giao lưu văn hóa Việt-Mỹ lại rộ lên. Thật cảm động khi thấy phía Hoa Kỳ đã chủ động đề nghị Việt Nam hợp tác thành lập một chương trình biểu diễn thường xuyên hàng năm - từ 1998 đến 2005 - để giới thiệu tinh hoa văn hóa dân gian Việt Nam. Trong các thể loại văn nghệ truyền thống của ta (chèo, tuồng, cải lương, tranh dân gian, dân ca, nhạc cổ điển, nhạc cung đình...) có lẽ *Múa Rối Nước* được dân chúng Mỹ tiếp đón nồng nhiệt nhất. Trong một chuyến đi biểu diễn ở nhiều nơi trên đất Mỹ kéo dài gần 4 tháng (từ 1-5 đến 20-8-2000), anh Nguyễn Đức Thế, trưởng đoàn Múa Rối Sài Gòn, bồi hồi nhớ lại : đến New York (lần này là lần thứ hai), đoàn Múa Rối Nước của Việt Nam cùng nghệ sĩ bốn nước khác được mời biểu diễn khai mạc *Liên hoan Sân khấu Thiếu nhi Thế giới*. Cả liên hoan đã đón nhận Múa rối nước Việt Nam bằng tất cả sự bất ngờ, chen lẫn niềm vui : "*Cả đoàn múa rối Nhật của thành phố Kawasaki cũng phải nhường vinh quang đó cho Việt Nam bởi "đặc sản" văn hóa truyền thống có một không hai trên thế giới của ta... Các nghệ sĩ Việt Nam phải ra chào đến lần thứ ba, thứ tư mà khán giả vẫn còn lưu luyến chưa muốn về và cứ đứng vỗ tay suốt*".

Đoàn múa rối Việt Nam còn đi qua nhiều bang và thành phố khác, đến đâu cũng thành công và mang lại niềm vui cho đông đảo người dân nước Mỹ bằng sức mạnh của nghệ thuật và văn hóa Việt Nam (5).



Hình ảnh múa rối nước Việt Nam tại Liên hoan Quốc tế Múa rối Chicago

Bạn đọc Hoa Kỳ nồng nhiệt tiếp đón những thành tựu của văn học Việt Nam cổ kim

Trần Đức Thảo (1917-1993), sau một cuộc đời cần mẫn đầy nhọc nhằn, truan chuyên, đã để lại hai tác phẩm: "Phénoménologie et matérialisme dialectique" (*Hiện tượng luận và duy vật biện chứng*) (1951), được dịch ra tiếng Ý (1970), tiếng Anh (1986) và "Recherches sur l'Origine du Langage et de la Conscience" (*Tìm hiểu về nguồn gốc của Ngôn ngữ và Lương tri*) (1973). Khúc hát thiên nga này đã được giới triết học Hoa Kỳ chú ý và được dịch ra tiếng Mỹ: *Investigations into Origin of Language and Consciousness* (nhà xuất bản D. Reidel Pub. Co, Boston, 1984).

Trong sinh hoạt rầm rộ và mệnh mông của văn hóa Hoa Kỳ, nếu có một số công trình trí tuệ cổ kim của Việt Nam được dịch, được xuất bản, được đánh giá cao và gây được tiếng vang thì nên xem đó là điều bình thường hay hãn hữu? Hãy cử ra vài trường hợp tiêu biểu.

Năm 2000 nhà xuất bản Copper Canyon Press cho ra mắt cuốn "*Spring Essence: the Poetry of Ho Xuan Huong*", John Balaban dịch, Ngô Thanh Nhân viết chữ Nôm. Trong bài đáp từ của mình trong chuyến đi thăm Việt Nam cuối năm 2000, tổng thống Clinton nhắc đến nhiều hoạt động văn hóa về Việt Nam ở nước ngoài, kể cả Mỹ, đặc biệt nhắc đến việc "*Những bài thơ hai trăm năm trước của Hồ Xuân Hương được xuất bản tại Mỹ bằng tiếng Việt, tiếng Anh và chữ Nôm, lần đầu tiên cách viết tiếng Việt cổ truyền được in ra*".

Cần nói rõ thêm rằng đây là lần đầu tiên cách viết tiếng Việt cổ truyền được in ra bằng phương tiện điện tử, mỗi chữ Nôm có một mã unicode. Đó là điều mới lạ và rất tiện lợi, có ý nghĩa lớn đối với văn hóa Việt Nam (6).

Bảy năm trước đó, dưới nhan đề *Paradise of the Blind*, nhà xuất bản Morrow, New York, đã công bố tiểu thuyết *Những Thiên Đường Mù* của nhà văn Dương Thu Hương, bản dịch của Nina McPherson và Phan Huy Đường. Giới báo chí và văn hóa Mỹ đã chào đón nó như một sự kiện tinh thần quan trọng (7): "*Cuốn tiểu thuyết Việt Nam đầu tiên được xuất bản tại Hoa Kỳ đã được quảng cáo rầm rộ, nhưng nó rất xứng đáng bởi vì Những Thiên Đường Mù là viên ngọc quý đầy chất thơ. [...] Một cuốn sách như vậy là một bước dài trên con đường dẫn tới sự giao cảm giữa hai nền văn hóa*" (Joe Collins) (7).

Cách nay hai năm, tiểu thuyết *Số Đỏ*, kiệt tác của nhà văn Vũ Trọng Phụng, được dịch ra tiếng Anh và được nhà xuất bản Đại học Michigan UMP phát hành vào tháng 6-2002 dưới tựa đề *Dumb Luck*. Vũ Trọng Phụng đã thành công sáng tạo hình tượng *Xuân Tóc Đỏ* trong *Số Đỏ* tiêu biểu cho anh chàng lưu manh thành thị chó ngáp phải ruồi của xã hội thực dân đầu thế kỷ 20. Thế là *Dumb Luck* đã được đưa vào danh mục những tác phẩm văn học kinh điển Việt Nam được giảng dạy trong các đại học Mỹ, và báo *Los Angeles Times* đã bình chọn kiệt tác *Dumb Luck* này là một

trong 50 tác phẩm hay nhất được xuất bản tại Hoa Kỳ trong năm 2002.

Cuốn sách Việt Nam đã gây được tiếng vang trong giới văn học Mỹ gần đây nhất có lẽ là tuyển tập truyện ngắn đương đại Việt Nam nhan đề *Love After War* (Tình Yêu Sau Chiến Tranh) của 45 nhà văn Việt Nam thuộc nhiều thế hệ từ 70-80 tuổi đến thế hệ trên dưới 30, còn sống hay đã mất, từ Tô Hoài, Chu Văn, Nguyễn Khải đến Phan Thị Vàng Anh, Phan Triều Hải, Nguyễn Ngọc Tư...

Tuyển tập được dịch ra tiếng Anh này đã lọt vào *Danh sách bình chọn 100 cuốn sách hay nhất năm 2003* của báo *San Francisco Chronicle*, một tờ báo có uy tín ở Mỹ. Trong một bài viết dài 16.000 chữ về 100 cuốn sách được chọn ấy, bình bút của *San Francisco Chronicle* đã dành những dòng trân trọng cho *Love After War* như là "Tuyển tập văn xuôi đương đại Việt Nam bằng tiếng Anh lớn nhất được xuất bản tại Hoa Kỳ".

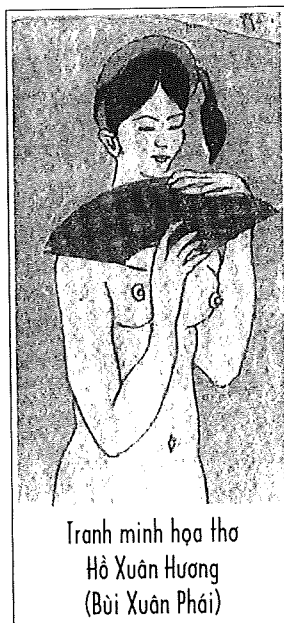
Giới trí thức văn nghệ sĩ Hoa Kỳ và sự phát triển của ngành Việt Nam học ở Mỹ

Vì Hoa Kỳ là đồng minh của miền Nam Việt Nam (Việt Nam Cộng Hòa) chống miền Bắc "tiền đồn của thế giới cộng sản ở Đông Nam Á" cho nên đã có hơn một trăm tác phẩm, hàng ngàn bài báo viết về chiến tranh Việt-Mỹ những thập niên 1960-1970, và hàng chục cuốn phim Mỹ đã để lại một dấu ấn khó quên trong lịch sử điện ảnh thế giới trong gần nửa thế kỷ qua. Nhưng đó không phải là điều quan trọng và đáng ghi nhớ nhất trong quan hệ giao lưu văn hóa Việt-Mỹ. Cái mãi mãi còn lại và sẽ được trân trọng hơn cả là sự quan tâm và nhiệt tình của nhân dân Hoa Kỳ đã và sẽ dành cho con người và văn hóa Việt Nam như là biểu hiện của tình hữu nghị giữa hai dân tộc.

Cách nay vài năm, giáo sư Keith W. Taylor, Đại học Cornell, đã cung cấp cho chúng ta một bức tranh tổng hợp khá phong phú về "*Việt Nam học ở Bắc Mỹ*", qua đó nổi bật lên nhiều trung tâm Việt Nam học tại các Đại học Hawaii, California (Berkeley), Washington (Seattle), Michigan (Ann Arbor), Cornell, Harvard, Trung Tâm Việt Nam của Đại học Kỹ thuật Texas (Lubbock), Nhóm Nghiên Cứu Việt Nam (VSG) của Hội Nghiên Cứu Châu Á của Hoa Kỳ (AAS) và nhiều nữa...

Nhiều hội thảo khoa học quan trọng đã được tổ chức như *Vietnam Legacies: Twenty Years later* (Việt Nam: những gì còn lại 20 năm sau) tại Đại học California, Davis (28/30-4-1995) hay hội thảo quốc tế Việt Nam học *Vietnam: Beyond the Frontiers* (Việt Nam: vượt qua các biên giới) do Trung Tâm Nghiên Cứu Đông Nam Á, Đại học California, tổ chức tại Los Angeles (11/12-5-2001).

Khi Việt Nam tổ chức *Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất* tại Hà Nội (15/17-7-1998) với chủ đề "Nghiên Cứu Việt Nam và Phát triển Hợp tác Quốc tế" thì nhà tài trợ chính của hội thảo là Quỹ Ford của Hoa Kỳ,



Tranh minh họa thơ
Hồ Xuân Hương
(Bùi Xuân Phái)

và phái đoàn Mỹ gồm hơn 30 đại biểu là một trong ba phái đoàn hùng hậu nhất, bên cạnh phái đoàn Nhật, Úc trong 26 nước tham dự (8).

Một cuộc triển lãm dân tộc học - văn hóa học không tiền khoáng hậu về Việt Nam trên đất nước Hoa Kỳ

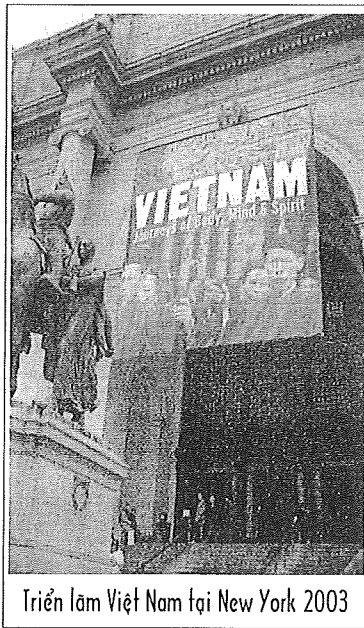
Trong mấy năm gần đây, nhiều cuộc triển lãm mỹ thuật, dân tộc học và văn hóa học liên tiếp được tổ chức tại Mỹ, phản ánh sự quan tâm và nhiệt tình của người dân Hoa Kỳ đối với văn hóa nghệ thuật Việt Nam. Năm 1999, trường Đại học Columbia nổi tiếng đã tổ chức một cuộc triển lãm lớn về tranh sơn mài tại New York với tựa đề *Vẻ đẹp Việt Nam*, và ba họa sĩ Công Quốc Hà, Trịnh Tuấn, Công Kim Hoa đã giới thiệu với bạn bè và đồng nghiệp kỹ thuật vẽ tranh sơn mài đặc sắc Việt Nam. Đầu năm 2003, các họa sĩ Trần Lương, Nguyễn Minh Phước, Đinh Gia Lê, Nguyễn Lê Vũ, Kim Ngọc đã có mặt tại Trung tâm Nghệ thuật New York chuẩn bị cho cuộc triển lãm *Vietnam Now* trong khuôn khổ *Liên hoan Văn hóa Việt Nam* tại Hoa Kỳ diễn ra suốt một mùa xuân.

Và cái đỉnh của liên hoan này là một cuộc triển lãm dân tộc học - văn hóa học lớn mà hai phía Hoa Kỳ và Việt Nam đã để ra hơn 10 năm để chuẩn bị và đã khai mạc tại Viện Bảo tàng Vạn vật học Hoa Kỳ (AMNH) ngày 15-3-2003 tại New York. Tháng 1-2004 triển lãm đã đi một vòng Hoa Kỳ (Texas, California, Colorado...) rồi mới quay trở về Việt Nam (tháng 3-2005).

Cuộc triển lãm này mang tên *Vietnam : Journeys of Body, Mind and Spririt* (Việt Nam - những hành trình của Thể xác, Tâm hồn và Trí tuệ) trưng bày hơn 400 hiện vật, hàng trăm hình ảnh, phần lớn mượn từ Viện Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (Hà Nội), phần còn lại là của Viện Bảo tàng Vạn vật học Hoa Kỳ (New York) hay mượn của một số bảo tàng châu Âu, chủ yếu là Pháp. Qua những hình ảnh sống động, tiêu biểu nhất của văn hóa văn minh Việt Nam từ ngàn xưa, triển lãm lần lượt đưa người xem qua những chuyến hành trình độc đáo :

- Những hành trình của thần linh, gia đình và tổ tiên ;
- Hành trình của con người và hàng hóa ;
- Hành trình của sự sống và cái chết ;
- Hành trình vào rừng, đi săn thú và tìm thuốc ;
- Hành trình sang thế giới khác, v.v.

Bà Ellen V. Futter, chủ tịch Viện Bảo tàng Vạn vật học Hoa Kỳ, người đã cùng với giáo sư Nguyễn Văn Huy, giám đốc Viện Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, đã để ra hơn 10 năm để chuẩn bị hoàn hảo cuộc triển lãm, cho biết : "*Đây là lần đầu tiên một cuộc trưng bày dân tộc học lớn về Việt Nam được thực hiện tại Hoa Kỳ. Nó là một phần trong truyền thống lâu đời của Bảo tàng chúng tôi nhằm giới thiệu và tôn vinh các nền văn hóa khác trên thế giới*" (9).



Có lẽ gian trưng bày ấn tượng nhất là "Những linh hồn lang thang" với bài *Văn tế Thập loại chúng sinh* của thi hào Nguyễn Du đã làm cho nhiều người không cầm nổi nước mắt. Qua cuộc triển lãm không tiền khoáng hậu này, tại thành phố New York ấy, nơi có trụ sở của Liên Hiệp Quốc, ở một ngã tư quốc tế lớn, chắc chắn nhiều người Mỹ và công dân thế giới sẽ hiểu, sẽ mến thương, quý trọng Việt Nam hơn. Ngẫm ra, giao lưu văn hóa, tình hữu nghị giữa những con người, giữa các dân tộc tốt hơn chiến tranh gấp triệu lần.

Lê Văn Hảo (Paris)

Chú thích và tham khảo :

(1) Đào Đức Chương, "Lịch sử bang giao Việt-Mỹ", *Làng Văn*, Westminster, California, Hoa Kỳ, số tháng 4-1977, tr.

51-55.

- Nhiều tác giả, *Bùi Viện (1839-1878) : Cuộc đời kỳ lạ, chí lớn phi thường*, Kỷ yếu hội thảo, Sở Văn hóa, Thông tin và Thể thao Thái Bình, 1992.

(2) Cecil B. Currey, "Những người Mỹ ở Hà Nội năm 1945", *Xưa và Nay*, Hà Nội, số 149, 10-2003 (trích cuốn *Võ Nguyên Giáp*, nguyên văn tiếng Anh, bản dịch tiếng Pháp : *Võ Nguyen Giap - La Victoire à tout prix*, Phébus, Paris, 2003).

- John Prados, *Operation Vulture, America's Secret Plan to Drop a Nuclear Bomb in Vietnam in the 1950's*, Ibooks, New York, 2003.

(3) Trần Ngọc Châu, "Người vẽ quỹ đạo cho phi thuyền Apollo bây giờ" ..., *Thanh Niên*, Hà Nội, Xuân Nhâm Ngọ, 2002, tr. 19.

(4) Trọng Minh, "VACETS chứng minh giới trẻ Việt Nam đang làm rạng danh quê mẹ", *Quê Hương*, Hà Nội, số 6/2002, tr. 26-27.

(5) Nguyễn Đức Thế, "Múa Rối Nước thành phố Hồ Chí Minh : Ngang dọc trong lòng nước Mỹ", *Tuổi Trẻ Chủ Nhật*, Sài Gòn, số 25 (25-6-2000), tr. 27.

(6) D. Thu, "Từ Hồ Xuân Hương đến John Balaban - Chiếc cầu nối ba thế kỷ", *Tuổi Trẻ Chủ Nhật*, Sài Gòn, số 11 (25-3-2001), tr. 13.

(7) "Dương Thu Hương, tác giả Việt Nam được dịch sang nhiều thứ tiếng", *Diễn Đàn*, Paris, số 17 (tháng 3-1993), tr. 17.

(8) Đại học Quốc gia Hà Nội và Trung tâm Quốc gia Khoa học Xã hội và Nhân văn, *Việt Nam học, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ nhất*, Hà Nội, 15/17-7-1998, *Thế Giới*, Hà Nội, 2000, tập I-V.

- Nguyễn Văn Ký, "Hội thảo quốc tế về Việt Nam học và những dấu hỏi", *Diễn Đàn*, Paris, số 78 (tháng 10-1999), tr. 23-24.

(9) Thu Hà (phỏng vấn bà Ellen Futter), "Hành trình vượt Thái Bình Dương cả hai chiều và liên tục", *Tuổi Trẻ Chủ Nhật*, Sài Gòn, số 11 (24-3-2003), tr. 14-15.

NHỮNG MẢNH ĐỜI RÁCH NÁT (*)

Tướng Năng Tiến

Xa mặt cách lòng.
(Thành ngữ Việt Nam)

Khi xem phim "Saving Private Ryan", thỉnh thoảng, mấy đứa bé lại quay sang "tham khảo" với tôi về tên các loại vũ khí của "bên mình" và "bên nó". "Nó" đây là lực lượng quân đội Đức (đang chiếm đóng nước Pháp) và "mình" là một tiểu đội lính Mỹ, được lệnh phải đi tìm một binh sĩ - có tên là James Ryan - đang bị kẹt trong lòng địch.

Vì ba người anh của James Ryan cũng đều tham chiến, và đã cùng lượt hy sinh nên đồng đội buộc phải đi tìm cho được kẻ sống sót còn lại, để mang cậu út về "trả lại" cho bà mẹ - trước khi quá muộn. Cuốn phim dài 2 giờ 46 phút, do Steven Spielberg làm đạo diễn, Tom Hanks là tài tử chính, và nghe đâu đã được đề nghị (tới) một tỉ giải Oscar mà sao tôi coi không "đã" mấy. Tôi cứ bị lọng cọng và lẩn tránh về chuyện "phe mình" và "phe nó".

Dù khi Thế Chiến Thứ Hai chấm dứt, tôi chưa ra đời nhưng tôi vẫn sẵn sàng "đứng" về phe Đồng Minh để chống lại phe Trục. Tôi cũng hoàn toàn tán đồng với quyết định của quân đội Hoa Kỳ, về chuyện phải giải cứu binh nhì James Ryan - bằng mọi giá.

Tuy thế, tôi e rằng mình không được phép nhận (đại) những quân nhân Mỹ thuộc... "phe mình" - một cách tự nhiên và hồn nhiên - như lũ con tôi. Tôi không sinh ra và lớn lên ở California như chúng nó. Tôi chỉ là một người tị nạn, một di dân. Tôi đến từ Việt Nam, *I came from Vietnam*, nếu nói theo kiểu Mỹ. Và rất nhiều đêm, gần như là hàng đêm, tôi vẫn cứ lẩn mò trở về nơi chốn cũ.

Tôi vẫn cứ hân hoan và hăm hở đến trường, từ lúc sáng tinh mơ, dù không mấy khi vào lớp. Chúng tôi chỉ tụ tập ở ngoài sân để tính chuyện đi câu cá, đi bắn chim, hay đi ăn cắp mận (nếu vào mùa mận chín) rồi ra Bờ Hồ tắm cho đến giờ... tan học !

Về nhà, tôi chơi tạt lon, tạt bịt thuốc. Cơm tối xong thì chúng tôi chơi năm mười, chơi rượt bắt cú tù hoặc cả đám rủ nhau đi bắt đẽ, cho đến mãi khuya.

Khi thì "tôi đi giữa hoàng hôn, khi nắng còn vương" để nhìn "chiều rơi trên đường vắng" và để thấy "có tôi rơi giữa chiều". Mà Đà Lạt của tôi thì có rất nhiều những con đường vắng. Cứ thế, tôi mãi mê thơ thần đi hết con đường tĩnh lặng này, đến con đường êm ả khác trong suốt quãng đời niên thiếu và hoa mộng của mình.

Khi thì tôi trở về thăm rừng núi cũ, đứng bơ vơ giữa trắng rừng hoang vu. Có lúc tôi về thăm lại căn nhà biệt giam của trại cải tạo Tân Rai, ở ngoại ô tỉnh Lâm Đồng, giữa những trưa nóng hầm hập. Tôi nằm trơ trọi một mình, chân ở trong cùm, người hầm hập sốt.

Cũng có lúc tôi trở về Rạch Giá, đi loanh quanh trong chợ Nhà Lồng, mắt láo liên nhìn quanh những bàn ăn, chờ thực khách buông đũa là nhào vào húp vôi phần ăn còn lại

- nếu như bên cạnh không có một đứa bé hay một cụ già, cũng đang "rình" phần cơm thừa hay canh cận ấy.

Tôi không tin là đất nước Hoa Kỳ hãnh diện và vui vẻ chấp nhận một công dân "part-time" (cứ ngày ở-đêm về) và thường trực sống trong trạng thái mộng mị như thế. Tôi chưa bao giờ thực sự sống hết lòng mình, ở phần đất mới nên không khỏi cảm thấy ngại ngẩn - khi cùng với lũ con thơ - nhận rằng những người lính Mỹ trong Thế Chiến Thứ Hai (cũng) thuộc... phe mình.

Rồi chiến tranh giữa Hoa Kỳ và Iraq xảy ra. Quân đội Mỹ vừa chiếm xong Baghdad thì ngay ngày hôm sau người ở kế bên hờn hờ mang sang một phần thịt quay và mấy gắp bánh hỏi, "để anh Tư nhậu sương sương vài ly". Tuy chúng tôi đều là người Việt và là láng giềng hàng xóm với nhau (đã nhiều năm) nhưng quà cáp, biểu xén như thế là một chuyện rất bất thường - ở Mỹ.

- Ý Trời, vụ gì đây cô Sáu ? Bộ mới trúng lô tô hả ?
- Đầu có, bữa trước em vái ông Địa cho tụi nó thua lè lẹ, chớ thấy lính mình qua bên đó nóng bức và nắng nôi tụi nghiệp quá sức - anh à ! Bữa nay nó thua thiệt nên em cúng tạ vậy thôi mà.

"Nó" đây là lính Iraq và "mình" đây (tất nhiên) là quân đội Hoa Kỳ. Rồi cô Sáu say mê kể lại chuyện lính Mỹ đã phải liều mạng ra sao trong chuyện giải cứu tù binh và cứu được một cô binh nhì tên Jessica Lynch nào đó. Nghe cũng hào hùng và cảm động y như chuyện... phim "Saving Private Ryan" vậy.

Cô Sáu không phải là người duy nhất đã tỏ lộ sự quan tâm và cảm mến của mình đối với những quân nhân Mỹ đã tham dự vào cuộc chiến giữa Hoa Kỳ và Iraq. Ở thành phố San Jose, California, người Việt tị nạn đã chuyển tới Hội Hồng Thập Tự gần 30.000 đô la ủng hộ cho tiền tuyến. "Người cho 1 đồng, người cho 5, 10 đồng có người đến 2.000. Chúng tôi đi từng cơ sở thương mại, từng tư gia để nhắc nhở trách nhiệm mọi người khi đất nước đang phải đối phó với chiến tranh" (Đức Hà, "Tấm Lòng Người Di Dân Gốc Việt", *Viet Mercury*, 11-4-2003).

Còn ở miền Đông Hoa Kỳ, "Một phái đoàn phụ nữ người Mỹ gốc Việt, dưới sự hướng dẫn của bà Nguyễn Thị Lễ, đã tháp tùng dân biểu Bob Hull, đại diện tiểu bang Virginia, đến viếng Quân Y Viện Walter Reed tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn để ủy lạo các thương binh trong trận chiến với Iraq... Phái đoàn trao tấm chi phiếu trị giá 8.010 USD, đồng thời phái đoàn cũng trao gần 80 tấm thiệp chúc mau lành bệnh mà các em nhi đồng, thế hệ sau của người Mỹ gốc Việt, đã thiết kế và gửi đến cho từng thương binh. ("Phái đoàn phụ nữ Việt Nam thăm viếng ủy lạo thương binh bệnh tại y viện Walter Reed", Lê Thùy Lan).

Những nghĩa cử cao quý và hồn nhiên như thế của đồng bào mình ở khắp nơi khiến tôi bù ngùi, cảm động. Tôi chợt nhiên cảm thấy xấu hổ vì lối suy nghĩ hẹp hòi của mình đối

với phần đất mới - nơi đã bao dung để cho tôi và cả triệu người Việt khác nữa có một cuộc sống an bình.

Bữa đó, sẵn có thịt quay bánh hỏi, tôi nhậu cho tới khi xỉn luôn. Và cũng bữa đó, tôi quyết định cởi bỏ cái mặc cảm "công dân part-time" nơi quê hương mới. Kể từ nay, như mọi người khác, tôi cũng sẽ coi lính Mỹ thuộc "phe mình" luôn - cho nó khỏe !

Chờ còn chờ gì nữa đây, Trời ? Tôi đã sống ở Hoa Kỳ nửa cuộc đời rồi, đã nhập tịch và tuyên thệ "sẵn sàng cầm súng bảo vệ tổ quốc khi cần" rồi. Hãy tưởng tượng ra một cô dâu, đã làm lễ cưới, đã tuyên bố "I Do" mà đêm tân hôn thì nằm quay mặt vào tường thút thích khóc và nhất định từ chối không chịu cởi... đồ. Dâu có ăn ở, cư xử kỳ cục như vậy hoài được, phải không ? Mà cái thứ di dân sồn sồn, thất cơ lỡ vận như tôi thì "danh giá" cái con mẹ (ruột) gì mà còn bày đặt làm cao (cho chúng ghét) chứ ?

Nói giã dĩa theo kiểu thường dân là như thế. Nói cách khác, văn nghệ văn gừng hơn chút đỉnh, tôi xin mượn thơ của T.T.Kh. để diễn tả tâm trạng "khắc khoải" của mình - như sau :

Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời.

Ái ân lạnh lẽo của chồng tôi.

Vã từng thu chết, từng thu chết.

Vẫn giữ trong tim một bóng người !

Hai mươi mấy thu qua, tôi đã giữ trong tim cả đồng (bóng) người chứ đâu phải một. Dĩ vãng của tôi nặng nề quá khiến tôi đâm ra rất lè mề khi xoay trở với hiện tại, và thấy ái ngại (hết sức) khi nhìn về tương lai - nếu cái tương lai này không có đồng bào và đất nước (Việt Nam) "của mình" trong đó ! Mà nghĩ cho cùng thì đó cũng chỉ là chuyện bày đặt "ôm rơm (cho) nặng bụng" thôi. Xót thương xuống như thế, cho dù có quay quắt chẳng nữa, để làm gì cơ chứ ? Cố hương ơi, thôi vĩnh biệt !

"Tình ngỡ đã quên đi nhưng tình bỗng lại về !" Và nó về rất là không đúng lúc.

"Sáng nay mở e-mail ra đọc, tôi nhận được từ một người không hề quen biết, không kèm theo một dòng chữ nào, bức hình một người đàn ông mà tôi cũng chưa gặp bao giờ. Hình chụp người đàn ông đang ngồi trên giường có trải chiếu, đằng sau là bức tường loang lổ, hoen ố những vết đen mốc. Ông có một bộ ria, tóc dày và đen, một mắt to, một mắt nhỏ mà tôi nghĩ là bị hư, chỉ còn một con. Ông không còn chân tay. Hai chân bị cụt trên đầu gối. Và hai tay cụt ở trên khuỷu tay, gần nách".

"Trong hình có ghi tên ông. Ông tên là Thìn, Nguyễn Văn Thìn. Năm sinh được ghi là 1952. Hàng chữ phía dưới cho biết ông là thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa. Đơn vị cuối của ông là Trung Đoàn 49, Sư Đoàn 25 Bộ Binh. Cấp bậc của ông là Trung Sĩ Nhất. Ông sinh năm 1952, tuổi Thìn nên tên cũng là Thìn. Ông không còn chân tay. Từ 30 năm nay, ông không có chân, cũng không có tay".

"Ông làm sao sống nổi qua bằng ấy năm không có hai chân mà cũng không có cả hai tay ? Tôi tưởng tượng, không khó khăn lắm, cũng vẫn thấy ra được những khó khăn của ông. Trong một chế độ thân thiện với ông, ông cũng đã vô cùng bất hạnh vì thiếu con mắt, thiếu hai tay, lại thiếu luôn

cả hai chân. Hướng chỉ trong một khung cảnh không thân thiện, nếu không muốn nói là thù nghịch, thì ông còn khổ biết là bao nhiêu nữa. Tôi không dám tưởng tượng thêm ra những chuyện khác trong đời sống hàng ngày của ông, nếu đó có thể gọi được là một đời sống".

Người viết những giòng chữ mà bạn vừa đọc là ký giả Bùi Bảo Trúc. Ông không biết tại sao bức hình như thế đã đến tay mình, còn tôi, tôi không hiểu tại sao bức thư của ông viết ngày 24 tháng Giêng năm 2003 mà mãi đến bây giờ mới có người chuyển đến cho tôi.

Tôi không đọc hết bức "Thư Gửi Bạn Ta" lần này vì tôi không rời mắt được khỏi tấm hình của ông Thìn. Tôi cũng tuổi Thìn, Nhâm Thìn, và cũng là một kẻ chiến bại trong cuộc chiến vừa rồi - ở Việt Nam. Sao ông ấy mất hết cả tứ chi và đui luôn một mắt mà tôi lại còn được nguyên vẹn cả hình hài như thế ? Tự dưng sao tôi thấy chân tay của mình thừa thãi quá ? Lẽ ra, ít nhất, tôi cũng phải mất bớt một cánh tay để chia sẻ với anh Thìn - để anh ấy có thể "đánh răng rửa mặt buổi sáng, ôm mấy đứa con, xoa đầu chúng, cầm tay chúng, hay thậm chí gãi một chỗ ngứa" chứ.

Hơn một phần tư thế kỷ qua, có phái đoàn nào ghé thăm ông Thìn không ? Có tấm thiệp nào gửi đến số nhà 9/8 đường Bông Sao, ở phường 5, quận 8, Sài Gòn cho ông ấy không ? Có ai "đi từng cơ sở thương mại, từng tư gia để nhắc nhở trách nhiệm của mọi người" đối với những phế binh còn ở lại quê nhà - như người ta đã làm để đền ơn đáp nghĩa đối với những chiến binh ở Iraq - không ?

Trước tình cảnh thảm thiết của ông Thìn, mọi niềm đau và nỗi hận của những ông "chiến binh một đời lưu lạc" (không biết "còn lang thang xứ lạ đến bao giờ ?") có vẻ đều nhỏ bé và - xem chừng- hơi phù phiếm. Liệu trong những bài diễn văn sẽ được đọc nhân dịp Ngày Quân Lực 19 tháng 6 năm nay, ở rất nhiều thành phố trên thế giới, có dòng chữ nào nhắc đến những phế binh - như ông Nguyễn Văn Thìn - không nhỉ ?

Trung Sĩ I Nguyễn Văn Thìn, rõ ràng, là lính "bên mình" mà. Còn "lỡ" đơn vị cuối cùng của ông ấy không phải là Sư Đoàn 25 mà là Sư Đoàn Sao Vàng hay Sao Đỏ gì đó thì sao ? Trời, chờ bạn muốn làm sao ? Bạn nhìn kỹ ông Thìn lần nữa đi. Người phế binh đui mắt, mất hết cả hai chân lẫn hai tay như thế làm sao có thể móc túi lấy "thẻ căn cước quân nhân", "chứng chỉ tại ngũ" hay "giấy chứng minh nhân dân" để chứng minh là ông ta "thuộc diện" nào ? Đồng đội hay đồng chí ? Bên ta hay bên địch ? Trong khi chờ đợi "bên an ninh xác minh lý lịch của đối tượng", xin bạn (ráng) tạm thời coi ông ta (nếu không phải là một đồng bào) như một người đồng loại - được không ? Chuyện này, đối với những người đang cầm giữ quyền bính ở Việt Nam thì chắc chắn là "không" rồi. Không lẽ chúng ta cũng giống y trang như tụi nó ?

Tưởng Năng Tiến

(*) Tựa bài này mượn từ một soạn phẩm chung của Nguyễn Văn Huy và Phan Văn Hiến về cuộc sống của những thương binh ở Việt Nam.

Giữ gìn sức khỏe qua phép ăn uống

Thu Tâm

Mỗi năm, cứ đến hè, bạn bè thường hỏi tôi có cách nào làm giảm cân mau chóng ? Tôi chỉ biết ngao ngán lắc đầu. Sức khỏe của mỗi người tùy thuộc vào những sinh hoạt thường ngày kết tinh lại. Hành động nào hậu quả đó. Tôi có thể hướng dẫn cách thức để làm giảm cân nhưng mau chóng thì không. Ăn nhiều thì sẽ lên cân, ăn ít thì cơ thể gầy mòn. Cái gì cũng đòi hỏi thời gian và kiên nhẫn.

Tôi hiểu mong ước của các bạn đó là có một thân hình đẹp để tắm biển hay đi dạo phố trong dịp hè. Nhưng phần lớn chúng ta quên rằng cơ thể của mỗi người là sự tích tụ chất dinh dưỡng từ thức ăn mang lại trong một quãng thời gian dài, không thể một sớm một chiều thay đổi nó được.

Tôi nói không thể một sớm một chiều thay đổi được nhưng nếu chịu khó thì vẫn làm được như thường. Thật ra chẳng ai có bí quyết gì đặc biệt để hướng dẫn người khác có một thân hình thon, gọn và khỏe mạnh. Tất cả tùy thuộc vào thực phẩm tiêu dùng hàng ngày và cách thức ăn uống của mỗi người. Sau đây là một số điều cần nhớ.

Muốn có một cơ thể khỏe mạnh, trước hết phải tôn trọng ba khái niệm cơ bản về thực phẩm :

1. Đọc kỹ bản cấu tạo thực phẩm ghi trên mỗi sản phẩm và tỷ lệ nhiệt năng mang lại, nghĩa là phải biết tên và hiểu rõ công dụng của từng loại dinh dưỡng : chất đạm hay dẫn bạch tinh (protein) ; chất béo (lipid) ; chất đường (glucid) ; xơ thực vật (fiber) ; chất khoáng (mineral), chất bổ hay sinh tố (vitamin). Khi nắm vững nội dung của từng loại dinh dưỡng này, chúng ta sẽ dễ nhận diện công dụng của từng loại thức ăn đối với cơ thể.

2. Thay đổi thường xuyên các loại thức ăn hàng ngày để cân bằng tỷ lệ lượng nhiệt năng (calorie) hấp thụ. Thay đổi thức ăn là đem lại cho cơ thể những chất dinh dưỡng cần thiết như chất đạm, chất béo, đường, nước và xơ thực vật, các loại chất khoáng và chất bổ. Cân bằng lượng nhiệt năng là phân chia các loại thực phẩm một cách cân xứng theo tỷ lệ trung bình trong một bữa ăn : 15% chất đạm, 55% chất đường, 30% chất béo.

3. Thường xuyên cử động cơ thể và hoạt động thể dục, thể thao. Uống thật nhiều nước lã (tránh uống nước có đường) để điều hòa sự lưu chuyển của máu trong các bắp thịt và tránh các bệnh thấp khớp và đau nhức xương.

Nên biết nhu cầu nhiệt năng trung bình của một người khỏe mạnh đang ở tuổi lao động trong ngày như sau : đàn bà : 2.000 Kcal ; đàn ông : 2.700 Kcal.

Do đó, muốn tính phải mang vào cơ thể bao nhiêu nhiệt năng cần thiết, tức phải ăn các loại thức ăn nào, để có thể làm việc trong ngày, tưởng sẽ không vô ích nếu có một chút hiểu biết về từng loại chất dinh dưỡng : 1 g chất đạm đem lại 4 Kcal ; 1 g chất đường = 4 Kcal ; 1 g chất béo = 9 Kcal ; 1 g chất men (alcohol) = 7 Kcal. Nắm vững yếu tố này, cộng thêm cách biết xem bản cấu tạo thực phẩm ghi trên mỗi sản phẩm và tỷ lệ nhiệt năng mang lại, việc giữ gìn sức khỏe coi như đã hoàn tất một nửa.

Sau đây là phần tìm hiểu các chất dinh dưỡng có sẵn trong mỗi thức ăn hàng ngày :

- Chất đạm có sẵn trong sữa, các phó phẩm của sữa (cheese, yoghurt...), thịt động vật, các loại trứng, các loại cá và thủy sản, và trong một số ngũ cốc (các loại đậu).

- Chất đường, còn gọi là đường chậm, có sẵn trong tinh bột các loại mễ cốc (lúa mì, gạo, bắp, đậu...), và các loại đồ ngọt (kẹo, bánh, kem, mật, nước giải khát).

- Chất béo gồm hai loại : chất béo động vật (bơ, mỡ) và chất béo thực vật (dầu bắp, hướng dương, đậu phộng, ô liu...). Chất béo thực vật mang lại hương vị trong thức ăn nhưng không hữu ích lắm cho cơ thể vì chứa nhiều triglycerides, dễ gây bệnh nghẽn mạch máu, do đó nên tránh tối đa. Chất béo thực vật dễ tiêu hóa hơn, nhưng cũng không nên lạm dụng vì có thể gây mập phì.

- Chất khoáng và chất bổ có trong tất cả các loại rau và trái cây sống, chín hoặc khô.

Về chất béo động vật, trừ các lớp mỡ thấy được (dưới da, quanh các bắp thịt và ruột non), tỷ lệ chất béo đo được như sau : bơ : 60% ; các loại thịt ngỗng : 40% ; heo và trừu non : 25% ; bò và trừu : 20% ; bê : 10% ; gà, vịt : 7%.

Bù lại, các loại chất béo chứa trong cá rất hữu ích cho cơ thể con người vì có thể giúp ngăn ngừa các bệnh về tim mạch và thần kinh. Ăn cá dễ tiêu hóa hơn thịt vì có rất ít chất béo. Một người có sức khỏe trung bình có thể thay thế các loại thịt dùng hàng ngày bằng các loại cá và một số phó phẩm của sữa.

Cá là loại động vật sinh sống dưới nước, do đó rất giàu chất đạm và chất bổ, tinh khiết cho sự tiêu dùng. Một con cá béo vẫn ít béo hơn một miếng thịt nạc (ít mỡ). Nhưng phải coi chừng, thịt các loại cá lớn (cá voi, cá mập, cá thu, cá ngừ, cá đuối...) thường chứa các loại chất độc có hại cho cơ thể con người. Lý do là các loài cá nhỏ và vi sinh vật (plancton) ăn các loại rong rêu và khoáng chất dưới sâu mặt nước, nơi các loài rong rêu này bị nhiễm độc từ rác gia dụng và công nghiệp thải ra sông biển, do đó thịt các loại cá nhỏ và vi sinh vật quanh vùng bờ biển cũng không nhiều thì ít nhiễm độc theo. Cá lớn ăn cá nhỏ, đó là qui luật tự nhiên nhưng vì ăn quá nhiều cá nhỏ và vi sinh vật, thịt của chúng nhiễm độc nhiều hơn. Tuy vậy ăn cá vẫn ít nguy hại hơn ăn thịt vì động vật nuôi dưỡng thường ăn những thức ăn chứa nhiều chất độc như dioxin và các mầm dịch bệnh. Và chỉ nên ăn các loại cá nhỏ vì cơ thể của chúng nhiễm độc ít hơn.

Về các loại hải sản có vỏ (cua, sò, ốc, hến và tôm), nên ăn khi chúng đang còn tươi, nghĩa là được bắt vào những tháng mát lạnh : 1, 2, 3, 4, 9, 10, 11 và 12. Các tháng 5, 6, 7 và 8 là những tháng nóng, thịt của chúng không được tươi vì được ướp trong đá bào. Thông thường thì các loài có vỏ đã được luộc chín và lưu trữ vào nơi mát lạnh để kéo dài thời gian bày bán : khi mua xong thì phải ăn liền, không nên để dành ngày này qua ngày khác. Tại các xứ nhiệt đới,

chỉ nên ăn các loài cá và các loài có vỏ trong tình trạng còn tươi, hoặc đã được đông lạnh cấp kỳ tại nơi đánh bắt.

Về các loại trứng, không nên ăn quá 4 trứng đỏ một tuần. Đối với những người có nhiều chất béo trong máu (cholesterol) không nên dùng quá 2 trứng đỏ trứng một tuần. Lưu ý : trứng trắng trứng không có cholesterol và mỡ.

Cách ăn uống lý tưởng được phân bố như sau : buổi sáng uống một phần tư lít sữa (1/4) và các loại bánh b tinh bột, buổi trưa ăn thêm 150 g thịt hoặc cá kèm với rau, có thể ăn thêm một cái trứng, buổi tối chỉ nên ăn rau, cơ thể của chúng ta có đầy đủ các chất dinh dưỡng trong ngày, đặc biệt là chất đạm và sắt. Chất sắt giúp chuyên chở dưỡng khí từ trong máu vào óc và bắp thịt để làm việc.

Tại các nước phát triển, lượng nhiệt năng chứa trong thực phẩm bày bán trên các thị trường quá dư thừa cho cơ thể, nếu tiêu dùng không cẩn thận dễ gây mập phì (obesity). Tại Việt Nam, hiện tượng mập phì cũng đang xuất hiện trong một số các gia đình giàu có mới, đặc biệt là trong giới thiếu niên. Có lẽ vì đời sống của cha mẹ trước kia quá khổ cực nên cho con cái uống quá đà, nhất là bánh kẹo, thịt xay (hamburger), thịt nguội và các loại nước ngọt. Hơn nữa, trong các xã hội châu Á, mập là biểu hiện của sự thành công. Ngược lại, trong các xã hội phương Tây, mập phì là một gánh nặng không những cho đương sự mà còn cho cả xã hội vì chi phí chữa trị những người mắc bệnh mập phì rất nặng. Người mập phì thường mắc những chứng bệnh sau đây : bệnh tiểu đường (diabete), huyết áp cao, nghẽn mạch máu, biến chứng mạch máu não và tất cả cấp kỳ. Nguyên do gây ra chứng bệnh này là nguồn mỡ từ thức ăn không kịp bài tiết ra ngoài đã tích tụ và đọng lại trong cơ thể, nhiều nhất quanh vùng bụng, hông và chân tay.

Muốn biết có bị mập phì hay không, có thể dựa vào cách tính của **Chỉ số sức nặng cơ thể** (IMC-Indice masse corporelle hay BMI-Body Mass Index) sau đây để biết :

$$\text{IMC / BMI} = \frac{\text{Trọng lượng (kg / pounds)}}{\text{Chiều cao * chiều cao (cm / inches)}}$$

Sau khi tính xong, ai có chỉ số :

- dưới 18 : quá ốm (thiếu / suy dinh dưỡng, cố gắng ăn uống đầy đủ và dùng những thức ăn có nhiều chất bổ) ;

- từ 18,1 đến 24,9 : trọng lượng lý tưởng, hợp lý (nên duy trì, cố gắng tập thể dục thể thao đều đặn) ;

- từ 25 đến 29,9 : hơi mập và mập (hạn chế các loại thức ăn có nhiều chất béo và chất ngọt), nên cẩn thận vì trong giai đoạn này nhiều chứng bệnh nan y bắt đầu xuất hiện : tiểu đường, huyết áp cao, nghẽn mạch máu... ;

- từ 30 trở lên : phì.

Có ba loại phì :

- phì cấp 1 : từ 30 đến 34,9 (hạn chế tức khắc các loại thức ăn có nhiều tinh bột, chất béo và chất ngọt, thường xuyên tập thể dục, thể thao, uống thật nhiều nước lã) ;

- phì cấp 2 : từ 35 đến 39,9 (đi đứng khó khăn, phải tìm ngay đến một y sĩ hay nhà dinh dưỡng để chữa trị, càng sớm càng tốt ; sự giảm cân sẽ rất chậm chạp cho dù có áp dụng chế độ ăn uống nào) ;

- phì cấp 3 : từ 40 trở lên (rất nguy ngập, có thể chết bất cứ lúc nào vì các chứng bệnh về tim, nên vào bệnh viện

để được chữa trị).

Để tránh mập và phì, mỗi chúng ta nên chọn riêng cho mình một chế độ ăn uống thích hợp để giữ gìn sức khỏe. Sau đây là một số căn dặn nên theo.

Về các loại thực phẩm :

- nên ăn thật nhiều trái cây tươi và khô : từ 2 đến 3 quả mỗi ngày, và nên thay đổi theo mùa ;

- nên ăn nhiều rau cải tươi trong mỗi bữa ăn (nhiều nhất vào bữa cơm chiều) ;

- dùng vừa đủ các loại tinh bột : ngũ cốc, bánh mì, cơm và các loại đậu khô (thời gian : hai lần/tuần) ;

- nên ăn cá 3 lần một tuần, cá càng tươi càng tốt, ăn được cá sống thì sự tinh khiết của thực phẩm càng cao ;

- thịt (gà, vịt) không nên ăn quá một lần/ngày và chỉ nên ăn các loại thịt cá vào buổi trưa ;

- uống sữa ít kem (demi-écrémé/less creamed) : 1/4 lít/ngày và ăn các loại phó sản của sữa (yoghourt) : 2 lần/ngày (trưa và chiều) ;

- rượu chát : tối đa 2 ly ngày (ai mắc bệnh gan không được uống rượu) ; nên tránh các loại rượu mạnh ;

- có thể dùng một chút dầu thực vật (ô liu, cải dầu, hạt nho...) để trộn rau hay chiên cá, thịt ;

- ăn càng nhiều tỏi, hành, rau thơm càng tốt.

Nên ăn các loại thức ăn được sản xuất một cách tự nhiên (bio) và tránh nêm thêm mắm muối hoặc đường khi nấu nướng. Xin lưu ý : thịt cá, rau quả đóng hộp chứa rất nhiều chất bảo và khoáng chất không cần thiết cho cơ thể.

Cách nấu nướng cũng phải thay đổi :

- nên sử dụng loại chảo không dính đáy, tránh tối đa việc sử dụng các loại chất béo (bơ, dầu, mỡ) để chiên xào. Các loại bơ và mỡ nung đến 100 độ C có thể gây độc và làm chậm tiêu hóa.

- nên ăn đồ hấp hơi, nướng vỉ, đúc lò (vì ít mỡ).

Các bữa ăn cũng nên phân chia lại cho đồng đều. Cố gắng áp dụng : "ăn sáng như vua, ăn trưa như hoàng tử, ăn tối như kẻ bần hàn". Nghĩa là phải ăn thật nhiều và đầy đủ vào buổi sáng để có sức làm việc trong ngày ; buổi trưa chỉ ăn uống vừa đủ để có sức làm tiếp ; buổi chiều thì nên ăn thật ít, hoặc nhẹ (chỉ nên ăn rau, súp, uống sữa) để cho dễ tiêu và dễ ngủ.

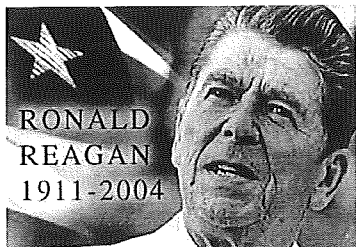
Tuyệt đối tránh ăn các loại tinh bột (cơm, mì, bún, đậu) và thịt cá vào bữa cơm chiều. Rất khó vì người Việt Nam thường có khuynh hướng ngược lại : ăn sáng rất qua loa, ăn trưa tương đối, tất cả đều dành cho bữa cơm chiều. Điều này tối kỵ trong phép giữ gìn sức khỏe, và cũng chính vì thế cơ thể người Việt Nam trong nước yếu hơn người phương Tây. Tuy vậy, không phải cơ thể người phương Tây nào cũng khỏe mạnh, bệnh mập phì hiện nay là nỗi lo của các chính quyền dân chủ phương Tây. Những người mắc bệnh mập phì là nạn nhân của các hãng sản xuất thực phẩm ngày càng rẻ, càng ngon và càng hấp dẫn hơn.

Tóm lại, giữ gìn sức khỏe là vấn đề ý chí, muốn hay không muốn mà thôi. Muốn giảm cân cũng vậy, không khó, chỉ cần tôn trọng liều lượng thức phẩm và thức ăn tiêu dùng mỗi ngày là có thể có cơ thể đẹp và khỏe mạnh.

Thu Tâm (Paris)

RONALD REAGAN đi vào lịch sử

Đối với người Mỹ đám tang cựu tổng thống Ronald Reagan đã là biến cố quan trọng nhất trong tháng 6-2004, hơn cả hội nghị G8 và việc chuyển giao quyền hành cho chính quyền tại Iraq. Ronald Reagan chắc chắn là vị tổng thống Hoa Kỳ được quý trọng nhất từ sau thế chiến II.



Linh cữu ông đã được di chuyển qua nhiều tiểu bang để người Mỹ có thể chào ông lần cuối, rồi được đưa về thủ đô Washington để làm quốc táng và chôn cất tại Simi Valley. Tên ông đã được

đặt cho một phi trường, một xa lộ, một hàng không mẫu hạm, rất nhiều bệnh viện, trường học, cao ốc, kể cả một ngọn núi tại New Hampshire. Hiện còn có dự án in chân dung ông trên một tờ bạc giấy. Người Mỹ coi Ronald Reagan như là biểu tượng của đoàn kết quốc gia.

Thật đáng ngạc nhiên, vì Reagan không phải là chính khách tìm cách lấy lòng dân bằng mọi giá. Trong gần hết cuộc đời hoạt động của ông, Reagan bị đánh giá như một người cực hữu, và bị giới trí thức khuynh tả đánh giá thấp, nhiều người vẫn chưa thể hòa giải với hình ảnh điều hậu của ông. Reagan đắc cử tổng thống năm 1980 với một chương trình cứng rắn : giảm bớt an sinh xã hội để chế tạo vũ khí. Ông đắc cử vẻ vang vì đã thuyết phục được cử tri Mỹ rằng uy tín và sức mạnh của Hoa Kỳ cũng như hòa bình thế giới đang bị đe dọa vì chính sách nhu nhược của tổng thống Jimmy Carter. Ông tỏ rõ có tài hùng biện và khả năng thu hút đặc biệt, được dư luận tặng danh hiệu *the great communicator* (nhà truyền thông vĩ đại).

Trái với hình ảnh của dư luận thế giới, nhất là dư luận châu Âu, Reagan không phải là một tài tử điện ảnh hạng hai may mắn được lên làm tổng thống nhờ số đỏ và nhờ sinh hoạt "không giống ai" của chính trường Mỹ. Ông là một người có văn hóa cao và một chính trị gia chuyên nghiệp, nhưng đặc điểm nổi bật nhất của ông là niềm tin vững chắc vào một số giá trị giản dị và đúng đắn, ngay cả trong những hoàn cảnh khó khăn nhất. Gia nhập đảng Cộng Hòa ngay từ khi còn là sinh viên, ông đã bắt đầu hoạt động chính trị ngay tại học đường, làm chủ tịch hội sinh viên Eureka College. Sự nghiệp diễn viên màn ảnh của ông cũng do hoạt động chính trị mà có : đảng ông muốn ông kiểm soát nghiệp đoàn tài tử Hollywood, một nghiệp đoàn có rất nhiều phương tiện, nhiều ảnh hưởng và do cánh tả kiểm soát. Reagan đã đóng vai phụ trong hàng trăm cuốn phim để có tư cách là một tài tử chuyên nghiệp và tranh cử chủ tịch nghiệp đoàn. Ông đã thành công trong mọi mục tiêu.

Lên làm tổng thống năm 1980 vào giữa lúc nước Mỹ đang sa sút và khủng hoảng, Reagan đã quả quyết thách

THỜI SỰ

QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM

thức Nga trong cuộc chạy đua vũ trang và đã đưa chế độ cộng sản Nga đến chỗ kiệt quệ và sụp đổ. Trước một tình trạng kinh tế khủng hoảng, Reagan đã quả quyết thi hành chính sách kinh tế thị trường tự do và đã

khiến nước Mỹ phục hồi nhanh chóng. Khi ông rời chính quyền năm 1989, phong trào cộng sản thế giới coi như sụp đổ, kinh tế Mỹ phát triển ở mức độ chưa từng thấy.

Nhưng có lẽ điều làm cho dân Mỹ ưa chuộng ông là sự lương thiện. Ông luôn luôn làm những điều mình nói và nói những điều đúng dù có thể là quá táo bạo. Và có lẽ cũng không ai yêu nước hơn ông, cũng không có ai sử dụng tiếng Mỹ, viết và nói, tài tình như ông.

Cuối đời, Reagan bị bệnh mất trí nhớ (Alzheimer). Ông lẫn lộn tên các bộ trưởng trước khi rời tòa Bạch Ốc và sau đó quên tất cả, chỉ còn nhớ tên người vợ thủy chung và khá ái của ông : bà Nancy. Reagan hưởng thọ 93 tuổi.

BẮT ĐẦU TRUY TỐ Saddam Hussein

Ngay sau khi được chuyển giao cho chính quyền Iraq mới, Saddam Hussein đã bị đưa ra thẩm vấn ngày 2-7-2004 để chuẩn bị cho phiên tòa sắp tới.

Luật pháp có mục đích chính là bảo vệ kẻ yếu. Có lẽ đây là điều mà ông ta vừa khám phá ra, mặc dầu đã từng học luật. Khi còn làm bá chủ Iraq, Saddam Hussein chẳng coi luật pháp ra gì, giết người một cách rất tùy tiện, nhưng đến lượt mình phải ra tòa Saddam Hussein đã sử dụng tối đa luật pháp để tự bảo vệ.

Cuộc thẩm vấn Saddam Hussein đầu tiên kéo dài 25 phút. Phần đầu của cuộc thẩm vấn đã được chiếu trên đài truyền hình. Saddam Hussein ra tòa cùng với 11 nhân vật chính trong chính quyền do ông cầm đầu. Đây mới chỉ là một cuộc thẩm vấn, của một dự thẩm, chưa phải là phiên tòa xét xử.

Saddam Hussein coi bộ khỏe mạnh, râu tóc chững chạc và linh hoạt trong cuộc tranh luận với dự thẩm. Các bị cáo khác tỏ ra ngoan ngoãn và khuất phục. Saddam Hussein đã mở đầu bằng cách khẳng định ông ta vẫn là tổng thống Iraq và chất vấn tư cách của dự thẩm. Saddam Hussein chỉ nhìn nhận tư cách của dự thẩm sau khi ông này cho biết ông ta đã được bổ nhiệm bởi chính chế độ Saddam Hussein trước đây, nhưng yêu cầu ông dự thẩm đừng nhắc tới lực lượng đồng minh Hoa Kỳ mà ông coi là quân xâm lược.

Điểm đáng nói là Saddam Hussein chấp nhận để bị xét xử. Có lẽ ông ta cũng không có chọn lựa nào khác. Ông ta yêu cầu được có luật sư bào chữa và được hội ý với luật sư, một quyền mà viên dự thẩm nhìn nhận là đúng. Như vậy là phiên tòa sẽ diễn ra một cách bình thường, với sự tham dự tích cực của Saddam Hussein trong vài tháng tới.

Saddam Hussein bị buộc bảy tội danh, trong đó quan trọng nhất là tội ác đối với loài người vì đã tàn sát hàng ngàn thường dân vô tội, kể cả bằng vũ khí hóa học. Án tử hình đã được tái lập tại Iraq ba ngày trước khi bắt đầu vụ

xử này, phải chăng là để dùng cho Saddam Hussein.

Tại quê hương của Saddam Hussein, vùng Tikrit, hàng trăm người đã biểu tình bênh vực ông ta, nhưng tại nhiều nơi khác các đoàn biểu tình đòi hành quyết ngay Saddam Hussein mà không cần xét xử. Cho đến nay Iraq có điểm đặc biệt là các tổng thống đều rất hung bạo và cuối cùng đều bị giết một cách hung bạo không kém. Nếu Saddam Hussein không thoát chết thì ít ra ông ta đã là vị tổng thống đầu tiên được xét xử một cách công khai sau khi bị lật đổ.

INDONESIA

sắp có một tổng thống mới ?

Cử tri Indonesia đã đi bầu tổng thống ngày 5-7-2004. Cuộc kiểm phiếu sẽ cần khoảng hai tuần lễ nhưng đa số các quan sát viên đã đồng ý là đương kim tổng thống, bà Megawati Sukarnoputri, con gái cố tổng thống Sukarno đã thất bại và Indonesia sắp có một tổng thống mới, tướng về hưu Susilo Bambang Yudhoyono.

Nhưng kết quả đầu tiên cho phép dự đoán là ông Yudhoyono sẽ được khoảng 34%, bà Sukarnoputri 25%, cựu tướng Wiranto 24%, chủ tịch quốc hội Amien Rais 14%. Như vậy chắc chắn sẽ phải có một vòng bầu cử chung kết giữa hai ứng cử viên dẫn đầu ngày 20-9 sắp tới. Tỷ lệ khít khao giữa bà Sukarnoputri và tướng Wiranto chưa cho phép quả quyết ai sẽ là đối thủ của tướng Yudhoyono trong vòng hai. Tuy nhiên thắng lợi của Yudhoyono có thể coi như chắc chắn vì nếu gặp tướng Wiranto ông sẽ đắc cử dễ dàng, Wiranto hiện đang bị truy tố về tội ác đối với nhân loại trên đảo Timor. Nếu gặp bà Sukarnoputri, ông cũng sẽ được những đả bỏ phiếu cho Wiranto ủng hộ.

Dấu sao, hoàn cảnh bà Sukarnoputri chưa coi là tuyệt vọng. Nếu qua được vòng đầu, bà sẽ được phiếu của cử tri ông Rais và những người không muốn thấy một quân nhân làm tổng thống. Một yếu tố khiến người ta khó có thể loại trừ dứt khoát khả năng lật ngược thế cờ của bà Sukarnoputri là bà đã tiến rất nhanh trong một tuần lễ trước cuộc bầu cử. Trước đó, các cuộc thăm dò dư luận cho thấy tướng Yudhoyono thắng cử ngay vòng đầu trong khi bà Sukarnoputri chỉ được 11%.

Yudhoyono năm nay 54 tuổi, là bộ trưởng an ninh của bà Sukarnoputri và đã từ chức hồi tháng 3 vừa qua để ra tranh cử tổng thống.

BẮC TRIỀU TIÊN

Đàm phán giải trừ vũ khí hạt nhân bé tấc

Trong cuộc đàm phán sáu bên (Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Nam Hàn và Bắc Triều Tiên), tổ chức tại Bắc Kinh ngày 23-6-2004, Hoa Kỳ đã đưa cho Bắc Hàn một đề nghị chi tiết để giải trừ vũ khí hạt nhân trong vòng ba tháng. Đây là đề nghị đầu tiên kể từ khi ông George W. Bush nhậm chức tổng thống, theo đó Hoa Kỳ hứa sẽ "tạm thời" không tấn công Bắc Hàn bằng quân sự và sẽ cùng với Nhật Bản và Nam Hàn viện trợ tức thời dầu thô và thực

phẩm. Tự ái bị va chạm, Bắc Hàn cũng đưa ra kế hoạch riêng, rồi hăm dọa sẽ tái thử nghiệm vũ khí hạt nhân nếu không được chấp thuận. Bé tấc. Cuộc đàm phán không mang lại một kết quả cụ thể nào.

Không ai còn lạ gì trước thái độ làm cao này của phía Bắc Hàn. Nhưng trước thái độ quả quyết của Hoa Kỳ và các quốc gia hiện diện trong cuộc đàm phán, bộ ngoại giao Bắc Hàn đồng ý sẽ họp lại sáu bên vào tháng 9 tới.

Trên thực tế Hoa Kỳ không lo ngại việc Bắc Triều Tiên dùng những loại vũ khí hạt nhân thô thiển của họ tấn công Hoa Kỳ, Nam Hàn hay Nhật Bản ; những quốc gia phát triển này thừa sức tiêu diệt các đầu đạn nguyên tử từ trên không trước khi rớt xuống lãnh thổ của họ. Điều làm các quốc gia phương Tây lo sợ là kỹ thuật chế biến vũ khí hạt nhân của nước này có thể lọt vào tay các nhóm khủng bố quốc tế, nhất là các nhóm Hồi giáo quá khích.

Trong cuộc đàm phán lần này Hoa Kỳ đã tỏ ra ôn hòa hơn trước, không buộc Bắc Hàn phải đơn phương ngưng sản xuất và thử nghiệm các loại vũ khí hạt nhân, mà đưa ra một thời hạn ba tháng để Bắc Hàn có thời giờ tiêu hủy các loại vũ khí giết người hàng loạt này.

Cũng nên biết đề nghị giải giới vũ khí nguyên tử của Bắc Triều tiên được tung ra trước thời điểm bầu cử tổng thống Mỹ vào tháng 11 sắp tới cho thấy chính quyền Bush muốn giải quyết căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên bằng ngoại giao. Bắc Hàn biết rõ điều này nên vẫn thông thả thâu tóm những phe liên hệ, chờ xem ai sẽ là vị tổng thống Mỹ trong nhiệm kỳ tới để có thái độ dứt khoát.

VIỆT NAM

sẽ không là thành viên WTO năm 2005

"Việt Nam còn phải đợi cho đến khi cải tiến hệ thống luật pháp". Đó là kết luận của ủy ban cứu xét đơn xin gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO). Ngoài ra, ủy ban này nhân định rằng Việt Nam đã có tiến bộ về mặt hàng hóa nhưng còn yếu kém về mặt dịch vụ.

Một trong những lý do quan trọng khiến Việt Nam cần được chấp nhận là thành viên WTO là hạn số (quota) về xuất khẩu đồ may mặc của Việt Nam đáo hạn vào cuối năm 2004 và không chắc chắn được duy trì nếu chưa phải là thành viên WTO. Kỹ nghệ dệt và may mặc đem lại cho Việt Nam gần 4 tỷ USD mỗi năm và là nguồn lợi xuất khẩu thứ hai của Việt Nam.

Để xin gia nhập WTO, Việt Nam hứa sẽ giảm mức quan thuế xuống còn 18%, nhẹ hơn nhiều nước trong vùng. Mặc dù WTO đã chỉ viện dẫn các lý do kỹ thuật, nhiều quan sát viên tin rằng vấn đề nhân quyền đã có ảnh hưởng lên quyết định chưa cho Việt Nam gia nhập WTO.

LINH MỤC NGUYỄN VĂN LY được tặng giải nhân quyền Shalom

Ngày 26-6-2004, tại trường đại học Thiên Chúa Giáo Eichstaett-Ingoldstadt (Đức), 120 quan khách Đức và Việt

đã tham dự buổi lễ trao giải thưởng nhân quyền Shalom cho linh mục Nguyễn Văn Lý. Giải thưởng này do các nhà hảo tâm Đức tài trợ và Hiệp Hội Nhân Quyền Quốc Tế (IGFM) quản lý.

Sau nhiều diễn văn bày tỏ sự ủng hộ với linh mục Lý, buổi lễ đã kết thúc bằng một lễ cầu nguyện cho linh mục Lý. Ông Vũ Quốc Dũng, trưởng ban châu Á của IGFM đã thay mặt linh mục Lý cảm tạ quan khách trong buổi lễ này.

Linh mục Nguyễn Văn Lý cai quản một giáo xứ rất nhỏ, giáo xứ Nguyệt Biểu tại Quảng Trị. Ông bị bắt tháng 5-2001 vì phản đối quyết liệt việc chính quyền địa phương trưng dụng một mảnh đất nhỏ của giáo xứ. Cuộc tranh chấp gay go dần dần biến thành tranh đấu cho tự do tôn giáo đưa đến việc ông Nguyễn Văn Lý bị quản chế, rồi bị bắt và bị xử 15 năm tù, mặc dù Giáo Hội Công Giáo Việt Nam đã tỏ ra nhân nhượng bằng cách chuyển linh mục Lý sang giáo xứ An Truyền (Thừa Thiên).

Vụ án linh mục Lý đã gây phần nộ lớn trong dư luận thế giới, đặc biệt là là trong tập thể người Thiên Chúa Giáo, nhất là sau khi nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam leo thang bắt giam và giải tòa ba người cháu của linh mục Lý về tội gián điệp. Sức ép của dư luận đã buộc chính quyền cộng sản phải cải tội danh và giảm án cho ba người vô tội này. Họ đều đã được trả tự do. Linh mục Lý cũng đã được giảm án hai lần xuống còn 10 năm tù, rồi 5 năm. Vì ông đã bị giam giữ từ tháng 5-2001 nên có nhiều triển vọng ông sẽ được trả tự do trước cuối năm 2004.

Một việc làm thô bỉ của chính quyền cộng sản là đã ép linh mục Nguyễn Văn Lý phải viết thư gửi Hội Đồng Giám Mục Công Giáo Việt Nam ca tụng chế độ cộng sản và kêu gọi Giáo Hội ủng hộ chế độ. Những người biết linh mục Lý đều tin ông có thừa can đảm cá nhân nhưng đã phải nhượng bộ vì an ninh của thân nhân. Lá thư thô bỉ này không có một giá trị nào vì chính linh mục Lý đã tiên đoán trước là sẽ bị ép buộc viết một tài liệu như vậy, trước khi bị bắt ông đã công bố một thư xác định rằng mọi tài liệu ông sẽ viết trong nhà tù đều do ép buộc và hoàn toàn không phản ánh lập trường của ông.

LẤY CHỒNG ĐÀI LOAN rồi bị bán cho ổ mại dâm

Ngày 23-6-2004, cảnh sát Đài Loan chặn bắt hai thanh niên Đài Loan, tên Hà Kiên Huân và Tiêu Chí Hào, giữa lúc họ đang chở một cô gái Việt Nam đem bán cho một ổ mại dâm. Cô này bị bịt miệng và trói cửa chân tay. Cô Vũ thị T.T. lấy chồng người Đài Loan và theo chồng về nước.

Mai mối cho phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan đã một thời là một dịch vụ rất ăn khách. Phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan đều là những phụ nữ nghèo tại nông thôn, chấp nhận lấy chồng Đài Loan để thu đc một số tiền giúp gia đình. Trị giá trung bình một phụ nữ gả cho người Đài Loan là 5.000 USD, sau khi trừ những chi phí cho các công ty trung gian, gia đình cô gái được hưởng khoảng 2.000 USD. Nhưng từ năm 2002 trở lại đây, vì số phụ nữ muốn

lấy chồng Đài Loan ngày càng đông, giá các cô dâu bị giảm xuống nhiều. Gia đình các cô chỉ còn nhận được từ 100 đến 500 USD. Chồng Đài Loan thường là những người già, tật nguyền hay nghèo khó, có người bị trì trệ về trí tuệ không thể lấy vợ Đài Loan.

Dư luận dần dần ý thức được sự dã man này nên nhà cầm quyền Việt Nam đã có những biện pháp ngăn chặn, tuy nhiên dịch vụ này vẫn còn tiếp tục, dù đã giảm bớt.

Ngoài ra còn có dịch vụ bán phụ nữ Việt Nam qua Trung Quốc, có khi bằng bắt cóc. Các phụ nữ bị bán sang Trung Quốc khổ hơn là bị bán qua Đài Loan. Trong nhiều trường hợp, các cô đã phải làm vợ chung cho nhiều anh em, có khi cả cha chồng. Trung Quốc rất thiếu phụ nữ do chính sách "mỗi gia đình chỉ có một con" và hủ tục trọng nam khinh nữ đưa đến thảm kịch nhiều hài nhi nữ bị phá thai hoặc sát hại ngay sau khi được sinh ra để "giữ chỗ" cho con trai.

FESTIVAL HUẾ 2004 văng bóng xã hội dân sự

Festival Huế 2004 khai mạc ngày 12 tháng 6 và bế mạc ngày 20 tháng 6. Toàn bộ chương trình đã diễn ra suốt chín ngày đêm trong nội thành Huế và trên sông Hương. Liên hoan này đã được sự góp mặt của 25 đoàn nghệ thuật trong nước và hơn một ngàn nghệ sĩ của 15 đoàn nghệ thuật nước ngoài, tổng cộng có 127 chương trình chuyên nghiệp và 37 chương trình lễ hội dân gian đã được biểu diễn, thu hút 1,2 triệu lượt người đến tham quan.

Theo lời ban tổ chức, mà người đứng đầu là phó chủ tịch tỉnh Thừa Thiên Huế, Festival Huế 2004 đã thật sự khởi động từ gần một năm qua và lãnh đạo tỉnh đã làm việc với nhiều bộ ngành trung ương cũng như các đối tác nước ngoài để chuẩn bị cho lễ hội.

Vinh danh văn hóa nước mình là điều nên làm, nhưng trong các xã hội dân chủ những buổi liên hoan văn hóa như Festival Huế đều do các tổ chức dân sự tổ chức chứ không phải chính quyền. Tại Việt Nam thì ngược lại, chính quyền cộng sản bao thầu từ A đến Z, nghĩa là từ các khâu tổ chức đến tập dượt và bán vé. Các chức vụ điều hành Festival đều do các quan chức nhà nước nắm giữ, mục đích là để bảo đảm nội dung cuộc liên hoan diễn ra theo đúng đường lối của đảng và nhà nước, đồng thời cũng để kiểm soát nguồn doanh thu.

Chính vì do chính quyền tổ chức nên dịch vụ du lịch của địa phương chưa được khai thác đúng mức để thúc đẩy phát triển kinh tế và nâng cao mức sống người dân. Trong tương lai, tất cả mọi sinh hoạt văn hóa dù lớn hay nhỏ phải do những tổ chức xã hội dân sự đảm nhiệm. Càng ít chính quyền chừng nào càng mang lại lợi ích cho người dân chừng đó. Chính quyền nên trở về với vai trò chính của mình là giữ gìn trật tự bảo đảm an ninh và thu thuế.

Nhắc lại, Festival Huế được tổ chức lần thứ nhất năm 2000, sau trận lũ lụt lịch sử tàn phá nặng nề, lần thứ hai năm 2002 và lần thứ tư dự trù vào năm 2006 ; mỗi lần theo một chủ đề riêng.

Vô ích

Rất khó đoán tuổi một người đàn bà đẹp. Lan, bà xã mới mà hần đem đến giới thiệu với tôi, có thể từ 25 đến 55 tuổi.

Ba năm trước hần bất ngờ gọi điện thoại bảo tôi phải đến ở với hần ít nhất một tuần lễ để "làm chuyện vô ích". Dĩ nhiên tôi phải nghe lời hần như tôi vẫn nghe lệnh của hần từ trước đến nay. Chúng tôi là bạn từ thời tiểu học. Hần tài giỏi, thành công lớn nhưng không bao giờ quên bạn bè. Hần tốt nghiệp trường đại học danh tiếng nhất nước Mỹ, làm cho một công ty lên như diều trong những năm 1990, được chia *stock option* và trở thành chủ nhân một gia tài kết xù.

Rồi trục trặc. Hần làm việc nhiều quá, di chuyển quanh năm không có thì giờ cho vợ con. Vợ hần bèn ôm đàn sang thuyền khác, đúng ra là sang *Lexus* khác với một tài xế khác. Hần năn nỉ xin lỗi vợ thì được trả lời dứt khoát: "Em đã lỡ yêu người khác rồi!". Hần bèn xách vali ra đi, bỏ tất cả công ăn việc làm, mua một trang trại đẹp và quyết định không làm gì nữa. Vả lại hần cũng chẳng cần gì phải làm, hần đủ tài sản để sống vài chục cuộc đời phong lưu.

Khi tôi đến trình diện, hần cho tôi biết là đã tích lũy đủ loại đồ ăn uống trong vòng vài tháng, không cần phải ra khỏi *ranch*, muốn thêm gì cứ gọi điện thoại sẽ có công ty dịch vụ cung cấp ngay. Chỉ cần làm những chuyện vô ích mà thôi. Bối rối đầu tiên của tôi là định nghĩa thế nào là chuyện vô ích? Tôi chỉ biết làm chuyện có lợi hoặc có hại chứ chuyện vô ích, không có lợi mà cũng không có hại thì khó quá. Hần cũng không gỡ rối được cho tôi. Cuối cùng hần nói: "Thì mà thấy việc gì thích thú cứ làm, điều quan trọng là cái tâm". Rồi hần bảo tôi bắt đầu công việc ngay đi, đừng làm rộn hần nữa, để hần làm chuyện vô ích.

Tôi ra ngoài loay hoay một lúc chẳng biết phải làm gì, bèn ngó trộm hần, xem có được gợi ý gì không. Hần đang ngồi xếp bằng giữa nhà như tham thiền nhập định, các ngón tay cử động như lần tràng hạt. Trò chơi này thì tôi mù tịt. Phân vân một hồi, tôi vào nhà kho lấy một cái xẻng ra đào đất chơi trong vườn cỏ của hần. Hình như môn thiền cũng không hợp với hần nên một hồi sau hần cũng xách xẻng đào đất với tôi.

Thế là hai đứa chúng tôi mạnh đũa nào đũa nấy đào. Ngày hôm hần thuê một xe ben rồi nhảy lên làm tài xế điều khiển xe đào đất như một công nhân chuyên nghiệp, còn tôi thì vẫn cái xẻng đào đất trong tay leo lên đống đất hần đổ lên làm như muốn đắp thành một ngọn đồi, v.v. Cứ như thế hơn một tuần lễ. Chúng tôi không hội ý với nhau để bảo đảm sự vô ích.

Điều tôi nhận ra sau đó là một thất vọng. Thời gian làm việc vô ích này thực ra có lợi vì sau đó tôi thấy khỏe hần lên. Thế là thất bại.

Hôm nay hần đến đây, dẫn theo cô vợ mới.

Hần nói: "Cái ao chúng mình đào bây giờ Lan đã cho sửa sang lại để thả cá, rất đẹp. Sau vụ đào đất này tao

Mục lục

1. Tiến tới một nước Iraq mới
Thông Luận
2. Chính quyền cộng sản sắp xét xử lấp liếm
Thông Luận
3. Lê Chí Quang được trả tự do
Nguyễn Văn Hiệp
4. Chủ nghĩa cộng sản đến Việt Nam như thế nào?
Nguyễn Gia Kiểng
6. Không người Việt nào còn có thể im lặng!
Bùi Tín
7. Hành trình về dân chủ
Nguyễn Văn Huy
8. Phong trào dân chủ - hành động và tầm vóc
Phạm Việt Vinh
10. Thơ: Tôi đi tìm, Nghĩa tình, Tự trào
Bá Thế, Vinh Anh, Kinage
11. Tại sao đảng cộng sản vẫn còn trụ được?
Nguyễn Văn Thế
14. Phát huy lòng yêu nước tự nguyện
Võ Xuân Minh
17. Thử nhận diện các phong trào chính trị đối lập
Trương Lương Trung
19. Cuộc vận động dân chủ trong và ngoài nước
Nhân Hòa
21. Sự quan tâm của người Mỹ đối với văn hóa VN
Lê Văn Hải
25. Những mảnh đời rách nát
Tường Năng Tiên
27. Giữ gìn sức khỏe qua phép ăn uống
Thường ứng Tâm
29. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Vô ích
Đáy

thấy lạc quan và yêu đời, ngửa ngáy muốn làm một cái gì, lại gặp thẳng em họ nhờ chung vốn giúp nó mở một *business*. Tao lại hùn vốn, lại lời to. Phải có sáng kiến khác".

Lan phân trần: "Tôi bảo ông ấy cần gì phải loay hoay tìm chuyện vô ích. Anh có ông bạn Đáy cả đời vô tích sự, chỉ cần làm những việc ông ấy làm là bảo đảm vô ích".

Hần đứng dậy trình trọng tuyên bố: "Đúng vậy, hôm nay tao đến đây vừa để giới thiệu Lan với mà vừa để bái mà làm sư phụ".

Rồi hần kể:

- Ba năm qua tao loay hoay đi tìm chuyện vô ích để làm. Tao thử nghiệm nhiều lắm. Tao tham gia những cuộc hội thảo, thấy có vài ý kiến bổ ích, tao bỏ. Sau đó tao chuyển qua những buổi họp mặt gọi là "ngồi lại với nhau". Thú vị lắm. Các vị nhân sĩ ngồi lại với nhau, mỗi vị nói điều mình muốn nói. Tất cả đều bày tỏ ý muốn phối hợp hành động nhưng lại đều hãnh diện là không thuộc tổ chức nào và sẽ không tham gia tổ chức nào. Những buổi họp mặt này thì đúng là vô ích. Chỉ tiếc là ngày càng ít.